

***Vấn Đề Ăn Chay Ăn Mặn Trong Đạo Phật
Nhiều Tác Giả***

---o0o---

Nguồn

www.quangduc.com

Chuyển sang ebook 11 – 8 - 2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

Link Audio Tại Website <http://www.phatphaponline.org>

Mục Lục

Ăn chay

Đức Phật đã nói gì về việc ăn thịt?

Ăn chay

Đạo Phật và vấn đề ăn chay

Có tâm linh cao thượng gì khi là một người ăn chay?

Ăn chay, ăn mặn

Có phải tất cả Phật tử đều ăn chay?

Có phải các Phật tử đều là người ăn chay?

Phật giáo và vấn đề chay mặn

Ăn mặn, ăn chay

Vấn đề ẩm thực trong đạo Phật

Phụ đính

DĨ KINH CHỨNG KINH

TRA LẠI KINH SÁCH: TRAI VÀ CHAY

1. PHẬT GIÁO VÀ SỰ ĂN CHAY

2. LỤC TỔ HUỆ NẴNG VÀ SỰ ĂN CHAY

3. TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ VÀ SỰ ĂN CHAY

4. TAM TẠNG PÀLI VÀ SỰ ĂN CHAY

5. CƯ SĨ TRÙNG QUANG VÀ SỰ ĂN CHAY

6. SỰ THIỆN CHIỂU VÀ SỰ AN CHAY

7. PHẬT GIÁO ĐẠI THỪA TÂY TẠNG VÀ SỰ ĂN CHAY

8. HÒA THƯỢNG THIÊN HOA VÀ SỰ ĂN CHAY

BÁT NHÃ PHI BÁT NHÃ?

---o0o---

Ăn chay

Hòa thượng Sri Dhammananda

Giới thiệu: Hòa thượng K. Sri Dhammananda là một tu sĩ người Tích Lan. Ngài đã đến hoằng pháp tại Mã Lai trong 50 năm qua, và hiện nay là Tăng trưởng Tăng đoàn Phật giáo Mã Lai.

Ta không nên phán đoán sự thanh tịnh hay bất tịnh của một người đơn giản bằng cách chỉ nhìn xem người ấy ăn gì.

Trong kinh Amagandha, Đức Phật nói:

"Chẳng phải thịt, chẳng phải nhịn ăn, chẳng phải lỏa thể,
Chẳng phải cạo đầu, chẳng phải bện tóc, chẳng phải trát đất,
Chẳng phải da xù xì, chẳng phải thờ thần lửa
Chẳng phải tự hành xác nơi đây trong thế giới này
Chẳng phải thánh ca, chẳng phải hiến cúng, chẳng phải tế thần
Chẳng phải hội mừng mùa màng
Có thể làm một kẻ tâm đầy hoài nghi trở thành trong sạch."

Ăn cá hay ăn thịt tự nó không làm cho một người trở thành bất tịnh. Một người tự làm mình không trong sạch bởi niềm tin mù quáng, gian dối, thèm muốn, tự đề cao, ô danh và những dụng ý tội lỗi. Do những tư tưởng và hành động xấu xa của mình tự làm mình bất tịnh. Không có một giới luật khắt khe nào trong Phật Giáo nói là tín đồ của Đức Phật không nên ăn cá thịt. Đức Phật chỉ khuyên là không nên liên quan vào việc giết chóc có dụng ý hoặc không nên yêu cầu người khác giết bất cứ chúng sanh nào cho mình. Tuy nhiên những ai ăn chay và không ăn thịt của thú vật đáng được ca ngợi.

Mặc dù không chủ trương các thầy tu phải ăn chay, Đức Phật vẫn khuyên các thầy không nên ăn mười loại thịt vì sự tôn trọng và bảo vệ cho chính các thầy. Mười loại thịt ấy là: người, voi, ngựa, chó, rắn, sư tử, hổ, báo, gấu, linh cẩu. Một số các thú vật tấn công người khi chúng ngửi mùi thịt sống cùng loại với chúng. (Vinaya Pitaka - Tạng Luật)

Một đệ tử của Ngài là Đề Bà Đạt Đa yêu cầu Đức Phật bắt các đệ tử của Ngài ăn chay, nhưng Ngài từ chối. Vì Đạo Phật là một tôn giáo tự do, nên Ngài khuyên là để cá nhân các đệ tử tự mình quyết định việc ăn chay. Rõ ràng Đức Phật không coi việc ấy là một luật lệ đạo lý quan trọng. Đức Phật cũng không đả động gì về vấn đề ăn chay của các cư sĩ Phật Giáo trong giáo lý của Ngài.

Jivaka Komarabhacca, một vị lương y, bàn thảo về vấn đề tranh luận này với Đức Phật:

- "Bạch Đức Thế Tôn, con có nghe thấy rằng thú vật bị giết để dành cho Ân Sĩ Cồ Đàm, và Ân Sĩ Cồ Đàm cố ý ăn thịt thú vật bị giết để dành cho Ngài. Thưa Thế Tôn, có phải người ta nói thú vật bị giết là để cho Ân Sĩ Cồ Đàm, và Ân Sĩ Cồ Đàm cố ý ăn thịt thú vật bị giết vì mục đích để dâng cho Ngài Cồ Đàm. Họ buộc tội sai cho Đức Phật phải không? Hay đó là họ nói sự thật? Những lời tuyên bố và những lời giải thích thêm của Ngài phải chăng là đề tài bị người khác báng nhạo bằng một thái độ nào đó?"

- "Này Jivaka, những ai nói: 'Thú vật bị giết là để cho Ân Sĩ Cồ Đàm, và Ân Sĩ Cồ Đàm cố ý ăn thịt thú vật bị giết để dâng cho mình', không nói đúng điều ta nói, họ đã buộc tội ta không đúng. Này Jivaka, ta đã nói là không nên ăn thịt, nếu nhìn thấy, nghe thấy hay nghi ngờ thịt đó do thú vật bị giết để dâng cho các thầy tỳ kheo. Ta cho phép các thầy tỳ kheo dùng thịt trong ba điều kiện: Nếu không nhìn thấy, không nghe và không nghi ngờ thịt do thú vật bị giết để cung cấp cho các thầy tỳ kheo" (Kinh Jivaka).

Trong một số quốc gia, một số các Phật tử trường phái Đại Thừa chỉ ăn chay. Sự tuân hành này dưới danh nghĩa tôn giáo đáng tán dương nhưng chúng ta phải nhấn mạnh là họ cũng không nên buộc tội những người không ăn chay. Họ phải hiểu rằng không có giới luật trong Giáo Lý nguyên thủy của Đức Phật bắt tất cả người Phật tử phải ăn chay. Chúng ta phải nhận thức Phật Giáo là con đường Trung Đạo. Phật Giáo là một tôn giáo tự do, và lời khuyên của Đức Phật là không cần thiết đi đến cực đoan để thực hành lời Ngài dạy.

Ăn chay không thôi không thể giúp cho một người trau dồi nhân phẩm. Có những người mộ đạo thuần thành khả ái, nhũn nhặn và lễ phép giữa những người không ăn chay. Cho nên ta không nên bỏ qua quan điểm là một người trong sạch, mộ đạo là phải ăn chay.

Mặt khác, nếu bất cứ ai nghĩ rằng con người nếu không ăn thịt cá thì không thể sống khỏe mạnh, không cần thiết phải theo điều đó vì không đúng: hàng triệu người ăn chay trên khắp thế giới mạnh hơn và có sức khỏe hơn những người ăn thịt.

Những ai chỉ phê bình Phật Tử ăn thịt là không hiểu thái độ của đạo Phật về thực phẩm. Mỗi chúng sanh cần có thực phẩm. Chúng ta ăn để sống. Như

vậy con người cần phải cung cấp cho thân xác thực phẩm cần thiết để giữ cho được khỏe mạnh và có đủ năng lực làm việc. Tuy nhiên, do kết quả của sự gia tăng của cái, càng ngày càng nhiều người, nhất là trong các quốc gia phát triển, đơn giản ăn để thỏa mãn khẩu vị của họ. Nếu ta tham đắm vào bất cứ loại thực phẩm nào, hay giết thú vật để thỏa mãn thói tham ăn thịt của mình thì điều đó là sai quấy. Nhưng nếu một người ăn thịt chẳng phải vì tham lam, và không trực tiếp liên can vào hành động giết mà chỉ là để trợ sức cho xác thân vật chất, người đó thực hành hạnh tự chế.

Trích: "Vì sao tin Phật" (What Buddhists believe), Tỳ kheo Thích Tâm Quang dịch.

---o0o---

Đức Phật đã nói gì về việc ăn thịt?

Tỳ kheo Ajahn Brahmavamso

Giới thiệu: Tỳ kheo Brahmavamso là một tu sĩ người Anh. Ông xuất gia năm 23 tuổi sau khi tốt nghiệp Đại học Oxford ở Anh quốc. Ông là một trong những vị đệ tử người Tây phương đầu tiên của ngài thiền sư Ajahn Chah, Thái Lan. Hiện nay, ông là vị Tăng trưởng Tu viện Bodhinyana (Giác Minh) và là vị lãnh đạo tinh thần Hội Phật Giáo Tây Úc.

-ooOoo-

Ngay từ lúc đạo Phật được thành lập hơn 2500 năm về trước, các Tăng Ni vẫn sống nhờ vào việc khát thực. Trước kia và hiện giờ cũng vậy, họ không được phép trồng tía lấy lương thực, không được tích lũy thực phẩm, cũng như không được tự nấu nướng thức ăn. Thay vào đó, mỗi buổi sáng họ dùng bữa của mình bằng cách sử dụng bất kỳ thứ gì các Phật Tử đã tự nguyện dâng cúng cho họ. Cho dù thức ăn có giàu năng lượng hay kém phẩm chất, khoái khẩu hay khó ăn, tất cả đều được họ chấp nhận với lòng tri ân và được xem như là dược phẩm để duy trì sự sống. Đức Phật đã đặt ra nhiều giới luật ngăn cấm chư Tăng không được đòi hỏi thức ăn mà họ ưa thích. Kết quả là chư Tăng chỉ nhận các loại thực phẩm giống hệt như thức ăn người dân thường hay sử dụng -- và thông thường thì các thực phẩm đó có chứa thịt cá.

Một lần nọ, có một vị tướng giàu có và đầy uy thế tên là Siha (nghĩa là "Sự tử") đến thăm Đức Phật. Tướng quân Siha trước kia là đồ đệ hết lòng ủng hộ các tu sĩ Kỳ-na giáo; nhưng ông rất cảm động và cảm kích sau khi nghe những lời dạy của Đức Phật, nên ngay trong buổi gặp gỡ đó, vị tướng này đã xin quy y Tam Bảo (nghĩa là trở thành Phật tử). Sau đó, tướng quân Siha mời Đức Phật cùng với một số rất đông các vị chư Tăng đến nhà của ông trong thành phố để dùng cơm vào buổi sáng hôm sau. Để sửa soạn cho bữa cúng dường thức ăn đó, tướng quân Siha ra lệnh người đầy tớ đi mua một số thịt ở chợ để dùng vào dịp lễ này. Khi các vị tu sĩ Kỳ-na giáo nghe biết được sự quy y Phật Pháp của người bảo trợ cũ của họ và ông ta đang sửa soạn một bữa cơm cúng dường Đức Phật cùng chư Tăng, họ trở nên bức tức và nói rằng:

"Từ nay sẽ có nhiều vị đạo sĩ Ni-kiền (tu sĩ Kỳ-na giáo) vẫy tay, than phiền từ đường xe ngựa này đến đường xe ngựa khác, từ khắp ngã rẽ này sang ngã rẽ khác trong thành phố, rằng: Ngày hôm nay tướng quân Siha đã giết một con vật béo, để dọn một bữa tiệc thiết đãi ân sĩ Cồ Đàm (Đức Phật). Ân sĩ Cồ Đàm đã cố ý ăn thịt từ con vật mà ông ta biết đã được giết để thiết đãi ông ta và các vị chư tăng đi theo; và việc này được thực hiện chỉ vì ông ta mà thôi" [1]

Thật ra, tướng quân Siha đã phân biệt rất hợp với đạo đức, giữa một bên là thịt mua tại chợ đã được giết mổ sẵn để bán và bên kia là mua một con vật còn sống và ra lệnh giết. Sự phân biệt này không mấy hiển nhiên đối với một số người Âu Mỹ, nhưng đã được ghi chép rất nhiều lần trong giáo lý của Đức Phật. Thế rồi, để xác định rõ thái độ về việc ăn thịt cho chư Tăng, Đức Phật dạy:

"Này chư Tỳ-kheo, Ta cho phép các vị dùng thịt cá trong ba trường hợp sau đây: thịt này phải chưa được các vị nhìn thấy, các vị chưa được nghe biết, hoặc giả chư vị không có gì phải nghi ngờ là con vật đó đã được sát sanh chỉ nhằm mục đích thiết đãi cho chư vị. Nhưng các vị không được cố tình sử dụng thứ thịt đã được giết chỉ dành cho các vị sử dụng mà thôi." [2]

Có nhiều đoạn trong Kinh điển Phật giáo cho thấy Đức Phật và các vị chư Tăng của ngài được cúng dường thịt và các ngài cũng nhận để ăn. Một trong những đoạn kinh này được viết trong phần mở đầu câu chuyện liên quan đến một giới luật hoàn toàn không liên quan gì đến thịt (Ni-tát-kỳ Ba-dật đề, Xả đọa pháp, 5) và thoáng qua cho thấy thịt nói ở đây hoàn toàn chỉ là ngẫu

nhiên đối với đề tài chính mà câu chuyện muốn nhấn mạnh đến tính xác thực của đoạn văn:

- Bà Uppalavanna (Liên hoa sắc) là một trong hai vị nữ đại đệ tử của Đức Phật. Bà thọ giới tỳ-kheo-ni khi vẫn còn trẻ và chẳng bao lâu đã được giác ngộ hoàn toàn. Ngoài sự kiện bà là một vị A-la-hán, bà còn có nhiều uy lực thần thông đến độ chính Đức Phật đã tuyên bố bà là người lỗi lạc nhất trong số tất cả các vị nữ đệ tử về mặt này. Một lần kia, trong khi bà Uppalavanna đang ngồi tham thiền một mình vào buổi trưa tại khu vườn "Người Mù", trong một cánh rừng hẻo lánh bên ngoài thành Xá-vệ, có một vài tên cướp đi ngang qua đó. Một tên cướp vừa mới đánh cắp một con bò, giết con vật và chạy trốn với một ít thịt. Vừa nhìn thấy một vị ni sư tham thiền điềm tĩnh và nghiêm trang, tên cướp đầu sỏ đã nhanh nhẹn bỏ một ít thịt bò trong một cái bao làm bằng lá cây và để lại cho ni sư. Ni sư Uppalavanna nhặt miếng thịt bò lên và quyết định dâng cúng cho Đức Phật. Ngay sáng sớm hôm sau, sau khi đã nấu thức ăn với thịt đó, bà cất mình lên không trung và bay tới nơi đức Phật đang ngụ, tại Trúc lâm bên ngoài thành Vương xá, và như thế Ni sư đã bay một quãng đường trên 200 kí-lô-mét. Mặc dù không nghe nói đến việc Đức Phật đã thực sự sử dụng món thịt đó, nhưng rõ ràng là một ni sư có nhiều thần thông ắt hẳn bà đã biết Đức Phật dùng món ăn nào.

Tuy nhiên cũng có một số thịt đặc biệt cấm các vị chư tăng không được sử dụng. Đó là: thịt người, vì những lý do đã quá rõ ràng; thịt voi và thịt ngựa vì trong thời kỳ đó, hai con vật này được coi là thú vật của nhà vua; thịt chó - vì dân chúng thường coi chó là con vật ghê tởm; thịt rắn, sư tử, cọp, báo, gấu và linh cẩu - vì người ta tin rằng ai ăn thịt những loài thú rừng nguy hiểm này sẽ toát ra một mùi đặc biệt có thể khiến cho các con vật đồng loại tấn công người đó để trả thù.

Vào cuối cuộc đời Đức Phật, người anh họ của ngài tên là Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) có ý định chiếm quyền lãnh đạo Tăng đoàn. Để có được hậu thuẫn của các vị khác, Devadatta đã cố gắng tỏ ra nghiêm khắc hơn cả Đức Phật và muốn chứng minh rằng Đức Phật có phần dễ dãi. Devadatta đề nghị với Đức Phật là tất cả các vị Tăng Ni đều phải "ăn rau đậu" ("ăn chay trường"). Đức Phật đã từ chối và một lần nữa Ngài nhắc lại một giới luật mà Ngài đã thiết lập nhiều năm về trước, qui định tất cả các Tăng Ni có thể ăn thịt hay cá, khi nào biết rõ thịt con vật đó không bị cấm sử dụng và khi họ không có lý do gì để nghi ngờ rằng con vật đó được giết đặc biệt dùng để chiêu đãi họ (Tam tịnh nhục).

Hồi đó, Luật đã đề cập rõ ràng đến vấn đề này. Các vị Tăng Ni có thể ăn thịt. Ngay cả Đức Phật cũng đã dùng thịt. Tiếc thay, một số người Tây phương ngày nay thường xem việc ăn thịt đối với các vị Tăng Ni như là sự nuông chiều ưu đãi. Đó là một điều rất xa sự thật - vì tôi đã từng thực hiện việc "ăn chay trường" được ba năm trước khi trở thành một tu sĩ. Trong năm đầu khi tôi tu học tại vùng Đông Bắc Thái Lan, tôi đã phải cố gắng đối diện với nhiều bữa ăn chỉ có cơm nếp với ếch luộc (ăn toàn bộ cả thịt lẫn xương), hoặc với ốc sên dai như cao su, hoặc kiến càng nấu với cà-ri, hoặc châu châu chiên giòn - tôi nghĩ có lẽ người "ăn chay" là người tốt phước hơn! Nhân ngày Lễ Giáng Sinh đầu tiên tại miền Đông Bắc Thái Lan, một người Mỹ đến thăm tu viện khoảng độ một tuần trước ngày 25 tháng 12. Thật khó có thể tin nổi, ông ta có một trại nuôi gà tây, và rồi, ông ta đã nhanh chóng nhận ra chúng tôi đang phải sống trong hoàn cảnh khổ sở như thế nào. Ông ta hứa sẽ đem đến cho chúng tôi một con gà tây để ăn Giáng Sinh. Ông ta bảo sẽ chọn một con gà tây thật to béo đặc biệt dành cho chúng tôi... và tôi thấy nản lòng. Chúng tôi không thể nhận thịt gà tây đó khi biết đích xác con vật bị giết lấy thịt đặc biệt để cho các vị tăng ni sử dụng. Chúng tôi từ chối không nhận món quà đó. Thế là tôi đành phải quay về với thức ăn của cư dân trong làng - lại cơm nếp với ếch luộc.

Các vị tăng ni không được lựa chọn gì cả khi đến bữa ăn và điều này còn khó khăn hơn là "ăn chay trường". Tuy nhiên, chúng ta có thể khuyến khích việc ăn rau đậu, và nếu như những vị cư sĩ hộ tăng đem đến cúng dường chư Tăng toàn là thực phẩm rau đậu và không có thịt, thì trong trường hợp đó, các vị sư cũng không phàn nàn. Mong rằng quý vị hiểu cho điều này, và hãy đối xử tốt với các loài thú vật.

Tài liệu tham khảo

[1] Book of the Discipline (Luật tạng), vol. 4, p.324

[2] ibid, p. 325

Nguyên tác: "What the Buddha said about eating meat?",
Ajahn Brahmavamsa, Tỳ kheo Thiện Minh dịch.

---o0o---

Ăn chay

Tỳ kheo S. Dhammika

Giới thiệu: Tỳ kheo S. Dhammika là một tu sĩ người Úc. Khi còn là cư sĩ, ông là một thành viên hoạt động tích cực cho Hội Phật Giáo bang New South Wales, Úc châu. Hiện nay, ông đang hoằng pháp tại Sri Lanka, Âu châu, Singapore, và là một cố vấn chương trình tôn giáo của Bộ Giáo dục.

-ooOoo-

Có rất nhiều ý kiến khác nhau giữa các Phật Tử về vấn đề này. Cho nên chúng tôi chỉ xin trình bày những luận chứng của những người tin rằng "Ăn Chay" là cần thiết cho các Phật tử và của những người không tin điều đó. Ăn chay không phải là một phần truyền thống Phật Giáo nguyên thủy, và chính Đức Phật cũng không phải là người ăn chay. Đức Phật sử dụng thực phẩm hàng ngày do Ngài đi khất thực hay do những người ủng hộ mời Ngài đến nhà dùng bữa, và trong cả hai trường hợp, Ngài đã ăn những gì được dâng cúng cho Ngài. Trước khi giác ngộ, Đức Phật đã thử dùng nhiều loại thức ăn khác nhau, kể cả loại thức ăn không có thịt. Nhưng cuối cùng Ngài đã bỏ không dùng các loại thức ăn đó vì Ngài tin rằng chúng chẳng giúp gì cho việc phát triển tâm linh.

Kinh Tập, thuộc Tiểu Bộ, đã nhấn mạnh điểm này, cho rằng chính sự phóng dăng đã khiến cho người ta trở nên ô uế (cả về đạo đức lẫn tinh thần), chứ không phải là việc ăn thịt. Đức Phật thường mô tả là người sử dụng thịt. Ngài đã giới thiệu nước sốt thịt như là một phương thuốc chữa được một số bệnh tật và khuyên các vị tăng ni dùng thịt vì những lý do thực tiễn, tránh một số loại thịt, hiểu ngầm là những loại thịt khác được chấp nhận cho sử dụng.

Tuy nhiên về sau này, một số Phật tử dần dà cảm thấy khó chịu về việc ăn thịt. Vào năm 257 trước Tây lịch, vua Asoka (A-dục) phán rằng trái với trước đây, từ nay chỉ có hai con công và một con nai được giết thịt để cung cấp thực phẩm trong nhà bếp của hoàng gia và cuối cùng ngay cả việc này cũng đã được bãi bỏ. Vào thời kỳ bắt đầu kỷ nguyên Ky-tô Giáo, ăn thịt đã trở thành điều không thể chấp nhận được, đặc biệt là đối với những người theo phái Bắc Tông mặc dù những cuộc bút chiến chống lại điều này trong các tác phẩm như Kinh Lăng Già cho thấy ăn thịt vẫn còn rất phổ biến hay ít nhất cũng vào thời điểm của những tranh luận đó. Các bản văn phái Mật tông có niên đại từ thế kỷ thứ 7 và 8 Tây lịch trở đi, thường khuyến khích cả việc uống rượu lẫn ăn thịt, và cả hai đều thích hợp để dâng cúng các vị thần.

Rất có thể đây là để bày tỏ sự tự do không ràng buộc vào quy ước mà phái Mật tông đã dạy, để chống đối lại các người Bắc tông vốn thực hành việc kiêng uống rượu và ăn thịt như là để thay thế cho sự thay đổi tâm linh thật sự.

Ngày nay, người ta thường cho rằng những người theo Bắc tông thì "ăn chay trường" còn những người theo Nam tông thì không. Tuy nhiên, thực tế lại có phần phức tạp hơn. Thường thì các Phật tử Nam tông không có bất kỳ hạn chế nào trong chế độ ăn uống, mặc dù chúng ta vẫn thường thấy nhiều vị tăng ni hay cư sĩ ở Sri Lanka ăn toàn rau đậu. Một số khác kiêng thịt nhưng lại ăn cá. Các vị tăng ni Trung Hoa và Việt Nam thì "ăn chay trường" rất nghiêm khắc và cộng đồng cư sĩ tại đó noi gương họ, mặc dù cũng có nhiều người không làm như thế. Tuy nhiên, trong số các Phật tử Tây Tạng và Nhật Bản, rất ít khi thấy họ ăn chay.

Những người tu ăn chay chỉ dựa trên lý luận đơn giản, đầy thuyết phục là để hỗ trợ cho lý tưởng tu hành của họ. Vì theo họ, ăn thịt khuyến khích một công nghiệp tạo ra những hành động tàn ác và gây ra cái chết cho hàng triệu súc vật. Một người có lòng từ bi nhân hậu muốn làm dịu đi tất cả những đau khổ đó. Bằng cách từ chối ăn thịt, chúng ta sẽ làm được điều đó.

Những người tin rằng việc ăn chay là không cần thiết đối với Phật tử cũng có các lý luận không kém phần thuyết phục, mặc dù phức tạp hơn, để hỗ trợ cho quan điểm của họ: (1) Nếu như Đức Phật cảm thấy các thức ăn không thịt là hợp với các Giới Luật thì ắt hẳn Ngài đã tuyên bố và ít ra cũng đã được ghi chép trong Tam tạng Pali, nhưng đáng ngạc nhiên lại không thấy Ngài đề cập đến. (2) Trừ phi chính chúng ta thực sự giết con vật (ngày nay điều này ít khi xảy ra) để lấy thịt sử dụng, thì chúng ta không có trách nhiệm trực tiếp về cái chết của con vật đó; và hiểu như vậy thì người ăn chay và không ăn chay cũng không khác biệt gì cả. Những người ăn chay chỉ có thể ăn rau quả vì có người nông dân cấy cấy ruộng (như vậy họ cũng đã sát hại biết bao nhiêu sinh vật) và phun thuốc trừ sâu (lại giết thêm nhiều sinh vật nữa) (3) Cho dù những người ăn chay không ăn thịt, họ cũng phải dùng rất nhiều sản phẩm khác dẫn đến việc sát hại thú vật (như sà-phòng, đồ da thuộc, huyết thanh, tơ tằm, v.v...). Tại sao chúng ta kiêng không dùng một thứ sản phẩm này, song lại sử dụng các thứ khác? (4) Các đức tính tốt như cảm thông, nhân nại, quảng đại, và trung thực, và các tính xấu như ngu dốt, kiêu hãnh, đạo đức giả, ganh tị và lãnh đạm thờ ơ không tùy thuộc vào những gì chúng ta ăn vào miệng, và như vậy thì thức ăn không phải là nhân tố quan trọng để phát triển tâm linh.

Một số người sẽ chấp nhận quan điểm này, nhưng số người khác thì lại chấp nhận quan điểm kia. Như vậy, mỗi người phải tự quyết định lấy cho mình.

Tài liệu tham khảo:

1) Ruegg, D.S., "Ahimsa and Vegetarianism in the History of Buddhism", Buddhist Studies in Honour of Walpola Rahula, S. Balasooriya et. al., London, 1980.

2) P. Kapleau, "To Cherish All Life", London, 1982

Nguyên tác: "Vegetarianism", Venerable S. Dhammika, BhuddhaNet. Tỳ kheo Thiện Minh dịch.

---o0o---

Đạo Phật và vấn đề ăn chay

Tỳ kheo Ajahn Jagaro

Giới thiệu: Tỳ kheo Jagaro là người Úc gốc Ý. Ông xuất gia, tu học với ngài thiền sư Ajahn Chah, vùng Đông Bắc Thái Lan. Ông trở về Úc năm 1982 và đã tích cực giúp thành lập tu viện Bodhinyana (Giác Minh) tại bang Tây Úc. Ông hoàn tục, trở về đời cư sĩ năm 1995 và sang định cư ở New York, Hoa Kỳ. Tại đó, với thể danh là John Cianciosi, ông tiếp tục đóng góp Phật sự, hướng dẫn các khóa thiền và viết các bài pháp luận cho các nội san địa phương. Bài viết dưới đây dựa theo một buổi thuyết pháp năm 1994 tại Úc, khi ông còn là tu sĩ.

-ooOoo-

Trước đây đã có một dịp tôi nói chuyện về đề tài "Phật Giáo và vấn đề ăn chay," một vài người trong hàng thánh giả đã có những phản ứng rất mạnh mẽ. Những người có phản ứng mạnh với các bài nói chuyện thường là những người quá quan tâm về đề tài đó, nghĩa là họ có quan điểm rất mạnh mẽ về đề tài của bài nói chuyện. Đây là một mối nguy hiểm lớn, là vì ngay khi chúng ta đã có định kiến mạnh mẽ và cố hữu về bất kỳ điều gì, thường

khiến chúng ta trở thành cứng nhắc. Suy nghĩ của ta trở thành hẹp hòi, khiến ta có phản ứng quá đáng với bất kỳ những gì được trình bày. Nếu điều gì không hợp với ta, dứt khoát điều đó chống lại ta. Chúng ta chỉ thấy có vậy thôi - chỉ có trắng hoặc đen - và thật là đáng hổ thẹn biết bao! Đức Phật đã từng cảnh cáo chúng ta về sự chấp thủ vào những quan niệm và ý kiến, như là một trong những nguyên nhân cơ bản gây ra đau khổ.

Chúng ta thường thấy điều này lặp đi lặp lại trong mọi hình thức của cuộc sống. Hầu hết các vụ xung đột mà chúng ta can dự trong đời sống đều phát xuất từ bất đồng ý kiến với một số quan điểm về những việc nào đó. Những xung đột này xảy ra là do chúng ta quá gắn bó với những quan kiến và nhận thức của ta.

Lẽ tất nhiên, chúng ta cần có những quan kiến, chúng ta không thể sống mà không có chúng. Quan kiến là cách thức chúng ta nhìn sự vật xung quanh, là cách chúng ta am hiểu đôi điều gì đó, là sở thích liên quan đến những lựa chọn đa dạng về mọi vấn đề. Đây là điều rất tự nhiên. Bao lâu chúng ta còn có khả năng suy nghĩ, nhận thức hay bị chi phối cách này cách khác, chúng ta sẽ có quan kiến riêng, và với một số vấn đề nào đó, những quan kiến này lại hết sức mạnh mẽ và cứng nhắc.

Chủ nghĩa ăn rau đậu, hay "ăn chay", là một vấn đề thuộc loại này. Tôi nay, tôi sẽ trình bày một đề tài để suy gẫm. Tôi không có ý định ngồi đây để đưa ra lời cuối cùng về đạo Phật và chủ nghĩa ăn chay. Đó không phải là ý định của tôi, cũng không phải là phong cách của một Phật tử. Sự hiểu biết của tôi là từ kinh nghiệm của tôi, từ nhận thức của tôi, và từ sự suy tư của tôi. Các bạn có thể đồng ý hay không đồng ý với tôi. Điều đó không thành vấn đề, khi nào các bạn vẫn còn suy tư rõ ràng về đề tài này và tự rút ra kết luận cho chính mình. Tôi giữ một vị thế trung hòa vì tôi không cho là đề tài đặc biệt này lại chỉ đơn giản có thể hiểu được bằng các từ ngữ trắng hay đen. Tôi giữ vị thế của một Phật tử như theo tôi hiểu.

Căn bản kinh điển

Chúng ta hãy bắt đầu với một câu hỏi hết sức cơ bản: Theo tất cả những gì chúng ta có thể thẩm định được, "ăn chay" có phải là điều kiện tiên quyết để trở thành Phật tử theo giáo lý của Đức Phật hay không? Tôi phải nói ngay là: Không. Theo các bản kinh của đạo Phật, ăn chay không phải là một điều kiện tiên quyết để trở thành Phật tử.

Có người nói, "Vâng, làm sao ông biết được Đức Phật đã dạy gì nào?" Đúng vậy, tôi không thể biết được bằng chính kinh nghiệm cá nhân của mình; nếu tôi đã gặp Đức Phật vào thời của Ngài, bây giờ tôi cũng không nhớ hết. Vậy thì chúng ta phải dựa vào điều gì đây? Chúng ta phải dựa vào những kinh điển đã được truyền lại cho chúng ta qua bao thế kỷ nay. Chúng ta có tin vào các bản kinh đó hay không là tùy ở thái độ chúng ta có chấp nhận chúng như là những bản ghi chép chính xác về những lời giảng dạy của Ngài hay không. Theo truyền thống Phật giáo Nguyên thủy, chúng ta có được các bản kinh, gọi là Thánh điển Pali. Có rất nhiều quyển kinh: như tạng Luật, bao gồm các giới luật dành cho các vị Tăng Ni, tạng Kinh, bao gồm các bài thuyết giảng của Đức Phật, và cuối cùng là tạng Vi Diệu Pháp, là hệ thống triết học và tâm lý Phật giáo được phát triển từ những bản văn cơ bản trên. Đa số các học giả đều đồng ý rằng tạng Vi Diệu Pháp, "giáo lý cao cấp", được phát triển sau này bởi các vị luận sư từ các bài kinh căn bản, như là một hệ thống phân tích để dễ giải thích và cũng để dùng trong các buổi tranh luận.

Tóm lại, có ba bộ tạng kinh điển. Những nghiên cứu của tôi chỉ giới hạn vào tạng Luật và tạng Kinh, là những quyển sách ghi chép về giới luật và các bài thuyết giảng. Từ những nghiên cứu học hỏi, tôi có được một niềm tin tưởng rất lớn rằng những gì được trình bày trong những kinh điển này đều mô tả chính xác những gì Đức Phật đã giảng dạy. Tuy nhiên, tôi không dám khẳng định là từng chữ trong các kinh điển đó đều giống y như lời của Đức Phật. Đã có một vài thay đổi, thêm thắt qua thời gian, nhưng điều cốt lõi vẫn còn đó. Điều quan yếu là các bản văn này là một hồ sơ ghi nhận chính xác và thành thật những gì Đức Phật đã giảng.

Nền tảng cho lý luận của tôi chỉ đơn giản dựa trên thực tế là: những người truyền lại cho ta và kiểm chứng những giáo lý này đều là những đệ tử, những vị Tăng Ni đã hết lòng kính trọng Đức Phật, y hệt như chư Tăng ngày nay, và tôi không nghĩ là có nhiều người dám cố ý thay đổi những lời giảng dạy của Đức Phật. Rất ít khi có vị tăng ni nào lại dám sẵn sàng thực hiện điều đó. Bất kỳ thay đổi nào, nếu có xảy ra, cũng chỉ đơn giản là những phương cách thiết thực giúp cho việc tụng đọc được thuận lợi hơn mà thôi. Rất có thể đã có những thay đổi vô ý, nhưng tôi không tin các bản văn đó đều đã bị cố ý hủy hoại, nhất định không thể có trong một đường lối nghiêm trọng.

Điều này đã được xác minh đặc biệt đối với các quyển Giới Luật Tu Sĩ. Qua nhiều thời đại, Phật giáo được truyền bá một cách chậm chạp, từ vùng thung

lũng sông Hằng xuyên suốt Ấn Độ, tiến về hướng Nam đến Sri Lanka, băng qua Miến Điện và Thái Lan, rồi tiến về hướng Bắc đến Tây Tạng và cuối cùng là đến Trung Hoa. Qua nhiều thế kỷ, đạo Phật bắt đầu chia chẻ thành nhiều trường phái. Một vài trường phái phát triển mạnh mẽ tại nhiều miền khác nhau ở Ấn Độ và tại nhiều địa phương xa xôi khác, và như vậy các trường phái này có rất ít hay hầu như không có liên lạc với nhau. Tuy nhiên, khi so sánh bản Giới Luật, chúng ta thấy được những điểm tương đồng rõ rệt giữa các trường phái khác nhau này. Vì các bộ Luật rất tương đồng với nhau, ắt hẳn các bộ đó phải có cùng một nguồn gốc nhất định.

Thế nên, có đủ lý do mà tin tưởng vào những tài liệu chúng ta gọi là Thánh điển Pali và chấp nhận thánh điển đó là đại diện giáo lý của Đức Phật. Trong bất kỳ tình huống nào, đây chính là bằng chứng hiển nhiên ta phải xử lý, bởi vì chẳng có ai hiện diện ở đây có thể nói, "Tôi đã nghe Đức Phật nói khác như vậy." Những kinh điển đó là đại diện có thẩm quyền nhất hay minh định nhất cho những lời giảng dạy của Đức Phật.

Nếu chúng ta nghiên cứu các kinh điển này một cách cẩn thận, chúng ta sẽ không tìm thấy huấn thị nào dành cho cả cư sĩ lẫn tu sĩ về vấn đề ăn chay. Cũng không có bất kỳ đề cập nào về ăn chay như là lời giáo huấn Phật giáo dành cho các vị tăng ni hoặc cư sĩ. Nếu như Đức Phật đã qui định ăn chay là điều kiện tiên quyết để trở thành Phật tử, chắc chắn Ngài phải đề cập đến ở đâu đó trong kinh điển. Nhưng ngược lại, chúng ta có thấy một số trường hợp Đức Phật có nói đến thực phẩm, đặc biệt các giới luật có liên quan đến chư tăng, cho thấy là, vào thời đức Phật, đôi khi các vị chư tăng cũng ăn thịt.

Nếu các bạn kiên nhẫn với tôi, tôi có thể trình bày cho các bạn một số chứng cứ lịch sử. Trong các bản kinh điển này, đặc biệt là trong tạng Luật, có nhiều đoạn trích dẫn về các vị chư tăng được và không được phép làm gì. Có nhiều giới luật qui định về thức ăn thức uống; có những giới luật đề cập đến đủ thứ linh tinh liên quan đến thực phẩm, một số qui định xem ra rất lạ thường. Nếu như các vị sư bắt buộc phải là người "ăn chay trường" thì những qui định này hình như hoàn toàn vô tác dụng hoặc vô nghĩa.

Thí dụ như có một giới luật cấm các vị sư không được ăn thịt một số các con vật như: thịt ngựa, thịt voi, thịt chó, thịt rắn, thịt hổ, thịt báo và thịt gấu. Có hàng tá các loại thịt mà Đức Phật đã chỉ định cấm các vị tăng ni không được sử dụng. Việc Ngài ra luật nghiêm cấm các vị Tăng Ni không được dùng một số loại thịt đó cho thấy là họ có thể sử dụng các loại thịt khác.

Cũng có một giới luật khác: khi có một vị sư bị bệnh, và vì ông bị đau quá nặng, có một môn đệ phụ nữ rất sùng đạo đã đến hỏi xem nhà sư đã bị đau như vậy bao giờ chưa và nhà sư dùng thứ gì để chữa trị? Có lẽ nhà sư bị đau dạ dày, và ông cho biết lần trước ông cũng đã bị như vậy và có người đem đến cho ông một ít "nước sốt thịt" để giúp làm dịu cơn đau. Thế là người phụ nữ sùng đạo liền chạy ra chợ tìm mua một ít thịt để làm nước sốt thịt cho nhà sư dùng. Tuy nhiên hôm đó lại là ngày Bó-tát, nên không thể kiếm đâu ra thịt. Có một truyền thống tại Ấn Độ là không giết mổ thú vật vào những ngày kể trên. Vì quá mộ đạo, người phụ nữ này đã quyết định không thể để cho nhà sư phải tiếp tục chịu đau khổ, thế nên bà ta cắt ngay một miếng thịt của chính mình và làm món nước sốt thịt. Rồi bà đem món đó lại cho nhà sư, dâng cho ông, và hình như nhà sư đã dùng món nước sốt thịt đó và đã bình phục. Khi Đức Phật nghe được điều này, Ngài đã đưa ra một giới luật nghiêm cấm các vị chư tăng không được ăn thịt người. Thật là may (cho tu sĩ chúng tôi) khi có được giới luật đó! Cho nên, đây sẽ là một giới luật lạ lùng, hoàn toàn vô nghĩa lý, nếu như đã có qui định là các vị chư tăng không bao giờ được dùng thịt.

Còn có nhiều thí dụ tương tự như thế, trong tạng Luật và tạng Kinh. Khi Đức Phật nghe biết người ta tố cáo các vị chư tăng của Ngài gây ra sự giết hại thú vật vì họ ăn thịt, Ngài đã khẳng định không phải như vậy. Thế rồi Ngài công bố ba điều kiện (tam tịnh nhục), theo đó các vị sư không được ăn thịt là: nếu như họ đã nhìn thấy, đã nghe được hoặc nghi ngờ là con vật đó được giết mổ đặc biệt để cúng dường họ, trong các trường hợp này các vị tăng ni phải từ chối, không nhận thực phẩm đó. Còn các trường hợp khác, khi các vị chư tăng đi khất thực, thông thường họ phải nhìn vào bình bát khất thực của mình và nhận bất cứ món gì được dâng cúng với tấm lòng biết ơn, không được tỏ vẻ thích thú hay khó chịu gì cả. Tuy nhiên, nếu một vị sư biết, nghe và nghi ngờ là con vật đó bị giết lấy thịt chỉ để nuôi các vị sư, thì họ phải từ chối, không nhận thực phẩm đó.

Còn có nhiều ví dụ khác nữa mà tôi không nêu ra đây, rải rác đây đó trong kinh điển cho thấy là không nhất thiết đòi hỏi các vị chư tăng và các cư sĩ phải là người ăn chay.

Hơn thế nữa, chúng ta có thể nhận thấy qua lịch sử đạo Phật, không có quốc gia Phật giáo nào lại áp dụng việc ăn chay thành phổ biến cho mọi công dân Phật tử. Điều này cho thấy việc ăn chay không được thực hiện ngay từ lúc ban đầu. Mặc dù một số tu sĩ Bắc Tông ăn chay - nhất là người Trung Hoa, Việt Nam và một vài người Nhật Bản - đa số các cư sĩ thì không ăn chay. Về

mặt lịch sử từ thuở ban đầu cho đến ngày nay, nhìn chung, các Phật Tử không phải là những người ăn chay nghiêm khắc. Điều này hỗ trợ cho kết luận rút ra từ việc khảo sát kinh điển là không bao giờ có một điều kiện tiên quyết nào đòi hỏi những người muốn trở thành Phật tử phải là người ăn chay.

Tuy nhiên ta cũng có thể tranh luận với nhau, và điều này thường hay xảy ra, đặc biệt nơi các vị chư tăng ăn chay, cũng như các cư sĩ, cho là kinh điển có thể đã bị sửa đổi. Họ biện luận là chính Đức Phật đã dạy phải ăn chay, nhưng các vị chư tăng (kết tập kinh điển) muốn ăn thịt nên đã cố tình thay đổi một số điều có liên quan đến vấn đề ăn chay trong toàn bộ tất cả các bản văn. Lúc đó, họ đã không có máy vi tính để chỉ gõ vào cụm từ "có liên quan đến thịt" và có được danh sách liệt kê các đoạn kinh về vấn đề đó. Ngay từ đầu, khi kinh điển được truyền tải qua lời truyền khẩu và đã có rất nhiều các vị chư tăng tham gia vào công việc này. Không ai trong họ có được một "đĩa mềm" để có thể thực hiện được việc thay đổi đó trong vòng nửa giờ đồng hồ. Thật không dễ gì thực hiện được điều đó, vì có quá nhiều điểm tham khảo rải rác khắp trong kinh điển. Bạn có thể thay đổi một điểm ở chỗ này nhưng rồi điều đó có thể mâu thuẫn với các điểm qui chiếu khác. Các vị tu sĩ khó có thể đạt được một mức độ thuần nhất nếu họ phải thay đổi vô số điểm quy chiếu trong toàn bộ kinh điển. Vì thế cho nên tôi nghĩ lập luận cho là các vị chư tăng muốn ăn thịt đã thay đổi sai lạc kinh điển là hoàn toàn không có cơ sở. Tôi nghĩ là kinh điển là chính xác. Tôi nghĩ Đức Phật đã không đưa ra một điều kiện tiên quyết nào cho bất kỳ ai muốn trở thành đệ tử của Ngài. Tôi cũng không nghĩ là Ngài đã đề ra một giới luật (về ăn chay) như vậy để huấn luyện các vị chư tăng.

Một điểm gây tranh cãi nữa lại nổi lên về giáo lý của Đức Phật, vì một trong những học giới cho tất cả những ai muốn trở thành đệ tử của ngài là họ không được giết hại (sát sinh) bất kỳ sinh vật nào. Giới luật đầu tiên dành cho một Phật tử là: Panatipata veramani sikkhapadam samadiyami (Tôi nguyện gìn giữ học giới là không giết hại bất kỳ sinh vật nào). Đây là công việc tu tập cho mỗi vị tăng, ni, sa di, bạch y, nam và nữ cư sĩ, và là căn bản cho sự tu tập đức tính vô hại.

Dường như có một sự không nhất quán, dường như không cân bằng, nhưng đây chỉ đơn giản là do không suy nghĩ rõ ràng về vấn đề thảo luận. Rõ ràng là Đức Phật đã thấy sự khác biệt rộng lớn nơi hai việc luyện tập này - việc luyện tập không giết hại (sát sanh) và việc luyện tập có liên quan đến chế độ ăn uống. Chúng hoạt động trong các cấp độ khác nhau.

Đức Phật rất thực tế. Khi Ngài đề ra những học giới, Ngài chỉ đề ra những giới luật nào mọi người có thể tuân theo, có thể gìn giữ được. Thí dụ như, Ngài đã không đưa ra một giới luật tu tập cấm bạn không được ăn uống quá độ. Các nhà sư phải sống nhờ khát thực và Ngài đã đề ra rất nhiều giới luật có liên quan đến ăn uống cho các vị chư tăng - họ chỉ được phép ăn vào buổi sáng (trước Ngọ), khi ăn họ không được gây tiếng động với thức ăn nhai trong miệng hay húp xì xụp, họ không được làm rơi vãi cơm, họ không được vét bát, không được nhìn ngó xung quanh. Tuy nhiên Ngài không đưa ra giới luật cấm không được ăn quá độ. Các bạn có thể ăn cho căng đầy bụng mà vẫn không phạm luật. Bạn có thể nghĩ rằng đáng lẽ Đức Phật phải đặt ra một giới luật về vấn đề này. Sao lại không nhỉ, trong khi Ngài đã lập ra đủ mọi thứ luật lệ? Đó chính là vì tùy ở mỗi người nhằm tự rèn luyện chính mình để ăn uống sao cho điều độ. Đó chính là điều bạn phải tự lãnh lấy trách nhiệm để tự rèn luyện dần dần, nhưng không nhất thiết phải bắt đầu bằng một giới luật.

Có một điểm khác biệt rất lớn giữa ăn thịt và giết hại (sát sanh) thú vật, cho dù có thể tranh luận là khi chúng ta ăn thịt, chúng ta gián tiếp ủng hộ việc giết hại thú vật. Chắc chúng ta phải cân nhắc một vài điều, và tôi sẽ trở lại điều này với nhiều chi tiết hơn. Tuy nhiên có một sự khác biệt rất lớn giữa hai điều trên, là vì việc giết hại (sát sanh) thú vật được quy vào sự cố ý cướp đi khỏi thú vật sự sống của chúng hay cố ý gây ra hoặc trực tiếp bảo ai đó giết chết con vật. Điều này là điều giới luật đầu tiên nhắm tới - sự cố ý hay tác ý giết chết một con vật. Đó là mục đích ở phía sau hành động. Có ý định, có mục đích và có cả việc tiến hành thực hiện hành động của mục tiêu đó trong việc giết hại (sát sanh).

Nếu bạn lái xe của bạn đến đây vào buổi tối hôm nay, tôi đoán chắc là bạn đã giết chết một số sinh vật nào đó - bạn thử nhìn xem trên kính chắn gió của xe bạn, chắc hẳn đó có một số côn trùng chết dính trên đó. Khi chúng tôi đi xe từ tu viện, nơi tôi đang sống tại huyện Serpentine đến thành phố Perth, cách xa khoảng 60 kilômét, kính chắn gió trên xe ô tô phủ đầy một lớp các côn trùng chết dính trên đó, đặc biệt vào buổi sáng và buổi tối. Tôi biết khi tôi bước vào xe và nhờ một người lái xe đưa tôi tới một nơi nào đó, chắc chắn sẽ có một số côn trùng bị chết như vậy. Tôi biết điều này, nhưng đó không phải là ý định của tôi để vào xe và được chở đi. Tôi không nói, "Chúng ta hãy lái xe đi chơi và xem có bao nhiêu côn trùng đã bị giết chết." Nếu đó là ý định của tôi, thì tôi đã thực hiện "sát sanh", sát sanh một cách cố ý. Nhưng chúng ta không làm thế. Chúng ta chỉ bước vào xe và lái từ A đến

B với một mục đích rõ ràng khác. Có lẽ một số côn trùng sẽ bị giết chết, nhưng không phải chúng ta có ý định giết chúng.

Đó không phải là giết hại (sát sanh) - có sự chết xảy ra nhưng bạn không tạo ra nghiệp sát sanh. Giới luật này là nền tảng mọi công việc tu trì trong Phật Giáo "không gây hại cho ai" (vô hại): bạn tự hạn chế không cố ý sát sanh.

Khi người ta ăn thịt, ý định của họ là gì nhỉ? Có bao nhiêu người ăn thịt mà lại có ý định giết chết con bò, con heo hay con cừu? Nếu như ý định của họ khi ăn thịt của họ là giết chết thêm nhiều bò, thì rất có thể hành vi ăn thịt đó gần giống với sát sanh. Nếu bạn xem xét lý do tại sao người ta thực sự ăn thịt, bạn sẽ thấy có nhiều lý do khác nhau. Tại sao những người sống ở những xã hội nguyên sơ, quê mùa tại vùng Đông Bắc Thái Lan là nơi tôi đã sống một thời gian, và ở đó đa số là những người theo đạo Phật nhưng họ lại vẫn ăn thịt? Họ ăn ếch, châu chấu, kiến cày, trứng kiến... và ăn đủ mọi thứ khác trên đời. Tại sao thế? Là vì để có được chất đạm, vì họ cần phải sống còn, họ cần phải có thứ gì để ăn, và kiếm được thức ăn là điều vô cùng khó khăn. Một người sống trong hang động thì họ ăn thứ gì nhỉ? Họ ăn bất kỳ thứ gì họ có thể có được. Do bản năng cơ bản là để sinh tồn, họ ăn bất kỳ thứ gì có được. Đó là điều có nhiều liên quan đến những gì chúng ta ăn - bản năng cơ bản của sinh tồn. Nó còn tùy thuộc vào những gì có sẵn.

Thế rồi lại còn có ảnh hưởng văn hóa nữa, cách thức vị giác của bạn được hình thành là do bạn đã được nuôi dưỡng ra sao. Nếu bạn quen dùng một số thực phẩm nào đó, bạn sẽ cảm thấy thoải mái khi ăn loại thức ăn đó. Chính vì vậy mà bạn thích mua thức ăn đó. Đó là loại thực phẩm bạn đã biết cách nấu nướng ra sao. Tại sao đa số người Úc lại là người "không-ăn-chay"? Họ ăn thịt là bởi vì đó là điều họ đã quen ăn. Đó là một phần tạo ra nền văn hóa Úc.

Chính vì thế khi mà phần lớn những người ăn thịt không ăn chay, không phải vì họ có ý muốn giết hại thú vật. Đó chỉ là điều họ đã quen ăn ngay từ thuở nhỏ. Đó chính là một phần nền văn hóa của họ, chính là vì họ đã biết cách nấu món ăn đó, và họ biết cách ăn món đó ra sao. Điều đó thích hợp với họ, chính vì vậy mà họ ăn thịt.

Bạn có thể cho như vậy là kém hiểu biết (vô minh). Vâng, đa số chúng ta đều vô minh, đa số chúng ta chỉ có được những mục tiêu hết sức giới hạn trong toàn bộ qui trình hiểu biết, lựa chọn và khả năng; đa số chúng ta sống

theo những gì đã được định sẵn. Không cần thiết phải là như vậy, nhưng đó lại là cách thức sinh hoạt của đa số chúng ta.

Điều quan trọng là chúng ta có thể phân biệt được như vậy. Ăn thịt không đồng nghĩa với giết hại sinh vật, vì ý định khác nhau. Đức Phật đã đề ra giới luật này, là tự kiềm chế không cố ý giết hại bất kỳ sinh vật nào, như là một bước đầu tiên hướng tới việc tôn trọng sự sống, của cả con người lẫn của loài vật. Đó mới chỉ là bước đầu, chứ chưa phải là điểm đến. Và đa số chúng ta cũng không thể thực hiện được ngay cả điều đó. Có bao nhiêu người trên trái đất này đã thực sự kiềm chế để không giết chết các sinh vật nào? Rất có thể chúng ta phải rơi vào một trận chiến lý tưởng để xem vì lý do gì mọi người nên "ăn-chay-trường", nhưng bạn phải thừa nhận một thực tế là tuyệt đại đa số những người trên hành tinh này vẫn chưa đạt đến mức độ "không cố ý sát sanh". Chỉ cần họ đạt đến được mức độ đó thôi, thì mọi sự có thể tốt đẹp hơn rất nhiều. Tâm nhìn của Đức Phật hết sức thực tiễn, nên Ngài đã dạy rằng tất cả chúng ta ít nhất là hãy bắt đầu ở mức độ này trước đã.

Đến đây, tôi đã trình bày những lý lẽ tại sao Phật giáo lại không ép buộc phải ăn chay. Thế thì Phật giáo có khuyến khích mọi người ăn thịt chăng? Trong kinh điển, chúng ta không đọc được ở đoạn nào Đức Phật nói, "Hãy ăn nhiều thịt, điều đó rất tốt cho quý vị". Chúng ta cũng không tìm thấy đoạn nào Ngài nói, "Hãy mang thịt đến cho con người." Không có đoạn kinh nào khuyến khích cúng dường nhiều thịt đến cho chư tăng. Kinh điển chắc chắn không khuyến khích ăn thịt; không có đoạn nào nói như vậy cả, không có một đề nghị nào tương tự như vậy. Như thế, chúng ta phải hiểu thế nào đây? Đơn giản là mỗi cá nhân chúng ta hãy xem xét cẩn thận vấn đề này, và tự rút ra những kết luận cho chính mình và nhận trách nhiệm về những kết luận đó.

Những cứ xét về mặt luân lý

Giờ thì chúng ta phải xét xem ăn chay có thích hợp với giáo lý của Đức Phật không. Tôi có thể nói là hoàn toàn thích hợp. Ăn chay là công việc thực hành hết sức bổ ích cho những ai đang phát triển hai điều kiện mà mỗi Phật tử nên cố gắng đạt đến, đó là lòng bi mẫn và trí tuệ. Đó là điều chúng ta nỗ lực tu dưỡng qua con đường tâm linh. Lòng từ bi có nghĩa là cảm thông với, cảm thông vì, nhạy cảm với những đau khổ của người khác. Kết quả đương nhiên do việc phát triển lòng bi mẫn là chúng ta không muốn sát sanh, chúng ta không muốn làm tổn thương đến người khác,

Với trí tuệ, chúng ta bắt đầu nhận thức rõ là hành động của chúng ta không chỉ gây ra những hậu quả trực tiếp, nhưng còn gây ra cả những hậu quả gián tiếp nữa. Đây chính là sự hiểu biết đang khởi hiện. Tôi thường luôn viện dẫn một trong những luật tự nhiên cơ bản, gọi là Duyên Sinh hay Phát Sinh Có Điều Kiện. "Khi cái này có, cái kia sẽ có" (có khói, phải có lửa). Nói cách khác, một số điều kiện nào đó sẽ duyên sinh những kết quả nào đó. Khi trí hiểu biết của chúng ta phát triển rõ ràng hơn và ý thức được nhiều hơn, chúng ta sẽ nhận ra mối tương quan này. Bất luận điều gì chúng ta làm, đều gây ra những hậu quả. Ngay cả cách thức chúng ta đang sống cũng làm phát sinh những nguyên nhân và hậu quả. Chúng ta bắt đầu nhận thức rõ đây là một luật tự nhiên cơ bản, và chúng ta bắt đầu ý thức nhiều hơn cách thức chúng ta đang sống ra sao, kèm theo những hậu quả gắn với các hành động của chúng ta. Một khi ta cảm thông và khôn ngoan hơn, chúng ta sẽ bắt đầu định hướng cuộc sống của chúng ta để đến chỗ "vô hại" hơn, hay là làm giảm bớt đau khổ và thiệt hại trong cuộc sống.

Đến đây chúng ta hãy xem xét vấn đề này trên một bình diện rộng hơn là việc chỉ ăn rau đậu, bởi vì chủ đề "Phật giáo và Chủ nghĩa ăn chay" quá hạn hẹp. Chúng ta không thể thảo luận về chủ nghĩa ăn chay giống như là một điều gì đó riêng rẽ lẻ loi một mình. Có rất nhiều vấn đề liên quan đến đề tài này, ăn chay dính dáng đến cả môi sinh, nghĩa là mọi lãnh vực trong cuộc sống. Có lẽ chúng ta phải đặt tên cho đề tài này lại là: "Phật giáo và Môi sinh", hay "Phật giáo và Đời sống" mới đúng.

Một khi chúng ta nhận thức được rằng bất kể chúng ta sống ra sao cũng đều gây ra những hậu quả, thế thì ảnh hưởng nào sẽ nảy sinh do cách chúng ta sống? Chúng ta thẩm định như thế nào về những gì chúng ta đang làm? Mọi việc làm, mọi lời nói của chúng ta đều gây ra hậu quả, vì chúng ta là bộ phận của một hệ thống. Mỗi người đang ngồi đây đều là một bộ phận của một hệ thống, của toàn bộ vũ trụ.. Chỉ có một hệ thống và chính bạn là một phần của hệ thống đó. Mọi hành vi của bạn đều tác động đến vũ trụ này.

Bạn có thể nghĩ, "Tôi làm được gì mà ảnh hưởng đến sự chuyển động của các hành tinh và các giải ngân hà?" Có lẽ rất ít tác dụng, nhưng theo nguyên lý tương quan tương tác, thì mọi hành vi bạn thực hiện đều ảnh hưởng đến tất cả mọi thứ khác. Nếu các bạn không thể nhận ra điều đó trong toàn khối của nó, thì chắc hẳn bạn có thể nhìn ra được điều đó trong căn phòng này. Bất kỳ điều gì bạn làm ở đây tôi nay đều ảnh hưởng đến mọi người khác. Điều gì tôi làm đang ảnh hưởng đến bạn đó. Điều chúng ta đang làm sẽ ảnh

hưởng đến bên ngoài kia. Bất kỳ điều gì chúng ta làm đều có ảnh hưởng về lâu về dài đến mọi sự việc khác.

Vậy thì khi chúng ta ăn thịt, cũng sẽ tất yếu gây ra những hậu quả. Những hậu quả đó là gì? Chúng ta đang trực tiếp hỗ trợ cho một kỹ nghệ mà công việc sản xuất của họ là chăn nuôi súc vật, thường thì với những điều kiện vô cùng khủng khiếp, chỉ với một mục tiêu đó là giết mổ. Thịt được bán trong những gói nhỏ gọn, để chúng ta mua và ăn. Ý định của chúng ta khi nấu và ăn món thịt không phải là giết hại (sát sanh) thú vật - tôi không nghĩ ai trong chúng ta lại có ý định đó, tuy nhiên, qua hành vi mua, nấu và ăn, chúng ta vẫn gián tiếp hỗ trợ cho việc giết hại (sát sanh) con vật đó. Đây không phải là hành vi sát sanh, mà là hỗ trợ cho hành vi sát sanh đó.

Hiểu như vậy, một số cá nhân có thể quyết định không hỗ trợ cho hành vi sát sanh. Họ không muốn là một phần của sự giết hại đó, họ muốn tách ra ngoài hệ thống giết hại đó. Nếu có một lý do vì sao người Phật tử nên có quyết định chỉ ăn toàn rau đậu, quyết định đó nên đặt cơ sở trên viễn tượng này. Chỉ có một lý do hợp lý nhất, tốt nhất, đó là lòng bi mẫn - nghĩa là không muốn gây đau khổ cho bất kỳ một ai ngoài sự bắt buộc.

Ăn chay là một vấn đề chọn lựa và trách nhiệm của mỗi cá nhân, không thể là sự ép buộc, nhưng rất đáng khen và rất phù hợp với giáo lý của Đức Phật. Thế nhưng, bạn chỉ dừng lại ở đó thôi sao? Hiện giờ bạn có thanh tịnh chưa? Bạn vừa trở thành một người ăn chay, nhưng bạn đã là người "vô tội vạ" chưa? Bàn tay của bạn đã sạch chưa?

Tôi xin báo cho bạn biết bao lâu bạn còn sống trên hành tinh này, bao lâu bạn còn là thành viên của hệ thống đó, bàn tay của bạn sẽ không bao giờ thanh sạch cả. Khi bạn ăn bất kỳ món gì, bạn luôn luôn góp phần tạo ra cái chết và sự tàn phá, cho dù bạn có làm gì đi chăng nữa. Bạn có thể ăn toàn rau đậu, nhưng bạn vẫn góp phần tạo ra sự tàn phá vì bạn là một phần của hệ thống này. Bạn không thể trốn thoát. Bạn đang ngồi trên ghế, thế thì ghế từ đâu mà ra? Ghế lại kê trên tấm thảm, thảm từ đâu mà có? Còn điện khí, máy điều hòa, căn nhà này, xe ô tô, xe lửa, xe buýt, tất cả những thứ đó từ đâu mà ra? Tất cả những thứ đó đều có tương quan với nhau. Vạn vật đều có quan hệ với nhau. Chúng ta luôn dự phần vào toàn bộ một hệ thống, và khi nào chúng ta còn sống trên đời này, chúng ta luôn luôn dự phần đóng góp vào đó. Chúng ta sử dụng máy điều hòa, chúng ta sử dụng điện năng, điều đó có nghĩa là chúng ta đang hỗ trợ cho công việc xây dựng các đập nước, dẫn đến tàn phá nhiều cánh rừng. Không còn gì phải nghi ngờ nữa. Các bạn ai cũng

đang mặc y phục, đang đi giày, có phải không? Nếu không đi giày da thì bạn đi giày nhựa. Thế ai chế tạo ra giày nhựa? hẳn phải là các công ty hóa chất, các công ty này cũng là đã là nơi chế ra bom na-pan và các chất độc. Các bạn đang hỗ trợ cho họ đấy!

Như tôi đã nói, việc huấn luyện tu sĩ là phải biết chấp nhận những gì người khác cho mình và không đòi hỏi điều gì đặc biệt cả. Hầu hết các thực phẩm chúng tôi nhận được là đồ chay, nhưng không phải là tất cả (nghĩa là cũng có đồ thịt cá). Chính vì thế mà tôi vẫn có thể bị kết án là đóng góp (vào việc sát hại). Tôi phải thú nhận là bàn tay của tôi không trong sạch gì cả. Ngay cả nếu như tôi là người ăn chay, như tôi có thể hành trì trong đa số thời gian sống, thì bàn tay của tôi vẫn không trong sạch. Thế bạn nghĩ hoa quả và rau đậu từ đâu mà có? Làm sao những vườn rau lại sạch bóng không còn bất kỳ thứ cây rừng và bụi rậm nào cả? Cây rừng và bụi rậm đó đã biến đi đâu? Các cánh đồng bao la trồng lúa mì, ngô bắp và cây ăn trái ... điều gì đã xảy đến với những cánh rừng nguyên sinh ngày xưa? Chúng đã biến mất với những luồng cây và thuốc hóa học xịt liên tục. Chúng ta đang hưởng một lượng rau quả tuyệt vời. Nhưng để có những giỏ rau quả tuyệt vời đó, các bạn đã phải xử lý một số sâu bọ côn trùng.

Ở mức độ cá nhân, nếu bạn thực sự có lòng từ bi, nếu bạn thực sự khôn ngoan, bạn có thể phục vụ tận khả năng của bạn để giảm thiểu sự tổn hại. Nhưng khi bạn xét rằng hiện đang có 6 tỷ người trên hành tinh này, đó là một lượng người khổng lồ để nuôi ăn và nuôi mặc, thì như thế chắc hẳn đã tạo ra biết bao nhiêu là sự hủy hoại, trực tiếp hay gián tiếp. Đời sống là như thế đó!

Những gì tôi đang trình bày ở đây không dựa trên thuyết định mệnh. Những điều đó chỉ đơn giản giúp chúng ta ý thức được thực tế mà thôi. Trong hiện trạng này, tất cả chúng ta có thể và phải xem xét cẩn thận điều gì chúng ta đang làm, chúng ta đang sống ra sao, chúng ta đang tiêu thụ những gì. Chúng ta đang góp phần vào cái chết và sự hủy hoại ra sao? Đây không chỉ là chuyện ăn chay. Thật đáng trân trọng biết bao nếu ta ăn chay một cách thích hợp, và như tôi đã trình bày, là phải hợp với giáo lý của Đức Phật, nhưng còn phải làm nhiều việc hơn thế.

Bước đi thận trọng và dè dặt.

Ngay cả nếu như chúng ta không ăn chay, chúng ta cũng còn rất nhiều điều phải làm. Ngày nay chúng ta đang bắt đầu hiểu ra vấn đề. Chúng ta không

thể tiếp tục tiêu thụ nhiều hơn, không thể đòi hỏi nhiều hơn nữa, ước muốn có được đủ thứ, càng nhiều càng tốt và không thể kỳ vọng ở cái hành tinh hữu hạn này với những tài nguyên hữu hạn của nó có thể cung cấp cho chúng ta đủ mọi thứ. Một trong những lời dạy căn bản của Đức Phật đó là hãy bằng lòng với những điều nhỏ bé. Điều này không có nghĩa là hãy nhịn đói đến chết, đó là chỉ vấn đề hài lòng, biết đủ, với những gì bạn đang có, đừng để liên tục bị ám ảnh kiếm được càng nhiều càng tốt, đây chính là hội chứng của xã hội tiêu thụ ngày nay, có phải không? Đa số chúng ta, những người trong xã hội Tây Phương đều đau khổ về điều đó.

Tôi có một thiên sinh người Mỹ luôn phàn nàn than trách vì ở đây, tại nước Úc này, các loại thức ăn quá hạn chế. Cô ta nói, "Ở đây quý vị chỉ có ba loại sô-cô-la, trong khi đó ở Mỹ, chúng tôi có đến 20 loại khác nhau". Hai mươi loại sô-cô-la và một trăm hai mươi thứ kem lạnh khác nhau để lựa chọn - thật là một thành tựu tuyệt vời của nhân loại, là tột đỉnh của văn minh con người! Đây chính là tiêu thụ chủ nghĩa, trong đó có chứa các cụm từ "thêm nữa đi", "nữa đi, nữa đi, và nữa đi". Lúc nào cũng đòi thêm nữa, mà không thấy nhấn mạnh vào chữ "mãn nguyện, hài lòng, vừa đủ".

Các bạn có thể nhận ra xã hội này sẽ đi về đâu, với hội chứng con ma đói - naga quỷ - luôn luôn muốn có được nhiều hơn, không bao giờ biết thỏa mãn. Nó đang hủy diệt toàn bộ hành tinh này. Hành tinh này rất hữu hạn, các hậu quả đó sẽ rộng lớn vô cùng. Một con ma đói chắc là không mấy nguy hiểm, nhưng nếu một khi chúng ta đạt đến hàng triệu con ma đói đó, lòng ham muốn có được càng nhiều càng tốt này sẽ thiêu rụi toàn bộ hành tinh chúng ta. Nó đang tàn phá thế giới với một mức độ đáng báo động.

Đức Phật đã chỉ ra một nguyên lý căn bản, đó là: - lòng tham thủ là nguồn phát sinh ra đủ mọi vấn đề, và chẳng bao giờ có thể thỏa mãn nếu cứ chạy theo nó. Sự mãn nguyện, thỏa mãn với những nhu cầu tối thiểu là vô cùng hệ trọng. Đương nhiên đây phải là một phán đoán của riêng mỗi cá nhân. Đức Phật không thể ngồi xuống đây và dạy: "Tôi chỉ phân phối có 20 gam phô-mai cho mỗi người mỗi ngày mà thôi." Điều đó thật là khôi hài! Đức Phật là một nhân vật đã được giác ngộ và Ngài cũng muốn mọi người được giác ngộ giống như Ngài, và trở nên có trách nhiệm hơn. Đức Phật không tước trách nhiệm khỏi bạn bao giờ, điều này tùy thuộc vào mỗi cá nhân. Ngài chỉ đưa ra những hướng dẫn mà mỗi người chúng ta phải tận dụng lấy, qua suy gẫm về cuộc sống của mình. Hãy cân nhắc những gì chúng ta đang làm, những hậu quả của chúng, và nhận lãnh trách nhiệm. Chúng ta đang sẵn sàng từ bỏ bao nhiêu? Mỗi người trong chúng ta đều phải tìm cho ra giới hạn của mình.

Đối với một số người có thể là một chiếc xe ô tô, với người khác có thể là hai chiếc. Một số người khác có lẽ chỉ muốn có mỗi một chiếc xe đạp mà thôi. Đây chính là thẩm định nhu cầu của mỗi người chúng ta.

Chúng ta càng nhân mạnh đến lòng từ bi và hiểu biết những hậu quả của các hành động, chúng ta càng có thể thực hiện được những sự chọn lựa đúng đắn, để đơn giản hóa, để phát triển thêm lòng mãn nguyện và hiểu được thế nào là điều độ (tiết độ). Điều này còn quan trọng hơn là chỉ biết có ăn chay. Ăn chay chỉ là một yếu tố, một khía cạnh trong một bức tranh toàn cảnh. Toàn cảnh còn rộng lớn hơn rất nhiều, vì phải đề cập đến số lượng chúng ta tiêu thụ, ngay cả hoa quả, rau đậu, quần áo, giày dép, năng lượng, không khí, nhiên liệu và đủ thứ khác... vì mọi nhu cầu tiêu dùng đều gây ra hủy diệt.

Đây là cách sống của đạo Phật: hãy bắt đầu vun trồng lòng từ bi và hiểu biết, và từ đó ta bắt đầu định hướng lại cuộc sống chúng ta bằng cách thực hiện những lựa chọn đúng đắn. Tùy mỗi cá nhân chúng ta quyết định xem mình phải tiến tới bao xa, bước những bước đi rất thận trọng trên hành tinh này, để cho cuộc sống chúng ta không phải là nguyên nhân của biết bao nhiêu sự hủy diệt không cần thiết.

Đây là một sự kiện cá nhân. Các bạn không làm được gì tốt nếu bạn đi vòng quanh và chỉ tay điểm mặt người khác rồi đòi hỏi họ phải ngưng, "Quý vị nên ngưng dùng các loại giấy vệ sinh được tẩy trắng (vì chúng phá hoại môi sinh), nếu không thì chúng tôi sẽ bắt bỏ tù quý vị". Nếu xã hội tiến tới điểm cực đoan này, thì cấm đoán sản phẩm đó cũng là một điều tốt, nhưng bạn không thể làm như thế cho đến khi nào có đủ số người thông hiểu và tán đồng nhu cầu cần phải làm như thế. Mục đích chính của đạo Phật là luôn luôn khuyến khích lòng từ bi và trí tuệ. Từ đó, mọi việc khác sẽ xảy đến tương hợp với sự đáp ứng của từng cá nhân và sự hiểu biết trách nhiệm của từng người.

Các bạn có thể nhận ra lý do tại sao tôi tin tưởng rằng Đức Phật lại không chủ trương bó buộc các Phật tử phải ăn chay, vì đó không phải là cách thức Ngài tiếp cận vấn đề. Mỗi bận tâm chính của Ngài là đề ra một tiêu chuẩn cơ bản, nhưng ngay cả tiêu chuẩn đó cũng là tự nguyện. Từ đó, tùy ở bạn có nên tuân thủ theo hay không. Tùy ở mỗi cá nhân, qua lời dạy của Ngài, mà trở nên từ bi hơn, khôn ngoan hơn, nhận lấy trách nhiệm cho cuộc sống của chính mình. Cho dù bạn có hay không có đề ra một luật lệ nào, điều quan trọng là người ta có tuân thủ theo luật đó hay không. Đường hướng của Đức Phật, mục đích chính của giáo lý của Ngài, là khuyến khích để mọi người

hiểu biết hơn, từ bi hơn, giúp mỗi cá nhân có thể thực hiện được những sự lựa chọn thích hợp - không chỉ trong việc ăn chay, nhưng còn trong nhiều việc khác nữa.

Ăn chay là một sự lựa chọn rất cao thượng, nhưng sự lựa chọn đó phải phát xuất từ một vị thế đúng - phát xuất từ lòng bi mẫn và sự hiểu biết. Sau khi có một sự lựa chọn như vậy, xin đừng làm ô uế nó qua lòng ác cảm đối với những người không ăn chay. Bởi vì nếu như thế, sự tốt lành phát sinh từ việc lựa chọn đó sẽ trở nên băng hoại, và cách này hay cách khác bạn sẽ trở nên tệ hơn những người không ăn chay. Chúng ta thực hiện sự lựa chọn này xuất phát từ lòng từ bi. Nếu chúng ta ở vào vị thế phải giải thích (về sự chọn lựa), chúng ta giải thích cho người khác theo lý trí và lô-gích, không phải bằng cách chỉ trích họ vì họ không ăn chay.

Tôi kính trọng những người ăn chay. Họ có hành động rất cao thượng; đó là một cử chỉ xuất ly. Ăn chay chỉ là chuyện nhỏ nhưng cao thượng, và rất hòa hợp với những lời dạy của Đức Phật về lòng bi mẫn và sự hiểu biết. Nhưng không được dừng lại ở đó. Ngay cả khi bạn không ăn chay, cũng xin đừng nghĩ là không còn gì để cho bạn thực hiện được nữa. Có rất nhiều điều để cho bạn thực hiện trong cuộc sống này, trong cách nói năng của bạn, trong hành động của bạn, trong mọi sự việc. Xin hãy là người hành động thận trọng, xin hãy là người không tạo thêm đau khổ cho nhân loại và cho mọi sinh linh trên hành tinh này. Một khi chúng ta có ý định nỗ lực đi theo chiều hướng đúng đắn đó, chúng ta là những đệ tử tốt của Đức Phật. Mỗi người chúng ta phải bước đi với nhịp chân của chính mình.

Nguyên tác: "Buddhism and Vegetarianism", Ajahn Jagaro (1994). Tỳ kheo Thiện Minh dịch.

---o0o---

Có tâm linh cao thượng gì khi là một người ăn chay?

Tỳ kheo Kumara

Giới thiệu: Tỳ kheo Kumara là người Mã Lai gốc Hoa. Khi còn là cư sĩ, ông đã từng hoạt động tích cực trong các hội Phật giáo tại Mã Lai, và là một trong những sáng lập viên của diễn đàn Phật giáo "Dhamma-List" trên mạng Internet. Bài này được viết và gửi vào diễn đàn đó khi ông còn là một Sa-di.

-ooOoo-

Trên diễn đàn này tôi biết có một số người ăn chay. Là một người có nhiều quan tâm về sức khỏe, tôi hầu như cũng thích ăn rau đậu. Tuy nhiên, tôi nhận thấy là có một số người hình như bám víu lấy một quan điểm mà theo ý tôi cần phải được nghiêm túc cứu xét lại -- nghĩa là quan điểm cho rằng có được một tâm linh cao thượng gì đó khi là một người ăn chay.

Đối với những ai có quan điểm như thế, xin đọc những gì tôi viết dưới đây:

Như các bài kinh đã chỉ rõ, chính Đức Phật - với trí tuệ rộng lớn - đã không bao giờ đòi hỏi các môn đệ của mình, tu sĩ hay cư sĩ, phải "ăn chay". Và như vậy, bạn nên xét lại quan điểm cho rằng có được một tâm linh cao thượng gì đó khi là một người ăn chay.

Chính Đức Phật cũng không phải là người "ăn chay." Và như vậy, bạn nên xét lại quan điểm cho rằng có được một tâm linh cao thượng gì đó khi là một người ăn chay.

Một số người có thể tranh luận cho là qua dòng thời gian, ai đó đã sửa đổi một số chi tiết trong các kinh điển. Điều đó khó lòng có thể xảy ra, vì các bài kinh (ít nhất là theo truyền thống Phật Giáo Nam Tông) được truyền lại cho đến ngày nay qua một nhóm rất đông các vị tăng ni, chứ không phải do một vài cá nhân nào cả. Như vậy họ có thể kiểm tra lẫn nhau về các sai sót, nếu có. Không một cá nhân nào có thể thay đổi điều gì nếu không có sự đồng ý của những người khác. Trong khoảng 500 năm, sự tinh tuyền trong các bộ kinh được duy trì qua truyền thống truyền khẩu do một nhóm rất đông các vị tăng ni tụng đọc. Cuối cùng, khi kinh tạng được ghi chép vào đầu thế kỷ Tây lịch vì các cuộc nội chiến, các vị tăng với lòng thành tín và quý kính Đức Phật chắc chắn đã phải cố gắng hết sức để bảo đảm được tính chính xác.

Giả sử rằng, mặc dù tất cả những sự kiện đó là như vậy, vẫn có vài người đã cố tình sửa đổi các bài kinh, thì điều đó hoàn toàn không thể xảy ra được vì "không" hề có "một mảy may" dấu vết nào trong Tam tạng kinh điển dày cộm như thế (gồm các tạng Luật, tạng Kinh, và tạng Vi Diệu Pháp) đã gợi ý cho thấy là Đức Phật đã khuyên chúng ta nên "ăn chay". Và như vậy, bạn nên xét lại quan điểm cho rằng có được một tâm linh cao thượng gì đó khi là một người ăn chay.

Ngay cả những điều vừa nêu trên vẫn chưa thuyết phục được bạn, thì bạn hãy tự hỏi chính mình điều này xem sao, "Tại sao tôi lại cho rằng người ăn chay là có được một tâm linh cao thượng gì đó?" Bạn có thể nói là, "Nếu tôi ăn thịt, tôi có thể gián tiếp ủng hộ sự sát hại các thú vật"; hoặc giả, "Nếu tôi ăn thịt, tôi có thể gián tiếp trở thành kẻ chém giết," hoặc hơn thế nữa, "Nếu tôi là người 'ăn chay trường', có nghĩa là có ít thú vật hơn sẽ bị giết hại."

Tôi phải công nhận mối quan tâm của bạn thật đáng khâm phục. Nhưng chúng ta hãy xem xét thêm về điều này để có được một tầm nhìn tốt hơn. Bạn hãy cố gắng tự hỏi mình xem: "Những thứ rau đậu bạn sử dụng ở đâu mà ra?" Bạn có thể trả lời ngay, "Từ các nông trại". Để sửa soạn trồng tía, đất cát cần phải được cày sỏi lên, có phải không? Và khi cây cỏ mọc lên, chắc hẳn thuốc trừ sâu cũng được sử dụng để xịt cho cây cỏ, có phải không? Làm như vậy chẳng phải là đã giết hại biết bao nhiêu sinh vật, cho dù chúng có thể rất nhỏ, và hình như không nghĩa lý gì đối với con người chúng ta, có phải không? Chẳng lẽ chúng không phải chịu đau khổ?

Một số người vẫn có thể biện minh cho là chúng ta có thể có được rau đậu từ các nông trại trồng rau trong nước (hydroponic farms). Thật là một biện luận tuyệt vời. Tôi phải công nhận như vậy. Nhưng chúng ta hãy xem xét kỹ hơn, để có một tầm nhìn tốt hơn. Những nông trại kiểu đó cần sử dụng rất nhiều nước - vì để nuôi dưỡng các loại rau cải, vì việc cần giữ vệ sinh cho chỗ trồng tía, và dùng nước vào nhiều thứ khác nữa. Phải chăng việc sử dụng nước như vậy chẳng giết hại biết bao nhiêu sinh vật là gì, cho dù chúng có thể rất nhỏ bé, và hình như không nghĩa lý gì đối với con người chúng ta, có phải không? Chẳng lẽ chúng không phải chịu đau khổ?

Và chúng ta hãy xem xét nhưng chiếc hộp và đường ống nhựa mà công việc trồng trọt phải lệ thuộc rất nhiều vào đó, và cả những nguyên vật liệu để dựng lên các nhà kính. Các vật liệu đó cần được chế tạo. Và như vậy một cách gián tiếp các xưởng máy cũng rất cần thiết. Như vậy, một số đất đai cũng phải bị giải tỏa, khai quang để dọn mặt bằng. Làm như vậy chẳng phải là đã giết hại biết bao nhiêu sinh vật, cho dù chúng có thể rất nhỏ, và hình như không nghĩa lý gì đối với con người chúng ta, có phải không? Chẳng lẽ chúng không phải chịu đau khổ?

Máy móc và các trang thiết bị được sử dụng trong nhà máy cũng cần phải được chế tạo. Và như vậy gián tiếp nhiều nhà máy khác cũng phải được dựng lên và nhiều đất hơn nữa cũng phải được giải phóng mặt bằng. Làm như vậy chẳng phải là đã giết hại biết bao nhiêu sinh vật, cho dù chúng có

thể rất nhỏ, và hình như không nghĩa lý gì đối với con người chúng ta, có phải không? Chẳng lẽ chúng không phải chịu đau khổ?

Chúng ta hãy xem xét kỹ hơn nữa về việc cung cấp điện, nước, các dịch vụ viễn thông và các cơ sở hạ tầng khác. Chỉ cần xem xét những gì cần phải được thi hành để cung cấp những hoạt động đó thôi. Làm như vậy chẳng phải là đã giết hại biết bao nhiêu sinh vật, cho dù chúng có thể rất nhỏ, và hình như không nghĩa lý gì đối với con người chúng ta, có phải không? Chẳng lẽ chúng không phải chịu đau khổ?

Và hãy xem xét sự vận chuyển tất cả những nguyên vật liệu đó đến chỗ này chỗ kia để thiết lập những nhà máy đó, các kết cấu hạ tầng cơ sở phục vụ cho các nhà máy đó. Để các nguyên vật liệu được cung cấp cho các nhà máy, để cho các hộp trồng rau, ống nhựa và các nguyên vật liệu dùng để dựng lên các nhà kính đó, thiết lập các nông trại "trồng rau trong nước", và tất cả những thứ đó cũng phải được vận chuyển đến các nông trại để có thể thực hiện công tác "trồng rau quả trong nước", và cuối cùng để bạn có thể đến mua và ăn chúng. Làm như vậy chẳng phải là đã giết hại biết bao nhiêu sinh vật, cho dù chúng có thể rất nhỏ, và hình như không nghĩa lý gì đối với con người chúng ta, có phải không? Chẳng lẽ chúng không phải chịu đau khổ?

Như thế, có thích đáng chẳng nếu ta cho rằng, "Nếu tôi chỉ dùng toàn là rau quả, thì tôi cũng đã gián tiếp ủng hộ việc sát hại hàng loạt các sinh vật;" hoặc giả, "Nếu tôi không dùng thịt, tôi cũng đã gián tiếp trở thành một kẻ giết hại;" và hoặc giả "Nếu tôi không dùng thịt, điều đó không có nghĩa là số sinh vật bị giết hại sẽ ít hơn. Và trên thực tế, có lẽ chúng còn bị sát hại nhiều hơn nữa là đằng khác".

Tôi có thể tiếp tục như thế, nhưng tôi đoán chừng giờ đây thì bạn đã nắm bắt được một thông điệp. Và vì thế, rất có thể bạn sẽ muốn xét lại quan điểm cho rằng có được một tâm linh cao thượng gì đó khi là một người ăn chay. Chúng ta phải hiểu rằng: chúng ta đang sống trong "cõi Ta-bà" và cõi này gọi là "Ta-bà" không phải là không có lý do. Trên trần gian này, sự đau khổ lúc nào cũng có mặt. Đó là điều Đức Phật đã công bố. Căn nguyên của sự đau khổ chính Đức Phật cũng đã công bố. Ngài cũng công bố về sự kết thúc đau khổ, cũng như con đường đưa đến tận diệt đau khổ.

Sau khi đã đưa ra những luận cứ hợp lý như vậy, một số người "vẫn" nhấn mạnh thêm là kiêng ăn thịt có thể làm giảm lòng ham muốn (tanha) của chúng ta, và như vậy có được một tâm linh cao thượng gì đó khi là một

người ăn chay. Tôi xin hỏi lại: "Ai nói thịt ngon hơn rau?" Bạn đã từng nếm thử thịt mà không cần thêm một số gia vị nào chưa? Một củ cà-rốt sống còn ngon hơn rất nhiều. Chính tôi dễ dàng thêm ăn sô-cô-la hơn là thêm ăn thịt. Tôi có thể nói trái Sầu riêng còn ngon hơn thịt biết bao nhiêu lần. Thế nên cho là kiêng ăn thịt có thể giảm thiểu thèm muốn là không thích hợp mấy. Bên cạnh đó, có ác cảm với một sự vật "trung hòa", như thịt chẳng hạn, xem ra không cần thiết mà còn có thể gây cản trở cho sự phát triển tâm linh của chúng ta nữa. Và như vậy, bạn nên xét lại quan điểm cho rằng có được một tâm linh cao thượng gì đó khi là một người ăn chay.

Hãy xét đến điều Đức Phật đã dạy: "Tác ý (cetana) chính là nghiệp (kamma)". Khi chúng ta ăn thịt chúng ta đâu có suy nghĩ là: "Ôi, chớ gì họ giết thêm nhiều thú vật nữa đi, để tôi có nhiều thịt hơn mà sử dụng. Không hề gì nếu như một số sinh vật phải chịu đau khổ hay bị giết." Khi chúng ta ăn rau, quả và các thực phẩm không phải là thịt, chúng ta đâu có nghĩ: "Ôi, chớ gì họ trồng thêm nhiều hơn các loại thực phẩm như vậy. Không hề gì nếu như một số sinh vật phải chịu đau khổ hay bị giết." Khi chúng ta ăn, ý định của chúng ta chỉ là ăn, thế thôi.

Tuy nhiên, chúng ta có thể thực hành thêm nhiều điều sau đây:

- Chúng ta nên ăn uống có điều độ. Đừng bao giờ ham muốn nhiều hơn những gì ta thực sự cần đến. Đó chính là điều Đức Phật khuyên chúng ta, và có một sự cao thượng trong tâm linh về điều này, chứ không phải chỉ đơn giản là chuyện không ăn thịt.

- Bạn có thể chọn chỉ dùng bữa "đúng giờ mà thôi" (từ sáng đến trưa). Đây cũng là điều cần được khuyến khích cho cả hàng cư sĩ trong một vài ngày nào đó trong tháng. Đó chính là điều Đức Phật khuyên chúng ta, và có một sự cao thượng trong tâm linh về điều này, chứ không phải chỉ đơn giản là chuyện không ăn thịt.

- Khi chúng ta ăn, chúng ta nên ăn với chánh niệm, nhai với chánh niệm, nếm với chánh niệm, và nuốt với chánh niệm. Làm như thế sẽ giúp ta ăn mà không thèm khát, đồng thời tăng cường năng lực chánh niệm của ta. Đó chính là điều Đức Phật khuyên chúng ta, và có một sự cao thượng trong tâm linh về điều này, chứ không phải chỉ đơn giản là chuyện không ăn thịt.

Nếu bạn chọn "ăn chay trường", cũng tốt thôi, và bạn hãy tiếp tục như thế. Hãy kiểm tra lại với những người "ăn chay trường" có nhiều hiểu biết, để có

được một sự cân bằng trong các khẩu phần chay. Bạn cần bảo đảm thức ăn đó có đủ chất đạm, vitamin B-12, và chất kẽm.

Nhưng vì lợi ích của chính bạn, xin đừng bám thủ vào quan điểm cho rằng có được một tâm linh cao thượng gì đó khi là một người ăn chay. Lại nữa, chắc hẳn là không khôn ngoan chút nào khi chúng ta nghĩ là chúng ta sẽ trở vượt hơn người khác do việc chúng ta lựa chọn thứ thực phẩm để ăn. Hãy tự kiểm lại phản ứng trong tâm mình mỗi khi bạn thấy người khác ăn thịt. Thêm vào đó, thật là một điều hoàn toàn không thích hợp chút nào nếu ta áp đặt quan điểm sai lệch như vậy lên người khác.

Bài viết này nhằm cung cấp thông tin, chứ không hề nhằm phê phán hoặc xúc phạm đến bất kỳ ai. Mong rằng nó sẽ được đọc với một thái độ đúng đắn.

Nguyên tác: "Is there something spiritually wholesome about being a vegetarian?",
Samanera Kumara (1999). Tỳ kheo Thiện Minh dịch.

---o0o---

Ăn chay, ăn mặn

Đại đức Thích Trí Siêu

Giới thiệu: Đại đức Thích Trí Siêu là một tu sĩ người Việt. Đại đức nhập chúng tu học tại Tự viện Linh Sơn, Paris, và thọ Cụ túc giới với Hòa thượng Thích Huyền Vi. Mặc dù xuất thân từ Bắc Tông, Đại đức vẫn thích tầm sư học đạo, không ngần ngại du phương tham vấn học hỏi với các thầy thuộc nhiều truyền thống khác. Bài này được trích từ quyển "Đạo gì", xuất bản năm 1996.

-ooOoo-

Trong một chuyến hành hương sang Ấn Độ, trên máy bay vào giờ ăn có vài vị Sư Nam Tông ăn thịt do chiêu đãi viên đưa tới. Thấy thế vài Phật tử Việt Nam xì xào với nhau: "Mấy ông Thầy này tu hành kiểu gì mà ăn mặn, không biết từ bi chỗ nào!".

Một dịp khác, có một Thầy Việt Nam đi cùng với Phật tử đến viếng thăm một trung tâm Phật Giáo Tây Tạng. Không biết Thầy này thơ thần làm sao mà lại đi ngang nhà bếp thấy họ đang xào nấu thịt bò, trở ra nói với Phật tử: "Trời ơi, ở đây họ ăn thịt!".

Quan niệm của đa số Phật tử Việt Nam là người tu hành không được ăn thịt, nếu ăn thịt thì không phải kẻ tu hành. Trong khi đó Phật tử các nước Nam Tông khi nhìn vào người tu hành Bắc Tông thì họ nói: "Tu hành gì mà lại ăn chiều, không giữ đúng giới luật của Phật!". Khi thấy quý Thầy ăn chay, họ hỏi: "Bộ quý Thầy theo Đề Bà Đạt Đa hay sao?". Nếu không may, Thầy nào thành thật trả lời: "Truyền thống chúng tôi tu hành phải ăn chay" thì họ bẻ lại ngay: "Trâu ngựa kia ăn chay ăn cỏ, vậy chúng cũng tu hành sao?".

Người ăn chay thì hãnh diện cho mình tu thật. Còn người ăn mặn nhưng ngày ăn một bữa thì cho mình tu đúng lời Phật dạy.

Là du Tăng có dịp lang thang qua các Tu-Viện không phải truyền thống Việt Nam nên tôi thông cảm, không bênh bên nào cả. Tôi chỉ nói về kinh nghiệm cá nhân của mình để bạn đọc tùy ý lựa chọn.

Trước hết, trở về dòng lịch sử. Xưa kia đức Phật và chư Tăng đi khát thực, ai cho gì thì các ngài ăn cái đó, không đòi hỏi phân biệt chay mặn. Trong bộ Mahavagga có vài giới cấm Tỳ Kheo không được ăn thịt của một số loài vật như: voi, ngựa, sư tử, rắn và chó. Như thế có nghĩa là được quyền ăn những loại thịt khác. Khi đi khát thực, Tỳ Kheo được phép ăn năm thứ thịt, gọi là ngũ tịnh nhục:

1. Thịt ăn mà không thấy người giết.
2. Thịt ăn mà mình không nghe tiếng của con vật kêu la.
3. Thịt ăn mà mình không nghi người ta giết vì mình và cho mình ăn.
4. Thịt của con thú tự chết.
5. Thịt của con thú khác ăn còn dư.

Cũng cần thông cảm là khi đi xin ăn, một vị khất sĩ không thể nào đòi hỏi thí chủ phải cúng cho mình thứ này thứ kia theo khẩu vị và ý thích của mình được. Hơn nữa khi đi khát thực, nhiều khi phải đi đến những làng mạc xa xôi hẻo lánh nơi mà thí chủ đa số không phải là Phật tử.

Khi đi khát thực, ai cho gì mình ăn cái nấy, đây là một phương pháp tu hành rất hay, nó tập cho ta bỏ tánh ham ăn ngon, ăn nhiều, bỏ tánh đòi hỏi cao lương mỹ vị, tăng trưởng hạnh tri túc và tánh bình đẳng. Điển hình là Đại Đức Pindola Bharadvaja (Tân-Đầu-Lô Phả-La-Đọa) đã thản nhiên ăn ngón tay của một người cùi rụng rơi vào bình bát của ngài, khi người này cúng dường vật thực. Ở trường hợp này ta thấy việc ăn chay hay ăn mặn không còn là một vấn đề nữa. Ngoài ra trong giới Pratimoksha (Ba-la-đề-mộc-xoa) của Tỳ kheo, dù là 227 giới của Tiểu Thừa hay 250 giới của Đại Thừa đều không có giới nào cấm ăn thịt cả. Do đó một Tỳ Kheo ăn thịt lạt hay thịt mặn, không thể bị xem là phạm giới được.

"Ăn mặn nói ngay, hơn ăn chay nói dối". Câu này không có nghĩa khuyên người nên ăn mặn mà cốt cảnh tỉnh người ăn chay. Vì có nhiều người ăn chay dễ dàng nên sinh lòng kiêu mạn, tự cho mình hơn người rồi khinh người ăn mặn. Hoặc có người mới bước vào Đạo đã ăn chay trường ngay, cốt để người khác khen ngợi. Ăn chay như vậy là do lòng háo danh mà ra.

Tại sao Phật tử Đại Thừa lại có giới ăn chay? Trong hai kinh Đại Thừa: Lăng Già và Đại Bát Niết Bàn, đức Phật dạy đệ tử không được ăn thịt cá. Đại ý trình độ chư Tỳ Kheo lúc ban đầu còn thấp kém, chưa có thể lãnh thọ giáo pháp Đại Thừa nên Phật nói pháp Tiểu Thừa, phương tiện cho các Thầy dùng ngũ tịnh nhục. Sau này trình độ các Thầy khá hơn, lãnh thọ được pháp Đại Thừa nên Như Lai cấm tuyệt không cho ăn thịt cá nữa. Nếu còn ăn các thứ ấy thì còn phạm giới sát sinh, không trực tiếp thì cũng gián tiếp sát sinh, làm mất hạt giống từ bi. Sau nữa Đại Thừa có kinh Phạm Võng nói về Bồ Tát giới: gồm 10 giới trọng và 48 giới khinh, trong đó giới khinh thứ 3 cấm ăn thịt. Bởi thế người nào thọ giới Bồ Tát phải trường trai.

Gần đây năm 1987, Thượng Tọa Đức Niệm soạn dịch quyển Tại Gia Bồ Tát Giới, gồm 6 giới trọng và 28 giới khinh, trong đó không bắt phải trường trai nữa mà phải giữ ít nhất 6 ngày chay trong một tháng (giới khinh thứ 7).

Nếu ta thích ăn chay vì lòng từ bi hoặc giữ giới Bồ Tát thì ta cứ việc ăn chay, nhưng đừng nên chỉ trích coi thường người ăn mặn, vì họ cũng có lý của họ.

Ngoài ra vào thời đức Phật, Đề Bà Đạt Đa đã yêu cầu Phật ban hành thêm năm điều sau đây trong giới luật của hàng xuất gia:

1. Tỳ Kheo phải sống trọn đời trong rừng.

2. Tỳ Kheo phải sống đời du phương hành khất.
3. Tỳ Kheo phải đắp y Pamsakula (y may bằng những mảnh vải lượm ở đồng rác hoặc nghĩa địa).
4. Tỳ Kheo phải sống dưới gốc cây.
5. Tỳ Kheo phải ăn chay suốt đời.

Với lòng từ bi và đức khoan dung, đức Phật tuyên bố rằng các đệ tử của ngài được tự do hành động về năm điều này, muốn áp dụng hay không cũng được. Ngài không bắt buộc phải theo chiều nào nhất định.

Vì lý do này nên khi thấy quý Thầy ăn chay, các Sư Nam Tông mới nói: "Bồ quý Thầy theo Đề Bà Đạt Đa hay sao?".

Nên biết ngày nay chỉ có chư Tăng Việt Nam, Trung Hoa và Đại Hàn là còn truyền thống ăn chay, các nước khác đều ăn mặn. Nhất là Tây Tạng, không những ăn thịt mà lại ăn cả ba bữa nữa.

Trong giới Bồ Tát của Tây Tạng gồm 18 giới trọng và 64 giới khinh, không có giới nào cấm ăn thịt cả. Tôi đã thọ giới này với Ganden Tripa Rinpoché thứ 98 tại Institut Vajrayogini trong dịp lễ Điểm Đạo Yamantaka Tantra năm 1987. Cùng lúc ấy tôi cũng thọ giới Kim Cang Thừa gồm 14 giới trọng và 10 giới khinh. Trong 24 giới này cũng không có giới cấm ăn thịt. Bởi vậy chư Tăng và các Lạt Ma Tây Tạng ăn thịt như thường, nhất là thịt Yak (một loại bò núi rất to).

Một lần trong buổi thuyết pháp của Thrangou Rinpoché (một vị Lạt Ma cao cấp của phái Kagyupa), có người hỏi: "Tại sao các Sư Tây Tạng không ăn chay?". Thrangou Rinpoché trả lời: "Dân Tây Tạng giết một con Yak nuôi được 10 người trong một tháng, trong khi đó nếu rửa và nấu một bó cải làm chết biết bao côn trùng sâu bọ mà chỉ nuôi được một người trong một bữa. Vậy thì cái nào lợi và ai sát sinh nhiều hơn?".

Không biết bạn đọc có đồng ý không? Nhưng theo tôi câu trả lời của Thrangou Rinpoché cũng chỉ là một lối biện hộ cho người ăn thịt mà thôi. Ta có thể tranh luận mãi về vấn đề này, vì người ăn thịt sẽ có lý lẽ của người ăn thịt và người ăn chay cũng có lý lẽ của người ăn chay. Không ai chịu thua ai! Tu hành đâu phải để ăn thua đủ với nhau để dành phần thắng về mình!

Như vậy, ăn chay hay ăn mặn cái đó tùy ý bạn. Nhưng nếu là người muốn tu hành thì chắc bạn sẽ đồng ý với tôi rằng chúng ta ăn để sống chứ không phải

sống để mà ăn. Ăn để nuôi thân, cho thân có sức khỏe để tu hành, hoặc nếu không tu thì cũng làm sao tránh khỏi bệnh tật, sống đời an vui.

Có câu "bệnh tùng khẩu nhập, họa tùng khẩu xuất", có nghĩa là mọi căn bệnh đều vào từ miệng và mọi tai họa đều từ miệng mà ra. Con người có hai phần: thể xác và tinh thần. Người đời thường chỉ lo cho thể xác, còn người tu lo tinh thần. Có nhiều người tu ăn chay chỉ ăn rau luộc chấm nước tương vì cho rằng việc ăn uống không quan trọng, việc tu niệm quan trọng hơn. Sau một thời gian cơ thể thiếu sinh tố dinh dưỡng, bệnh hoạn đủ thứ, lúc đó liền đổ thừa tại "nghiệp"! Tôi thấy cái đó đúng là tại nghiệp, nghiệp vô minh không biết ăn uống đúng với luật dưỡng sinh. Thân thể ví như chiếc bè để qua sông sinh tử đến bờ Niết Bàn. Muốn qua sông mà không săn sóc chiếc bè, để bè mục nát, chưa đến giữa dòng bè đã tan rã, như vậy có đến được bờ bên kia không?

Ăn chay là điều rất tốt nhưng nên ăn chay một cách thông minh. Những hành giả Yogi Ấn Độ ăn uống rất kỹ lưỡng. Họ chia thức ăn theo ba loại: tamasique, rajasique và sattvique.

Thức ăn Tamasique là những loại có tính chất làm hại cơ thể tiêu hao nguyên lực và làm tâm trí hôn ám đần độn. Đó là thức ăn thiu chua hoặc quá chín, thịt cá, hành tỏi, rượu, thuốc lá, thuốc phiện, đồ hộp, đồ đông lạnh, v.v... Ăn quá no cũng được xem là Tamasique. Hành giả Yogi tuyệt đối tránh ăn những loại thức ăn này.

Rajasique là những loại kích thích cơ thể, tâm trí và cảm xúc. Nó kích thích luôn cả đam mê và làm mất tự chủ. Hành giả Yogi cố tránh những thứ này càng nhiều càng tốt. Đó là trứng, cà phê, trà, đồ gia vị mạnh, quá chua, quá đắng, đường trắng, bột trắng, đồ hóa học, v.v... Ăn quá nhanh hoặc ăn nhiều thứ trộn lẫn cũng được xem là rajasique. Người tu thiền ăn những thứ này dễ bị loạn tưởng chi phối.

Sattvique là loại thức ăn bổ dưỡng cho cơ thể, đầy đủ sinh tố, dễ tiêu, giúp cho tâm trí bén nhạy, sáng suốt và vắng lặng. Đây là thức ăn chính của hành giả Yogi, gồm ngũ cốc, hoa quả, rau cải tươi, bơ, sữa, fromage, đậu hạt, mật ong, nước trái cây, nước suối, v.v...

Người ăn chay nên ăn những thức ăn Sattvique, nhưng cũng phải biết ăn theo thời tiết bốn mùa, tùy theo phong thổ và tạng âm dương.

Trích: "Đạo gì?", Thích Trí Siêu, Pháp quốc (1996).

---o0o---

Có phải tất cả Phật tử đều ăn chay?

John Kahila

Giới thiệu: Ông John Kahila là một cư sĩ người Mỹ. Ông là một trong những người đầu tiên sáng lập diễn đàn Phật giáo "talk.religion.buddhism" trên mạng Internet.

-ooOoo-

Tất cả các Phật Tử đều "ăn chay trường" có phải không?

Không phải thế. Giới luật đầu tiên chỉ khuyên chúng ta kèm chế dừng sát sanh, nhưng ăn thịt không xem là sát sanh, và kinh Phật không cấm chúng ta ăn thịt (Ở đây, chủ yếu là chúng ta đề cập đến kinh điển Pali. Một số kinh Bắc Tông, nhất là Kinh Lăng Già- Lankavatara Sutra, lại hết sức ủng hộ thực hành việc ăn chay. Xin xem phần ghi chú ở cuối bài.)

Theo như ghi chép trong kinh tạng Pali, Đức Phật không cấm sử dụng thịt, kể cả các vị tăng ni nữa. Thực vậy, Ngài đã dứt khoát bác bỏ lời đề nghị của Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) bắt buộc chư tăng ni phải "ăn chay trường". Nơi các xã hội thuộc hệ phái Phật Giáo Nam Tông hiện nay, một vị tỳ kheo nào bám víu lấy việc ăn chay để gây uy tín nơi người khác là mình có tinh thần siêu nhiên vượt trội hơn người khác thì xem như vi phạm giới luật tu sĩ.

Mặt khác, Đức Phật đã nghiêm cấm thẳng thừng việc sử dụng các loại thịt của bất kỳ con vật nào đã được mắt thấy, tai nghe và không nghi ngờ gì con vật đó được giết mổ rõ ràng là để thiết đãi các vị tăng ni (Kinh Jivaka, Trung Bộ 55). Giới luật này chỉ áp dụng cho các vị tăng ni mà thôi, nhưng cũng được xem như là một hướng dẫn hợp lý cho các cư sĩ sùng đạo.

Để hiểu rõ cách tiếp cận "lý Trung đạo" này về việc ăn thịt, chúng ta cần phải nhớ là vào thời Phật Thích Ca chưa có các "Phật tử". Lúc đó, chỉ có các khát sĩ chia thành nhiều loại khác nhau (kể các môn đệ của Đức Phật), cộng

với những người cư sĩ là những người bố thí cúng dường mà không quan tâm đến nhân hiệu của các loại giáo lý.

Nếu người chủ nhà cố ý chọn thịt là thực phẩm để bố thí, thì các vị khất sĩ đó cũng phải nhận, không được phân biệt hay tỏ vẻ không hài lòng gì cả. Từ bỏ của bố thí như vậy có thể xúc phạm đến lòng mến khách và có thể làm mất đi cơ hội cho người chủ nhà được tạo phước -- và cũng không mang lại lợi ích gì cho con vật vì nó đã chết. Ngay cả những người Kỳ-na giáo có lẽ cũng đã có cùng một quan điểm tương tự như vậy ở cùng một thời kỳ lịch sử, mặc dù giáo lý Vô hại (Ahimsa) rất nghiêm khắc.

Ăn chay không phải là nguồn gốc những bất đồng nghiêm trọng trong Tăng đoàn (Sangha), cho đến khi có xuất hiện các cộng đồng tu sĩ trú ngụ tại những nơi cố định và họ không còn thực hiện việc đi khất thực trì bình. Tại các cộng đồng đó, bất kỳ loại thịt nào do các Phật tử mang cúng cho Tăng Ni, rất có thể là từ thú vật bị giết đặc biệt cho mục đích đó. Đó là một lý do của sự khác biệt trong quan điểm giữa hai phái Bắc Tông và Nam Tông về việc ăn thịt - sự phát triển của các cộng đồng tu sĩ thường trú tại một nơi cố định, chính yếu xảy ra trong Bắc Tông.

Vấn đề ăn thịt đưa đến các câu hỏi khó khăn về đạo đức. Có phải chăng thịt bày bán ở các siêu thị và các nhà hàng được giết mổ "nhằm" phục vụ chúng ta? Có phải chăng ăn thịt là gián tiếp giết hại?

Rất ít người trong chúng ta có đủ tư cách để phán quyết những người ăn thịt hoặc bất kỳ người nào khác vì tội "ủy nhiệm sát sanh" (killing by proxy). Bởi vì chúng ta đang dự phần trong nền kinh tế toàn cầu, và điều này đưa đến "ủy nhiệm sát sinh" trong mọi tác động tiêu thụ của chúng ta. Điện khí chúng ta dùng để chạy máy vi tính là bắt nguồn từ những phương tiện đang làm hủy hoại môi trường. Những cuốn sách về kinh điển Phật được in trên giấy do một công nghệ đang phá hủy môi trường sống của thú rừng. Sâu bọ, côn trùng, các loài gặm nhấm và nhiều động vật khác đã bị giết một cách đều đặn hàng loạt trong quá trình sản xuất những nguyên liệu cho các loại thực phẩm chay. Xin chào đón vào cõi Ta-bà! Đối với đa số trong chúng ta, thật không thể nào thoát ra ngoài khỏi mạng lưới này. Chúng ta chỉ có thể cố gắng có ý thức về những vướng mắc này mà thôi. Chỉ có một cách thực hiện điều này, đó là suy gẫm về sự đau khổ và chết chóc của các sinh vật đang phải cống hiến cho các tiện nghi của chúng ta. Điều đó có thể giúp chúng ta bớt thiên về sự tiêu thụ lãng phí đơn thuần do lòng tham lam thúc đẩy.

Ngoài tất cả những gì đã được nói ở trên, một điều không thể chối cãi được là cỗ máy kinh tế sản xuất ra thịt cũng đã gây ra biết bao nhiêu sợ hãi và đau khổ cho một số lớn các súc vật. Thật ích lợi biết bao nếu ta ghi nhớ điều đó ngay cả khi chúng ta sử dụng thịt, để chống lại sự phát triển của tánh lãnh đạm, chai lì trong tâm chúng ta. Nhiều Phật Tử (đặc biệt những người theo phái Bắc tông) hành trì "ăn chay trường" như là một phương thế để vun bồi lòng bi mẫn. Kinh Jivaka có gợi ý chúng ta có thể thực hành "ăn chay" bắt đầu bằng một trong bốn tâm vô lượng (từ, bi, hỷ, xả). Một điều đáng chú ý là lòng từ ái, không phải lòng bi mẫn, đã được đề cập đến trước tiên trong kinh Jivaka đó.

Nếu bạn đang quan tâm thực tập "ăn chay" lần đầu tiên, chúng tôi đề nghị bạn hãy bàn thảo với một vài người đã có kinh nghiệm trong lãnh vực này. Có nhiều vấn đề cần phải được xem xét, liên quan đến sự cân bằng trong dinh dưỡng, v.v...

Ghi chú:

Kinh Lăng Già- Lankavatara Sutra, mặc dù đã ghi lại những lời dạy của Đức Phật tại đảo Lanka (Sri Lanka), chủ yếu là một tác phẩm thuộc giai đoạn phát triển trường phái Bắc Tông sau này. Theo giáo sư H. Nakamura ("Indian Buddhism", 1987), có nhiều phiên bản của bộ kinh này, và nội dung các phiên bản có phần khác nhau. Đa số các học giả đều kết luận rằng có lẽ kinh này được biên soạn vào những năm 350-400 Tây lịch. Thêm vào đó, theo nhà thiên sư nổi tiếng của Thiên tông Nhật bản, ông D.T. Suzuki (trong cuốn "The Lankavatara Sutra - A Mahayana Text", 1931), chương đề cập đến "Ăn Thịt" trong bản kinh có lẽ mới được thêm vào về sau này trong các phiên bản kế tiếp. Ông cũng đồng ý rằng bộ kinh này không phải là những lời do chính Đức Phật nói ra, nhưng được biên soạn về sau bởi các tác giả vô danh, dựa theo triết lý Bắc Tông.

Nguyên tác: "Are all Buddhists vegetarians?", John Kahila, Tỳ kheo Thiện Minh dịch.

---o0o---

Có phải các Phật tử đều là người ăn chay?

John Bullitt

Giới thiệu: Ông John Bullitt là một cư sĩ Phật tử người Mỹ, đã từng thành lập nhiều thư viện điện tử Phật giáo trong 10 năm qua. Trong mấy năm gần đây, ông là chủ biên Thư viện điện tử Phật học Access-to-Insight nổi tiếng trên mạng Internet với rất nhiều tài liệu kinh điển Phật giáo bằng Anh ngữ, và ông là một trong những cư sĩ hộ tăng đắc lực của tu viện Metta (Tỳ bi), miền nam bang California, Hoa Kỳ.

-ooOoo-

Có phải các Phật tử đều là người ăn chay? Trả lời: Một số ăn chay, một số không ăn chay. Theo những gì tôi biết, không có một chứng cứ nào trong Thánh điển Pàli cho rằng Đức Phật cấm các môn đệ cư sĩ của Ngài không được ăn thịt. Điều giới đầu tiên của ngũ giới có liên quan đến hành động cố ý sát hại, nhưng không có liên quan gì đến việc dùng thịt từ một con vật đã chết. Theo quan điểm của Phật giáo Nguyên thủy, việc chọn lựa ăn hay không ăn thịt là một sự lựa chọn hoàn toàn có tính cách cá nhân.

Mặc dù các tu sĩ Nam Tông tuân theo điều cấm không ăn một vài loại thịt [1], nhưng không có nghĩa họ là những người ăn chay, vì thức ăn của họ được cung cấp bởi lòng quảng đại của các cư sĩ hộ tăng [2], và chính những người này có thể là những người ăn hoặc không ăn chay [3]. Tu sĩ Nam Tông không bắt buộc phải ăn tất cả những gì đã được cúng dường bỏ vào trong bình bát của họ, và vì thế, một vị tu sĩ nào có phát nguyện ăn chay chỉ cần bỏ qua các món thịt cá ở trong bát của mình. Tại nhiều nơi ở Á Châu, khi mà chủ trương ăn chay không bao giờ được nghe nói đến, những vị tu sĩ phát nguyện ăn chay như thế chỉ có một trong hai lựa chọn: ăn thịt hoặc chết đói.

Tham dự vào việc sát hại để có thức ăn (săn bắn, đánh cá, bẫy mồi, v.v...) chắc chắn là không phù hợp với giới cấm thức nhất, và cần nên tránh.

Tuy nhiên, nếu tôi ăn thịt, hoặc mua thịt thì sao? Có phải chăng tôi đã khuyến khích người ta giết hại thay cho tôi? Làm sao sự kiện này lại tương thích với nguyên lý Phật giáo về sự vô hại, là điểm mấu chốt của Chánh Quyết Tâm? [4] Đây là một vấn đề tế nhị. Theo tôi, tôi tin rằng thật là sai quấy khi ta ra lệnh người khác: "Hãy cắt cổ con gà kia cho tôi!", bởi vì làm như thế là vi phạm giới điều đầu tiên [5]. Điều này chắc chắn là tạo nghiệp xấu (Xin hãy nhớ như thế mỗi khi bạn có thèm muốn và đặt món ốc sò tươi sống tại một nhà hàng). Thế nhưng, nếu bạn đi mua một miếng thịt từ con thú đã chết rồi, thì lại là một vấn đề khác. Mặc dù sự mua sắm của tôi có thể giúp người hàng thịt duy trì cơ sở thương mại của ông ta, tôi không đòi ông ta phải giết hại nhân danh tôi. Ông ta có quyết định giết một con bò ngày mai hay không là sự lựa chọn của ông ta, không phải của tôi. Đây là một điểm khó khăn nhưng rất quan trọng, bởi vì nó vạch ra một sự khác biệt căn bản giữa các lựa chọn cá nhân (lựa chọn nhắm đến thay đổi tánh tình của chính mình) và

các chọn lựa chính trị (chọn lựa nhắm đến thay đổi tánh tình của những người khác). Mỗi người chúng ta phải tự khám phá đâu là lần ranh giữa hai vấn đề này. Tuy nhiên, một điều chính yếu cần phải ghi nhớ là các lời dạy của Đức Phật trên cơ bản là những phương tiện giúp chúng ta học để có các chọn lựa tốt cho cá nhân (nghịệp), và những lời dạy đó không phải là những phương thức cho hành động chính trị.

Chúng ta không thể duy trì đời sống của mình trong thế giới này mà lại không gây tổn hại đến những sinh vật khác, bằng cách này hay cách khác. Cho dù chúng ta bước đi hết sức cẩn thận, vô số côn trùng, mỗi kiến và các sinh vật nhỏ bé khác đã bị giết hại một cách vô ý dưới bàn chân chúng ta trong mỗi bước đi. Như thế, làm thế nào chúng ta vạch được lần ranh giữa sự tổn hại có thể "chấp nhận được" và "không chấp nhận được"? Câu trả lời của Đức Phật rất rõ ràng và thực tiễn: dùng ngũ giới. Ngài không đòi hỏi các môn đệ của Ngài phải trở thành những người ăn rau đậu (mặc dù có một số sẽ dần dần không còn thèm ăn thịt); Ngài chỉ đơn giản bảo chúng ta nên tuân giữ ngũ giới. Đối với nhiều người trong chúng ta, đây cũng đủ là một thử thách. Đó là nơi chúng ta khởi đầu trên con đường đạo.

Chú thích:

[1] Tu sĩ Nam Tông tuân theo giới cấm không ăn thịt người, thịt voi, thịt ngựa, thịt chó, rắn, sư tử, cọp, beo, gấu, lang sói. Một vị tu sĩ không được ăn thịt cá sống, hoặc thịt cá từ con vật mà vị ấy thấy, nghe, hoặc nghi ngờ là đã bị giết đặc biệt cho vị ấy (tam tịnh nhục, xem thêm phần mô tả "các loại thức ăn" trong quyển Giới Luật Tu Sĩ Phật Giáo - The Buddhist Monastic Code, của Tỳ kheo Thanissaro). Vị tu sĩ nào ăn cái loại thịt đó là phạm lỗi, và sau đó phải sám hối với Tăng đoàn. Các giới luật này không cấm tu sĩ ăn thịt - mà chỉ giúp tu sĩ phải thận trọng khi chọn lựa thịt để ăn.

[2] Xem quyển "Vấn đề kinh tế của các quà cúng dường" (The Economy of Gifts), Tỳ kheo Thanissaro.

[3] Tu sĩ trong một vài trường phái của Bắc Tông hành trì ăn chay trường. Xem quyển "Đạo Phật: Giới thiệu Lịch sử" (The Buddhist Religion: A Historical Introduction) , của R.H Robinson và W.L. Johnson, California 1977.

[4] "Và Chánh Quyết Tâm là gì? Quyết tâm xả ly, quyết tâm không sân hận, và quyết tâm vô hại: Đó gọi là Chánh Quyết Tâm" -- Tương Ưng XL V.8.

[5] Đây là tương thích với luật của tu sĩ cấm không cho họ ăn thịt của con vật mà họ thấy, nghe, hoặc nghi đã giết đặc biệt cho họ (tam tịnh nhục). Xem quyển Giới Luật Tu Sĩ Phật Giáo như trên.

Nguyên tác: "Are Buddhists vegetarians?", John Bullitt. Bình Anson dịch.

Phật giáo và vấn đề chay mặn

Phân tích quan điểm của Đức Phật về việc sử dụng thịt

V.A. Gunasekara

Giới thiệu: Tiến sĩ Victor A. Gunasekara là một cư sĩ người Úc gốc Tích Lan. Ông là giáo sư của Đại học Queensland, và là Tổng thư ký Hội Phật Giáo bang Queensland, Úc châu. Ông viết nhiều sách về đạo Phật và đã được xuất bản ở Úc, Singapore, và Sri Lanka.

-ooOoo-

Nội dung

1. Ghi chú tựa đề.
2. Luật tam tịnh nhục của Đức Phật.
3. Quan điểm các tôn giáo khác về việc ăn thịt.
4. Phân tích về giới luật của Đức Phật.
5. Những luận chứng về ăn chay
6. Kết luận.

---o0o---

1. Ghi chú tựa đề

Bài viết này xuất hiện lần đầu tiên trên tạp chí Vimamsà của Hội Phật Giáo Queensland vào tháng 10 năm 1983. Rồi sau đó được in lại trên Tạp chí Người Phật Tử Trẻ (Young Buddhist) tại Singapore. Sau đó lại được phát hành trên loạt bài về Phật Giáo của Hội Phật Giáo Queensland, và các bản in không còn lưu hành nữa. Xét thấy có nhiều người rất quan tâm đến chủ đề này chúng tôi lại cho tái xuất bản trong một tập sách nhỏ.

Đây cũng là cơ hội để có thể thực hiện một số thay đổi văn phong, thêm vào một vài tư liệu bổ sung và cước chú. Tuy nhiên, không có thay đổi nào về các luận cứ trình bày trong tập sách.

---o0o---

2. Luật Tam Tịnh Nhục của Đức Phật

Ăn chay là một sự thực hành đang phát triển trong xã hội hiện đại và một số người nhiệt tình mới nổi lên đã chỉ tay phê phán nhắm vào Đức Phật là người đã sử dụng thịt như được ghi chép lại, và nhắm cả tới những Phật tử hiện đại đã sử dụng thịt. Đây cũng là cơ hội đáng để chúng ta nghiên cứu lại thái độ của Đức Phật về việc sử dụng thịt cá. Trước tiên chúng ta sẽ nói rõ giới luật Đức Phật đã để lại có liên quan đến việc sử dụng thịt cá, và rồi sẽ điều tra nghiên cứu các bài phân tích về giới luật này. Mặc dù giới luật của Đức Phật đã được công bố rất nhiều lần, có rất ít bàn luận về lý lẽ cơ bản của qui luật này. Chính vì điều đó mà bài viết này được tạo ra.

Có đôi điều gây tranh cãi về thành phần món ăn cuối cùng, "sùkaramaddava", mà Đức Phật đã dùng. Một số người (tin theo lời bình luận của ngài Buddhaghosa - Phật Âm) cho là Ngài đã dùng thịt heo, một số người khác (tin theo trường phái Bắc Tông - Mahayana) lại cho đó là dược liệu hay chỉ là một loại nấm rừng. Tuy nhiên còn có một số sự kiện khác được ghi lại về Đức Phật cũng như các Tỳ Kheo tiên khởi đã ăn thịt. Chi tiết cổ xưa nhất liên quan đến vụ này được ghi trong câu chuyện viết về việc "cải đạo" của vị Tướng Quân Siha đã được ghi trong Luật Tạng (Mahāvagga, VI, 31-2). Vị tướng quân này đã mời Đức Phật và các vị Tỳ Kheo của ngài dùng một bữa trai Tăng trong đó thịt đã được cúng dường. Những người Kỳ-na giáo vốn đã được hưởng sự bảo trợ đặc biệt của viên tướng này từ trước, đã lan truyền câu chuyện là vị Tướng Quân Siha đã giết một "con vật béo" (thùla pasu) vào dịp đó và chính Đức Phật đã cố ý tham dự bữa tiệc đó, và như thế, Ngài đã phạm phải một hành vi gây hậu quả nghiệp chướng nghiêm trọng (pāticcakkamma). Trong thực tế, con vật đã không được giết mổ chỉ để dành riêng cho dịp đó, nhưng thịt đã được mua ở chợ. Đức Phật đã tận dụng cơ hội này, Ngài đã đề ra một giới luật có liên quan đến việc sử dụng thịt và cá.

Đức Phật đã nói với chư tăng: "Quý thầy không được cố ý sử dụng thịt đã được giết mổ chỉ dành riêng cho quý thầy; Như Lai chỉ cho phép sử dụng thịt và cá không bị phiền trách [1] trong ba trường hợp sau đây: không thấy, không nghe và không nghi ngờ cả " (Luật I, 233). Chúng tôi sẽ đề cập đến giới luật này khi nói về luật Tam Tịnh Nhục của Đức Phật quy định về ăn thịt [2]. Ba điều kiện này đòi hỏi không được chứng kiến công việc giết mổ, không được nghe nói thịt đó được giết mổ (để cung cấp cho người trong cuộc), và ngay cả khi không có thông tin như vậy thì cũng không có gì phải nghi ngờ về hai trường hợp trên (nghĩa là mắt, tai và tâm ý phải thỏa mãn được "sự vô can" về món thịt đó).

Với sự căn bản của luật Tam tịnh nhục đó, các kinh văn Pàli đã phân biệt có hai loại thịt, gọi là "uddissakatamasa" và "pavattamasa". Danh từ thứ nhất - uddissakatamasa - được dùng để chỉ loại thịt được giết mổ chỉ dành riêng cho một người tiêu thụ nào đó. Loại thịt này không được luật Tam tịnh nhục cho phép ăn. Cho dù không xác minh, một tiêu chuẩn thô sơ có thể dùng để xác định loại thịt này là do người giết mổ đã có ý định rõ ràng chỉ dành riêng cho một người cá biệt nào đó sử dụng, và nếu như người đó sử dụng thì không những người đó cùng chia sẻ thịt không mà thôi, mà còn chia sẻ cả những hậu quả nghiệp chướng gắn liền với việc cung cấp loại thịt đó. Danh từ thứ hai được dùng để chỉ một loại thịt khác được phép dùng - pavattamasa - theo nghĩa đen được hiểu là "loại thịt đã sẵn có" (bà Horner, Hội Thánh điển Pàli, dịch là "thịt có sẵn trong tay"). Từ đó, đã có một số vụ tranh cãi để xem những loại thịt nào thuộc vào loại "loại thịt đã sẵn có". Một số người giải thích cho là đó là loại thịt những con vật bị giết một cách tình cờ, hay bị các con vật khác giết chết. Nhưng trong thực tế nó gồm cả thịt được bán ở ngoài thị trường. Điều này được làm rõ bằng một sự kiện ghi chép trong tạng Luật, kể về bà Suppiyà sai tớ gái ra chợ để mua thịt về (nấu súp cho một vị sư ốm nặng) và người đầy tớ gái về cho bà biết là không thể kiếm được loại thịt đã giết mổ sẵn vì "hôm nay không phải là ngày giết mổ". Điều này cho thấy thịt giết mổ bán ở ngoài chợ được coi như là loại thịt pavatta-masa, và do đó là loại thịt được phép sử dụng. Loại thịt này được xem như là "vô can". Vì loại này thuộc dạng nghiệp chướng trung hòa đối với người tiêu dùng (nhưng đương nhiên người giết mổ và cung cấp phải chịu trách nhiệm nghiệp chướng). Chúng ta sẽ đề cập đến hai loại thịt này như là "thịt nghiệp tác" (karmically effective) và "thịt nghiệp tro" (karmically neutral, "thịt có nghiệp trung tính, vô can") [3]. Một phiên bản ngắn về sự kiện này đã được ghi lại trong Tăng Chi Bộ Kinh.

Trong kinh Jivaka thuộc Trung Bộ Kinh, cùng một giới luật như trên đã được giải thích cho y sĩ Jivaka. Bài kinh này đã xác định với nhiều lời lẽ về những nghiệp ác đi kèm theo việc vi phạm giới luật Tam Tịnh Nhục. Giới luật này đã được tái khẳng định khi Đức Phật đã từ khước lời yêu cầu của Đề-bà-đạt-đa để đem việc ăn chay vào giới luật tu sĩ [4]. Cũng ghi nhận rằng luật tam Tịnh Nhục cũng thấy các tạng Luật của các bộ phái nguyên thủy khác, như bộ phái Pháp Tạng và Hữu Bộ (tuy nhiên không thấy viết trong kinh tạng của họ). Vì thế, có thể xem luật Tam Tịnh là một giới luật đích thực của Đức Phật.

Sự phân biệt giữa hai loại thịt nghiệp tác và nghiệp trợ được dựa trên những cơ sở đạo đức. Tuy nhiên cũng còn có những luận cứ khác cho việc ăn chay, sẽ được đề cập đến trong phần 4 dưới đây. Đức Phật cũng đã gán cho tầm quan trọng ít nhất vào một trong những lý do đó. Dựa trên những cơ sở này mà thịt của mười sinh vật sau đây bị cấm sử dụng, đó là: thịt người, thịt voi, ngựa, chó, rắn, sư tử, cọp, beo, gấu và linh cẩu. Những bản văn chỉ đơn giản công bố những loại thịt đó là không "thích hợp" mà không đưa ra những phân tích chi tiết tại sao mười loại thịt lại là loại thịt bị cấm. Nhưng chúng ta có thể đoán rằng cấm như vậy vì đã được công chúng đồng ý như thế. [5]

Dựa theo quan điểm loại thịt nghiệp trợ mới được phép sử dụng trong cộng đồng Phật giáo, Đức Phật đã yêu cầu không được sử dụng bất kỳ loại thịt nào mà không tìm hiểu rõ ràng căn nguyên ("na ca bhikkhave appativekkhitva masam paribhunjitabbam"). Thiếu hiểu biết không thể là lý do để tự bào chữa được nếu như một loại thịt sai quy định đã được sử dụng. Đây là trách nhiệm của người sử dụng để xác định loại thịt nào là thích hợp để tiêu dùng. Những giới luật được đề ra chủ yếu liên quan đến các vị tăng ni, nhưng cũng được áp dụng rộng rãi cho toàn thể cộng đồng Phật tử, tu sĩ lẫn cư sĩ.

Ngày nay, lối hành trì tại các quốc gia Nam Tông không giống nhau. Nhìn chung tại Sri Lanka, các nhà sư chỉ được dùng cá trong các bữa ăn, mặc dù số các nhà sư ăn chay đang gia tăng. Tại Thái Lan, dường như người ta thường cúng dường các món có thịt trong các bữa ăn của các vị sư.

---o0o---

3. Quan điểm các tôn giáo khác về việc ăn thịt.

Những quan điểm của Đức Phật về ăn thịt phải được xét đến trong khung cảnh thời đại của Ngài. Các bản văn tôn giáo Ấn độ sớm nhất, như Vệ-đà, lại không cấm sử dụng thịt hay giết mổ súc vật. Thực vậy, một số lớn các nghi thức sát tế đã trở thành qui luật, đặc biệt là nghi thức tàn nhẫn Asvamedha đã dần dà được thừa nhận là cách tỏ rõ sức mạnh của các nhà cầm quyền đang gia tăng.

Thoạt đầu mang tính thăm dò, chính những người Upanishads đã đề ra nguyên tắc "không gây tổn thương" (ahimsa - vô hại) vào cuộc sống tôn giáo Ấn độ. Nhưng ngay cả nghi thức sát tế cho các thần linh cũng được cho phép, tuy nhiên không phải trên qui mô được thừa nhận dưới thời Vệ-dà sau

này. Nơi những người Upanishads đầu tiên, như Chandogya, lại cho phép sử dụng thịt đặc biệt nếu một phần thịt đó đã được cúng cho các vị thần linh. Chỉ sau thời Đức Phật, một số người theo đạo Hindu (Ấn độ giáo, Bà-la-môn giáo) mới chấp nhận việc ăn chay như một luật chung. Nhưng giới luật này cũng không phổ biến mấy và một số giáo phái Hindu như những người theo việc thờ cúng Tara lại dính líu đến nghi thức giết mổ và sử dụng thịt. Tuy nhiên đa số tín đồ Hindu lại là người ăn chay, hay ít nhất cũng tránh sử dụng một vài loại thịt, như là thịt bò.

Chính nơi các người Kỳ-na giáo, chúng ta thấy rõ sự khẳng định đặc biệt đối với nguyên tắc vô hại - ahimsa. Họ nghiêm cấm giết hại tất cả các hình thức sự sống, ngay cả những sinh vật cực nhỏ. Toàn bộ nền đạo đức của người Kỳ-na bao gồm hàng loạt những giới luật và các điều khoản liên quan đến qui luật Ahimsa. Thực vậy, tám điều kiêng cử cơ bản (mùlaguna) người cư sĩ Kỳ-na thường phải tuân thủ liên quan đến kiêng cử: thịt, rượu, mật, và năm loại quả vải đặc trưng. Bảy loại thức ăn sau bị cấm sử dụng vì có thể tìm thấy một số sinh vật nhỏ sống trong đó. Thêm vào đó, toàn bộ một loạt những giới luật khác cũng phải được tuân thủ, thí dụ như không được dùng bữa sau khi mặt trời lặn (vì bếp lửa nấu ăn có thể thu hút một số côn trùng đến thiêu thân.) và không được uống nước chưa được lọc (rất có thể trong nước đó có chứa một ít sinh vật). Những người thường dân Kỳ-na còn loại bỏ cả công việc trông tĩa ra khỏi những nghề tạo "sinh kế hợp lý" của họ, vì canh nông cũng đưa đến phá hoại sự sống. Rất nhiều người chỉ làm nghề thương mại và đổi chác. Các giới luật dành cho các tu sĩ đạo Kỳ-na (muni) còn nghiêm khắc hơn nhiều. Một số giáo phái còn tránh không cả mặc quần áo vì sợ có thể hủy diệt các loại ký sinh trùng sống trên thân thể con người. Một số các tu sĩ khác còn thi hành việc tuyệt thực đến chết (sallekhana) vì không có loại thực phẩm nào có thể thực sự không gây hại đến các thú vật. (xin đọc phần dưới đây bàn về những luận chứng về ăn chay).

Trong số các Phật tử, một số nhóm theo phái Bắc Tông hết mực tán dương việc ăn chay. Đã thấy xuất hiện trong kinh Đại Niết-bàn phiên bản chữ Sanskrit, lời tuyên bố sau đây được gán cho là do Đức Phật nói: "Như Lai ra lệnh toàn thể các đệ tử từ nay về sau không còn được tham gia vào các bữa ăn có thịt." Dĩ nhiên, lời tuyên bố này không thấy xuất hiện trong phiên bản tiếng Pali của bài kinh có cùng tên. Một điều được biết rõ ràng là có nhiều tuyên bố khác nữa cũng đã được thêm vào bản kinh Sanskrit này dựa vào uy tín của Đức Phật sau khi Ngài đã qua đời. Sự kết án việc ăn thịt được thấy trong các kinh điển khác của Bắc Tông, như trong phiên bản của họ về kinh Phạm Võng, và quan trọng hơn là kinh Lăng Già. Trong chương Tám của

kinh này đã được dành trọn vẹn cho vấn đề ăn thịt, và có đến 24 luận cứ được đưa ra chống lại việc ăn thịt. Một vài luận cứ tiêu biểu được viện dẫn chống lại việc ăn thịt trong kinh Lăng Già là:

1. Những thú vật hiện nay có thể là bạn bè họ hàng với chúng ta trong quá khứ.
2. Chính cha mẹ và họ hàng chúng ta có thể được tái sinh là một con vật trong cuộc sống mai sau.
3. Theo lý lẽ thông thường thì không có lý do gì để cấm dùng thịt một số loài vật, đang khi đó lại không cấm sử dụng tất cả các loại thịt khác.
4. Thịt luôn được xem là ô uế vì nó luôn luôn bị nhiễm các chất phóng uế của thân xác
5. Viễn cảnh bị giết thịt có thể khiến cho thú vật phải kinh hoàng.
6. Toàn bộ thịt chẳng là gì khác hơn là xác chết thối rữa.
7. Việc dùng thịt có thể kiến cho người sử dụng trở nên độc ác và gợi cảm nhục dục.
8. Theo bản chất tự nhiên, con người không phải là con vật ăn thịt.

Trong kinh này, Đức Phật đã chỉ vẽ cho Bồ Tát Đại Huệ như sau: "Không có loại thịt nào lại tinh khiết, xét theo ba cách thức sau đây: không được dự tính trước, không được yêu cầu, và không bị ép buộc; chính vì vậy mà nên tránh không ăn thịt."

Thật rõ ràng đây là câu trả lời của phái Bắc Tông về luật Tam Tịnh Nhục của Đức Phật đã đề ra trong kinh Pàli và trong kinh điển của các bộ phái nguyên thủy khác. Nhưng ba điều kiện đề cập đến ở trên không ăn khớp với những điều kiện đã được Đức Phật qui định trong các kinh điển Pàli. Cho dù có rất nhiều lời phê phán trong kinh điển về việc ăn thịt, những người theo phái Bắc Tông nhìn chung trong thực tế cũng vẫn tiêu thụ thịt. Đặc biệt điều này hoàn toàn đúng nơi các Phật tử Tây Tạng. Đức Đạt Lai Lạt Ma đã đưa ra lời biện hộ cho rằng đó là vì đất đai và khí hậu tại Tây Tạng khô cằn và khắc nghiệt, không có lợi cho việc trồng tía. Nhưng điều này cũng là do những ảnh hưởng của môn phái Mật Tông trong đó, thịt và cá là hai trong số 5 loại "thịt" mà người thuộc phái Mật tông thường ham mê thích thú.

Như chúng ta đã thấy, phái Nam Tông cố gắng tuân giữ giới luật của Đức Phật. Duy chỉ có một ngoại lệ đáng chú ý nhất đó là cuộc ly khai của Đề Bà Đạt Đa, trong đó Đức Phật đã thắng thắng từ khước ngay việc đưa ăn chay thành giới luật. Tuy vậy một số tàn dư của của cuộc ly khai bởi Đề Bà Đạt Đa vẫn thấy xuất hiện nơi một vài phái Tápasa trong Nam Tông. [6]

Các tôn giáo thờ độc thần đã xuất hiện tại vùng Trung Đông (Do thái giáo, Ky-tô giáo và Hồi giáo) đã không phát triển nền đạo đức "vô hại" cho loài súc vật. Cả Do thái giáo lẫn Hồi giáo đều qui định dùng súc vật làm tế cho Thượng đế. Và họ còn qui định cả cách thức giết thịt súc vật làm thức ăn cho con người (một cách thức thường rất dã man). Theo Kinh Thánh, ngay sau khi tạo dựng nên trời đất muôn vật, Thượng đế đã ra lệnh cho con người phải ăn rau đậu, tuy nhiên huấn thị này không tồn tại được lâu và đã bị hủy bỏ sau cơn "Lụt đại hồng thủy" thần thoại. Giờ đây, con người được phép giết và ăn thịt kèm theo một số giới hạn thật là kỳ quặc có liên quan đến việc gây đổ máu. Đó là cơ bản của một phương pháp giết mổ dã man được người Do thái và người Hồi giáo sử dụng. Kinh thánh Do thái và Ky-tô giáo thừa nhận sự "thống trị" mà Thượng đế đã đặt lên thú vật và môi trường, và đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng trong lịch sử.

Chúng ta sẽ thấy Phật giáo giữ một vị thế trung dung giữa lý tưởng Vô hại của Kỳ-na giáo và sự bỏ rơi hoàn toàn trong vị thế của Do thái - Ky-tô - Hồi giáo.

---o0o---

4. Phân tích về giới luật của Đức Phật.

Đâu là lý lẽ căn bản của giới luật Tam Tịnh Nhục của Đức Phật về việc ăn thịt? Không thể cho là bàn tay của người tiêu thụ loại "thịt nghiệp tro" là hoàn toàn tinh khiết, đặc biệt nếu như ta ra chợ mua thứ thịt đó như trường hợp của hầu hết những người tiêu thụ. Chính vì luật thị trường cho thấy là nếu không có cầu thì cũng không có cung [7]. Vấn đề ở đây là mức độ can dự vào hành vi sát sinh nếu là thịt thuộc bất kỳ loại nào được tiêu thụ (ngoại trừ khi con vật bị được giết một cách vô tình, hoặc con vật chết một cách tự nhiên.) Chúng ta có thể xác định được nhiều mức độ can dự của người tiêu thụ với hành vi sát sinh:

* Mức độ trực tiếp nhất là khi người tiêu thụ trực tiếp giết con vật để lấy thịt sử dụng.

* Mức độ can dự thứ hai là khi người làm công của ai đó dưới quyền trực tiếp của người tiêu thụ được yêu cầu thực hiện việc sát sinh đó. Các chi tiết khác nhau về mức độ can dự này là: khi người tiêu thụ dùng bữa với món thịt do người bạn gửi tặng hay một người trong gia đình lần lượt hoặc trực

tiếp sát sinh hoặc tạo cơ cho con vật trực tiếp bị giết. Cả hai mức độ can dự nêu trên đều nằm ngoài phạm vi Tam Tịnh Nhục của Đức Phật và đều bị nghiêm cấm đối với cộng đồng Phật tử.

* Mức độ can dự thứ ba là khi người tiêu thụ mua thịt ở chợ. Hình như đức Phật đã xem mức độ này là phù hợp với luật Tam Tịnh Nhục của Ngài, và mức độ này được xem như "nghịch trợ" hay "nghịch trung tính". Những lý do thừa nhận mức độ dính líu thứ ba này với hành động sát sinh đã không được trực tiếp bàn đến trong Thánh điển. Cho nên, các lý do đó chỉ được phỏng đoán từ vị thế của đức Phật nói chung. Đó là lý lẽ chúng tôi hy vọng sẽ được trình bày trong chương này.

Trước hết, tương quan nơi mức độ can dự này trong việc sát sinh đối với giới luật đầu tiên trong Phật giáo (kiềm chế không được sát sinh) phải được khai triển. Nghiệp gắn liền với những hành vi lựa chọn tuyệt đối. Thực vậy, người đồ tể chỉ giết súc vật để bán thịt mà thôi, nếu như người tiêu thụ không mua thịt, chắc hẳn người đó đã không giết mổ. Nhưng để thực hiện được điều đó, người đồ tể đã thực hiện một sự lựa chọn tuyệt đối. Không có cưỡng bách nào đối với người đó để trở thành đồ tể, cũng như người làm nghề nướng bánh hay người sản xuất chân nến. Nếu không có người cung cấp và bán thịt thì người tiêu thụ, nếu như họ muốn tiếp tục sử dụng thịt, sẽ buộc phải tự mình là chuyện sát sanh, như vậy họ phải gánh chịu trách nhiệm nghiệp chướng. Chính vì thiếu sự thúc bách về phía người tiêu thụ, đã thực sự giải thoát người tiêu thụ thịt khỏi toàn bộ trách nhiệm nghiệp chướng về hành vi sát sanh, khiến cho người này có thể mua thịt ngay tại chợ. Thế nên Đức Phật đã chủ trương một cách hợp lý cả giới luật đầu tiên của Phật giáo và giới luật Tam Tịnh Nhục về việc ăn thịt để cả hai không dẫn đến xung khắc.

Luận chứng thuyết phục nhất về giới luật của Đức Phật chính là toàn bộ sự hiện hữu của cõi Ta-bà đều có dính líu đến sát sanh, bằng cách này hay cách khác. Như sẽ được trình bày ở phần kế tiếp, việc cung cấp thực phẩm cho người ăn chay cũng có can dự đến việc tiêu diệt sự sống, đôi khi còn sâu rộng hơn cả việc cung cấp các sản phẩm có chứa thịt. Một thực tế phũ phàng là cả người ăn chay lẫn người ăn thịt - từ ngay chính sự hiện diện của họ trong cõi Ta-bà này - đều tạo ra sự giết hại những dạng sinh vật khác nhau. Thực vậy, ta không thể nào sinh tồn mà không gây tàn phá cho sự sống (như các vị tu sĩ Kỳ-na giáo đã nhận thức được).

Điều căn bản nhất nơi giáo lý của Đức Phật chính là toàn bộ sự hiện hữu luân hồi đều dính líu đến một vài hình thức giết hại. Đó chính là khía cạnh của đau khổ (dukkha), một thực tế luôn luôn tồn tại khắp nơi. Thay vì phải cố gắng vô vọng để kết thúc mọi hình thức sát sanh, và biến thế giới trở nên hoàn hảo theo kiểu đó, Đức Phật đã tạo ra một lối thoát khỏi cõi Ta-bà và mọi khiếm khuyết của nó. Điều này bao gồm sự xa lánh những hình thức thô sơ của tội lỗi, kể cả việc tránh sử dụng "thịt nghiệp tác", cùng với việc phát triển những yếu tố khác của Bát Chánh Đạo.

Đức Phật còn nhấn mạnh đến những khiếm khuyết luân lý nghiêm trọng hơn là việc ăn thịt. Một bài kinh điển hình về vấn đề này là kinh Àmagandha trong Kinh Tập, một trong các quyển kinh nguyên sơ nhất của bộ Thánh điển Pàli. Trong bài kinh này, một nhân vật Bà-la-môn ăn chay trường khuyết danh đã đối diện với Đức Phật, và ông ta tuyên bố những tội ác về việc sử dụng thịt và cá. Danh từ "àmagandha" theo nghĩa đen có nghĩa là mùi hôi thối của thịt cá, và cũng được dùng để ám chỉ sự ô uế. Trong khi trả lời ông ta, Đức Phật đã thốt ra một số vần thơ liệt kê ra sự ô uế thực sự đang hủy hoại tư cách đạo đức, chứ không phải là việc ăn thịt cá. Ở phần cuối của mỗi đoạn kinh, Ngài đều thốt ra cùng một điệp khúc: "... đây chính là thứ mùi hôi thối tạo hủy hoại, chứ không phải chỉ là việc sử dụng thịt mà thôi." ("esàmagandho ni hi mamsabhojanam").

Cách tiếp cận vấn đề của Đức Phật được minh chức nơi học thuyết Darwin. Ông Darwin cho rằng muôn loài vạn vật đều xung đột liên tục với nhau và chỉ có loài nào mạnh nhất mới tồn tại được. Theo học thuyết này thì sự sống còn của bất kỳ một chủng loại nào đều gây ra sự hủy hoại cho bất kỳ chủng loại nào khác đang tranh giành lấy cùng một không gian sinh học có giới hạn. Sự sống còn và sự sinh sôi nảy nở của nhân loại cần thiết phải dính líu đến sự hủy diệt của vô số sinh vật khác, bất kể chế độ ăn uống của nhân loại có tên là ăn chay hay ăn mặn.

---o0o---

5. Những luận chứng về ăn chay

Kể đến, chúng ta phải xem xét đến ý nghĩa đạo đức và những tác động khác của chủ nghĩa ăn rau đậu. Có nhiều luận chứng được đưa ra về vấn đề ăn chay, trong số đó những luận chứng sau đây cần phải chú ý xét: luận chứng đạo đức, sinh học, sinh thái, và văn hóa - xã hội.

* Xét theo quan điểm tôn giáo thì luận chứng đạo đức là quan trọng nhất và sẽ được đề cập đến đầu tiên. Nhiều người ăn chay rất thích thú dùng cơ sở đạo đức cao. Họ cho là khẩu phần ăn của họ không liên quan gì đến sát sinh và gây đau khổ cho thú vật, hoặc cho dù nếu có liên quan đi chăng nữa thì nếu họ chấp nhận chế độ không ăn chay thì mức độ gây đau khổ cho súc vật và sát sinh sẽ còn lớn hơn. Tuy nhiên, một thực tế đơn giản là nền nông nghiệp thương mại, vốn là căn bản cho khẩu phần ăn chay, sẽ không thể thực thi được nếu không có sự hủy diệt sự sống. Ngay cả chỉ một hành động cày đất thôi thì cũng đã hủy hoại cuộc sống của nhiều côn trùng sống trong đất, nhưng hình thức sát sinh chính yếu lại xuất hiện từ nhu cầu bảo vệ mùa màng và vụ thu hoạch khỏi côn trùng, dã thú và một số thú vật phá hoại khác. Chúng ta chỉ cần ngẫm nghĩ đến việc giết hại toàn bộ các loài heo rừng, thỏ rừng, kăng-ga-ru v.v... cho mục đích này. Các loại thuốc độc, cạm bẫy, và những bệnh dịch cho chính con người gây ra đã tạo ra những sự hủy diệt chết chóc tàn bạo và khủng khiếp. Những con ốc sên, châu chấu, các con giòi, cào cào, và nhiều côn trùng khác đã bị hủy diệt bằng các chất thuốc trừ sâu cực mạnh, và con số phải lên đến hàng triệu. Ngay cả số chuột bị tiêu diệt để bảo vệ những kho chứa ngũ cốc khỏi bị chúng phá hoại thì còn lớn hơn con số đoàn gia súc bị giết mổ để phục vụ cho những người sử dụng thịt. Thật thế, có thể tranh luận là con số thú vật và côn trùng bị giết hại để làm ra một bữa ăn trung bình cho người ăn chay còn lớn hơn con số súc vật bị giết để làm ra một bữa ăn cho người ăn thịt với cùng một giá trị dinh dưỡng. Nếu quả đúng như thế, sự chấp nhận khẩu phần ăn chay thực sự có thể gia tăng số sinh vật bị giết trong quy trình sản xuất thực phẩm.

Còn nữa, nhiều người ăn chay còn dùng các sản phẩm lấy từ gia súc như sữa. Trong khi xem ra các sản phẩm này "nhân đạo" vì không phải sử dụng đến sát sinh, nhưng thực chất không phải là như vậy. Giả sử như mọi người đều bỏ không dùng thịt nữa và chỉ duy trì uống sữa mà thôi. Một hậu quả chắc chắn sẽ xảy ra ngay đó là các con bò đực sẽ bị giết ngay từ lúc mới sinh (trừ một số được giữ lại để dùng vào mục đích lấy giống), trừ phi các bò đực không có giá trị sản xuất lại được lưu giữ và điều này rất khó xảy ra. Sữa là sản phẩm được thiên nhiên dành cho các con bê con, và việc ép buộc dành riêng cho con người lại là một vấn đề luân lý gây tranh cãi. Một điều lạ kỳ cần lưu ý là một số người ăn chay nghiêm khắc nhất, như nhóm Hare Krishna, lại là những người rất thích dùng các loại sản phẩm lấy ra từ sữa. Hình như họ không nhìn ra sự mâu thuẫn đạo đức liên quan đến những thói quen ăn uống của họ. Giới luật Tam Tịnh Nhục của Đức Phật, tuy không phải là giới luật hoàn chỉnh nhất, bởi vì không có giới luật nào mà tuyệt đối

hoàn chỉnh, nhưng ít nhất cũng tránh được những vấn nạn luân lý đã làm bối rối người ăn chay vì lý do đạo đức.

* Luận chứng sinh học cho chủ nghĩa ăn rau đậu có giá trị hơn luận chứng đạo đức. Một điều rất rõ ràng là cơ thể con người không được thiết kế để tồn tại chỉ nhờ vào thịt (như là kinh Lăng Già khẳng định). Hai khía cạnh cơ thể học con người cho thấy thực phẩm chay là thực phẩm thích hợp cho con người. Đầu tiên là cấu tạo của răng con người (trong đó răng hàm lại quan trọng hơn là răng cửa) và một khía cạnh khác nữa là ruột con người chiếm một tỷ lệ chiều dài, dài hơn là cơ thể con người. Những loài thú ăn thịt có răng cửa sắc bén để xé thịt, và có bộ ruột ngắn hơn để cho lượng thịt bị thối rữa nhiễm trùng có thể được tống ra khỏi cơ thể càng nhanh càng tốt. Cơ thể con người ta thường giống hơn với loài vật ăn cỏ, nhưng không hoàn toàn là loại ăn cỏ vì chúng lại có một cấu trúc dạ dày khác hẳn. Thực ra, cơ thể con người là một sự thỏa hiệp giữa loài ăn cỏ thuần túy và loài ăn thịt thuần túy - do đó, con người là một loài ăn tạp. Còn nữa, hiệu quả gây tác hại từ việc sử dụng các sản phẩm động vật (thí dụ Cholesterol) đã không được cân bằng do thiếu hụt các chất đạm cao trong các thức ăn chay. Sau khi cân nhắc kỹ, thì luận chứng sinh học xem ra có phần thiên về ăn chay hơn là ăn thịt.

* Luận chứng sinh thái cũng có phần thiên về ăn chay. Thịt là một cách thức thiếu hiệu quả để chuyển đổi toàn bộ năng lượng thành thực phẩm. Thật dễ dàng và rẻ tiền hơn nhiều để chuyển đổi năng lượng thành sinh khối (biomass) rất thích hợp cho con người tiêu thụ trực tiếp hơn là một cách gián tiếp sau khi đưa sinh khối đó vào thú vật và rồi lại tiêu thụ thịt thú vật. Sản xuất hàng loạt gia súc (gà, heo, bò) có thể dẫn đến hoặc là phá hủy toàn bộ những cánh rừng nguyên sinh để tạo đồng cỏ chăn nuôi, hoặc là với phương pháp nuôi gà công nghiệp dẫn đến sự tàn nhẫn cùng cực, thải ra lượng khí mêtan v.v... Sự gây giống chọn lọc ở các trại chăn nuôi súc vật và việc sử dụng hóa chất và các chất kích thích hóc-môn để làm tăng trọng có thể tạo ra những hậu quả phụ thuộc không ngờ được trong một số lãnh vực khác. Nhưng cũng cần phải được đề cập đến ở đây là việc chuyển đổi sang chế độ ăn chay sẽ không nhất thiết có thể cải thiện được môi trường sinh thái. Điều cần thiết chính là giảm gia tăng dân số và áp dụng những tiêu chuẩn sinh sống lâu bền mà không gây tác hại đến môi trường.

* Luận chứng văn hóa - xã hội lại dính líu đến luận chứng thẩm mỹ thuộc về những gì xã hội cho là thích hợp để ăn. Các qui luật xã hội rất khác biệt nhau về khía cạnh này. Đa số các xã hội đều loại bỏ tục ăn thịt người và không cho phép tiêu thụ xác chết thối rữa và ăn xác các súc vật chết. Tại hầu hết

các quốc gia Tây phương và nơi tiểu lục địa Ấn độ đã có một sự chống đối ăn thịt các thú vật yêu chuộng (chó, mèo) hay các loài bò sát. Tuy nhiên không có sự ngăn cấm như vậy tại một vài nơi khác ở Phi Châu và vùng Viễn Đông (mặc dù ở Trung Hoa vào năm 511 Tây lịch, Lương Vũ Đế đã ra lệnh cấm ăn thịt). Thực ra, không có gì khác nhau trong việc tiêu thụ thịt của một loại thú vật này và tránh ăn thịt của loại khác. Nhưng xét dưới khía cạnh thẩm mỹ và văn hóa, ta thấy có khác biệt đáng kể. Chắc chắn là các thực phẩm chay thì hay hơn so với các sản phẩm về thịt xét dưới góc độ thẩm mỹ, cho dù sản phẩm thịt được đóng gói để dễ nhìn hơn.

6. Kết luận. ^

Những luận chứng trên đây không nên xem như là cách bào chữa cho việc ăn thịt. Điều chúng tôi quan tâm là cố suy đoán về những lý lẽ căn bản đằng sau giới luật Tam Tịnh Nhục vốn đã được Đức Phật đặt ra, và phản bác lời chỉ trích rằng giới luật của Đức Phật hàm chứa một mâu thuẫn luân lý với những phân giáo lý khác của Đức Phật, vì Ngài đã từng nhấn mạnh đến lòng từ bi và giới luật cấm sát sanh.

Có nhiều luận chứng có tính thuyết phục về việc ăn chay, quan trọng nhất là về khía cạnh sinh học, môi sinh và xã hội mà chúng tôi đã xác định ở phần trên. Luận chứng đạo đức mà nhiều người ăn chay chấp nhận, để cho là có đạo đức còn cao hơn cả điều Đức Phật đã dạy, đã được cho thấy là không có giá trị. Thật ra, nếu chúng ta chuyển từ ăn thịt sang ăn rau đậu, vẫn không cần thiết phải có sự sút giảm về số lượng sát sanh và tàn nhẫn liên quan đến việc cung cấp thực phẩm. Chỉ có những loại sinh vật khác có thể phải chịu đau khổ.

Cũng còn có một quan điểm đạo đức rất thú vị cần được giải quyết. Toàn bộ những thú vật bị giết để cung cấp thịt đã được cố ý gây giống và chăn nuôi cho mục tiêu này (thí dụ: gà công nghiệp, heo và đàn bò thịt). Nếu không có nhu cầu về thịt, thì điều đơn giản là chúng sẽ không còn tồn tại nữa. Như vậy, loại bỏ việc ăn thịt về lâu về dài sẽ không "cứu" được bất kỳ loại gia súc nào khi mà chúng không còn được gây giống nữa. Vấn đề là dựa trên căn bản đạo đức nào để quyết định duy trì sự sống cho một số loài gia súc trong một thời gian có giới hạn hay là hoàn toàn chấm dứt sự hiện hữu của chúng. Không có người tiêu thụ thịt thì hầu hết các súc vật không bị giết mổ vì thực phẩm sẽ không còn hiện hữu nữa. Chúng ta sẽ không xem xét khía cạnh đạo đức khó khăn của câu hỏi này.

Yêu cầu của Đức Phật chỉ nhằm đạt đến sự điều độ trong ăn uống (mattamuta ca bhattasmi). Dù các chế độ ăn uống có thể là ăn chay hay ăn thịt thì việc ăn uống nên phải được hạn chế tới mức tối thiểu, chỉ cần thiết để giữ cho các chức năng cơ thể tiếp tục hoạt động. Giới luật không được ăn sau giờ Ngọ có liên quan với qui luật giữ điều độ trong việc ăn uống. Nhưng cho dù có cẩn thận đến đâu trong chế độ ăn uống, cũng không có cách nào duy trì thể xác chúng ta ổn định về mặt thể chất mà lại không gây tác hại cho một số sinh vật khác. Vì có phụ thuộc lẫn nhau giữa các sinh vật, sự sống còn của bất cứ một loại sinh vật nào - kể cả loài người chúng ta nữa - chắc chắn đưa đến sự tàn phá những dạng thức khác của sự sống

Ngay cả nếu như không có qui định bao trùm về ăn thịt trong giáo lý của Đức Phật, giới luật Tam Tịnh Nhục mà Ngài đã đề ra vẫn có giá trị đáng kể. Đức Phật quan tâm đến việc đặt ra một giới luật thực tiễn có thể hài hòa được vấn đề nan giải liên quan đến việc sống trong cõi Ta-bà và cho phép những sinh dạng khác được hiện hữu. Sự kiện mà luật Tam Tịnh Nhục không là một quy luật lý tưởng không phản ảnh vào Đức Phật, mà là phản ảnh của một thực trạng của thế giới Ta-bà này, liên quan đến sự tác hại đến các sinh vật khác. Giải pháp tối hậu của Đức Phật có lẽ là một phương cách duy nhất để vấn đề này được giải quyết ổn thỏa. Giải pháp đó là vạch ra một hướng đi để thoát ra khỏi sự hiện hữu này, có nghĩa là vạch ra con đường đưa đến Niết-bàn.

Ghi Chú

1. Chữ "parisuddha" được dịch sát nghĩa nhất có thể là "blameless - không chê được, không khiển trách được", đúng hơn là dịch "pure - tinh khiết. Đó cũng là cách dịch mà bà Horner thích dùng (bà đã dịch tạng Luật cho Pali Text Society). Nó có nghĩa là một đặc tính nghiệp chướng về thịt rất quan trọng, không phải là sự tinh khiết của thịt về các khía cạnh khác.

2. Chữ "meat - thịt" được dùng để chỉ tất cả các loại thực phẩm có xuất xứ từ loài vật. Cho dù là cá, thịt hay là gia cầm (gà, vịt, chim), từ góc độ luân lý đạo đức không hề có sự khác biệt cơ bản nào giữa các loại thịt đó.

3. Mối tương quan giữa ăn thịt và nghiệp đã không được Đức Phật xác định cụ thể. Sự phân biệt chúng ta bàn luận ở đây phải được xem xét một cách cẩn thận. Ngay cả những việc tiêu thụ những thứ mà chúng ta qui cho là loại thịt "nghiệp trơ" (hay "nghiệp chướng vô can", "nghiệp trung tính", karmically neutral) có thể tạo nghiệp xấu tùy thuộc vào các sát-na tâm đi

kèm với việc sử dụng loại thịt đó. Tuy nhiên, tiêu thụ loại thịt "nghiệp tác" (karmically effective) thì luôn luôn sẽ có nghiệp quả xấu, còn tiêu thụ loại thịt "nghiệp trợ" thì có thể có hoặc không có nghiệp quả xấu. Trong cả hai trường hợp, không thể có nghiệp quả tốt.

4. Giới luật về ăn chay là giới luật thứ năm trong danh sách mà Đề-bà-đạt-đa đã đề nghị với Đức Phật. Đề-bà-đạt-đa là một người lập nên phong trào Tàpasa trong Phật giáo và những giới luật đặc biệt của ông ta có liên quan đến những cách hành trì mang tính khổ hạnh khắc nghiệt (sống trong rừng, chỉ mặc y rách, v.v...) Đức Phật đã bác bỏ tất cả các đề nghị của Đề-bà-đạt-đa. Và cũng chính vì liên quan đến vấn đề này mà Ngài đã tái khẳng định lại giới luật Tikoiparisuddha (về vấn đề này, xin đọc cuốn "Western Buddhism and a Theravada Heterodoxy" của tác giả).

5. Nhìn chung, Đức Phật thường có khuynh hướng chấp nhận những phong tục xã hội đang thịnh hành, chỉ trừ khi có gì mâu thuẫn với những nguyên lý giáo pháp của Ngài. Trong trường hợp này, không cần thiết phải có những thay đổi hiện hành. Thật thú vị khi ghi nhận rằng trong 10 con vật lại không có con bò đực hay bò cái trong đó. Sau này bò cái lại trở thành một trong những vật cấm kỵ lớn nhất trong Ấn độ giáo. Có lẽ ở vào thời Đức Phật, khía cạnh Ấn độ giáo (Hinduism) này chưa được phát triển và sự quan trọng của nó sau này mới được thừa nhận.

6. Về vấn đề này, xin đọc cuốn "Western Buddhism and a Theravada Heterodoxy" của tác giả.

7. Luận chứng cho là súc vật đã chết khi chúng ta mua thịt là không có cơ sở. Đa số những người bán thịt và các cửa hàng bán thịt đều bán hết số lượng hàng tồn kho. Khi đã hoàn tất bán lượng hàng đó, người buôn lại đặt thêm hàng hóa để thay thế số lượng hàng đã bán ra. Như thế, khi gà được làm thịt đã bán hết thì nhà buôn lại viết đơn đặt hàng để nhiều con gà khác được giết để thay vào số thịt gà đã bán.

Nguyên tác: "Buddhism and Vegetarianism - The Rationale for the Buddha's View on the Consumption of Meat", V.A. Gunesekara. Tỳ kheo Thiện Minh dịch.

Ăn mặn, ăn chay

Cư sĩ Chính Trực

Giới thiệu: Ông Chính Trực là một cư sĩ Phật tử người Việt ở thành phố Toronto, Canada. Ông tốt nghiệp đại học ngành Kiến Trúc tại Việt Nam và Canada, và từng là giáo sư đại học và trung học tại Sài Gòn. Tại thành phố Toronto, ngoài các hoạt động giáo dục trong cộng đồng Việt Nam, ông còn đặc lực đóng góp Phật sự, qua các buổi giảng giải kinh điển và các bài pháp luận truyền bá đạo pháp.

-ooOoo-

Trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, vấn đề mọi người thường lưu tâm hàng đầu chính là việc ăn uống. Nếu con người không cần phải ăn uống, chắc là trên đời không có chuyện đấu tranh giành giựt, không có chiến tranh xâm lăng, vì quyền lợi của dân tộc mạnh, cuộc sống của nhân loại sẽ thái bình, an ninh, vui tươi, hạnh phúc. Đó là phạm vi chung của nhân loại. Riêng trong đạo Phật, cũng việc ăn uống, có một vấn đề, nội dung phức tạp, thường gây thắc mắc, tranh luận đúng sai, nên hay không nên, cho khá nhiều người. Đó là: Ăn Mặn và Ăn Chay.

Ăn mặn là từ ngữ chỉ việc ăn uống thông thường, bình thường, thường nhứt của bất cứ người nào trên thế gian, không quan hệ với bất cứ phong tục, tập quán, hay tín ngưỡng nào. Nói một cách khác: Ăn mặn có nghĩa là ăn tất cả các loại thực phẩm có thể ăn được, trên trái đất này, bao gồm thịt động vật, trứng, sữa, và các loại thực vật, rau cải trái cây.

Ăn chay là từ ngữ có nhiều nghĩa khác nhau, tùy theo phong tục, tập quán, hay tín ngưỡng. Có nhiều nơi, ăn chay có nghĩa là: không ăn thịt heo, hay cừ, thịt bò. Có nhiều nơi, ăn chay có nghĩa là: không ăn các loại thịt động vật, sống trên mặt đất, nhưng có thể ăn các loại sinh vật, sống ở dưới nước. Ăn chay có hai lý do chính: Một là, vì lý do phong tục, tập quán, hay tín ngưỡng; hai là, vì lý do sức khỏe.

Trong phạm vi đạo Phật, nói một cách đơn giản, ăn chay có nghĩa là: ăn tất cả các thức ăn, thực phẩm không có liên quan đến mạng sống của chúng sinh. Bài viết này có mục đích tìm hiểu vấn đề ăn mặn và ăn chay, trong phạm vi đạo Phật, mà thôi.

* * *

Theo các nhà dinh dưỡng học, muốn có một cuộc sống đầy đủ sức khỏe, muốn có đủ năng lực hoạt động trong cuộc đời, chúng ta phải lưu tâm đến việc ăn uống điều độ, và đầy đủ chất dinh dưỡng. Sách có câu: "Tinh thần minh mẫn trong thân thể tráng kiện". Chúng ta thường được chỉ dẫn, nên theo một chế độ ăn uống thích hợp, với bao nhiêu phân lượng chất đạm, chất xơ, chất bột, chất béo, chất ngọt, chất khoáng, chất vôi, chất sắt, chất nước, và các loại sinh tố, trong một ngày, để cơ thể có đủ năng lực hoạt động, một cách tốt đẹp, và sống lâu trăm tuổi, một cách khỏe mạnh.

Theo các báo cáo khoa học, rau cải, ngũ cốc, hoa quả, thực vật, cũng đầy đủ chất dinh dưỡng cho sức khỏe, cho nhu cầu sinh hoạt hằng ngày, trong đời sống của con người. Các người ăn chay vẫn sống khỏe sống thọ, không khác những người ăn mặn. Trong số các thú vật, như con voi, con tê giác, con trâu, con bò, con ngựa, là những con thú ăn thực vật, thảo mộc, nhưng rất khỏe mạnh, không khác các loài thú ăn thịt sống, như sư tử, cọp, gấu, beo. Ăn chay còn có ích lợi cho sức khỏe, như dễ tiêu hóa hơn, ít gây bệnh tật hơn. Trên thế giới ngày nay, tây phương cũng như đông phương, số người ăn chay, vì lý do sức khỏe, ngày càng nhiều hơn, theo khuyến khích của giới y sĩ, và số người ăn chay, vì lý do tín ngưỡng, cũng gia tăng nhiều hơn.

Những người phát tâm ăn chay, vì lòng từ bi, không cứ phải là người theo đạo Phật, thường cảm thấy an vui lợi lạc, và nhẹ nhàng hơn, dễ cảm thông với các loài sinh vật khác, và yêu mến thiên nhiên hơn, cảm nhận được vũ trụ vạn vật đều đồng nhứt thể. Những người ăn chay, vì lý do sức khỏe, cũng như lý do tâm linh, thường hiền lành hơn, ít náo động hơn, tâm tánh dễ dãi hơn, nhưng vẫn sinh hoạt bình thường, như bao nhiêu người khác. Những người chung quanh thường cảm thấy an tâm hơn, khi sống gần gũi người ăn chay. Những con thú chỉ ăn thực vật thảo mộc, không bao giờ sát hại các sinh vật khác, không gây sợ hãi cho các loài vật sống gần bên.

Tại sao chúng ta nên ăn chay?

Như trên chúng ta đã biết, ngoài những ích lợi về phương diện sức khỏe thể chất, ăn chay trong đạo Phật có mục đích cốt yếu là: "Tránh nghiệp sát sinh và trường dưỡng tâm từ bi". Chứ không phải ăn chay để được thành Phật, để đạt Niết bàn, rước lên thiên đàng, chết về tây phương! Càng không phải ăn chay để đem khoe khoang, khắp cả xóm làng, rằng mình từ bi không ai

bằng, rửa xả dè biau, phỉ báng tàn mạt những người chưa biết tại sao nên ăn chay, hoặc những người chưa thể ăn chay vì nhiều lý do khác nhau. Con người có trí tuệ đến với đạo Phật vì Chánh Pháp vi diệu thâm thâm, có thể giúp đỡ con người giác ngộ, thoát ly sanh tử luân hồi, thanh tịnh hóa tâm trí, thân an tâm lạc, đạt được cuộc sống an lạc và hạnh phúc hiện đời, chứ không phải đạo Phật đơn thuần chỉ là đạo ăn chay.

Thực vậy, vì con người không có tâm từ bi thực sự, con người còn ám hại con người, con người còn ganh tỵ đố kỵ con người, con người còn muốn thấy người khác đọa địa ngục vì không theo tôn giáo mình, không cùng môn phái, không cùng pháp tu, không đồng quan điểm với mình về một vấn đề nào đó, làm sao có thể biết nghĩ đến việc ban vui cứu khổ muôn loài. Thói thường, kẻ mạnh hiếp đáp kẻ yếu, người có thế lực chèn ép người cô thế, kẻ giàu tiền lắm của đàn áp người nghèo khó khốn cùng, cá lớn nuốt cá bé, lấy thịt đè người, khinh người sơ cơ, nằm mơ cực lạc, xuyên tạc người hiền, làm tiền đồng đạo, làm sao thế gian này có hòa bình, an vui, lợi lạc cho được.

Người tự nguyện phát tâm ăn chay là người có tâm từ bi vô lượng, coi muôn loài như bản thân mình, không thích giết hại một sinh vật nào, không muốn nhìn thấy một sinh vật nào đau khổ, để thỏa mãn dục vọng của con người. Ăn chay còn giúp cho các sinh vật, thoát khỏi cảnh cá chậu chim lồng, sống bị giam cầm khốn khổ, đầy đọa trong địa ngục trần gian, chờ ngày giờ chết đón đau. Trong cuộc sống hằng ngày, người Phật Tử phải căn cứ trên hạnh từ bi, bình đẳng và lợi tha, trong mỗi hành động, lời nói và ý nghĩ. Cổ nhân có nói: "Nhứt thiết chúng sinh vô sát nghiệp, hà sàu thế giới động đao binh". Nghĩa là: Nếu tất cả chúng sinh không sát hại lẫn nhau, thì lo gì thế giới có chiến tranh.

Lòng từ bi của những người ăn chay, biết thương yêu loài người, lan rộng đến các loài sinh vật. Họ hiểu biết rằng các loài sinh vật đều ham sống sợ chết, đều bình đẳng trước sự đau khổ, khi bị sát hại, cũng như loài người, không khác. Chứ không phải, người ăn chay chỉ vì lý do sức khỏe, không thể ăn thịt được, hoặc ăn chay với tâm mong cầu được sống lâu hơn, được lên thiên đàng, được về cực lạc. Tại sao vậy? Bởi vì, con trâu con bò, con lừa con ngựa, cũng là ăn chay, chỉ biết ăn cỏ, không ăn thịt được, nhưng, đời sống của chúng, khốn khổ khốn nạn, biết là bao nhiêu.

Cũng không phải ăn chay để thỏa mãn mục đích cầu danh: muốn được mọi người, tán thưởng khen mình, như là một bậc, bồ tát tại thế, đã thọ bồ tát giới, hành bồ tát đạo, bao nhiêu người khác, chỉ là kẻ xạo, vì không ăn chay,

hay cỡ như mình. Người ăn chay trường khinh khi người ăn chay kỳ, người ăn chay kỳ khi dễ người chưa biết ăn chay. Tâm của những người như vậy chưa thanh tịnh, còn quá loạn động, lăng xăng lộn xộn, còn thích hơn thua, mua danh kiếm tiếng, khiến người không ưa, ngay trong đồng đạo, đồng môn đồng bào, cả với đồng loại, làm sao người đó, có thể gặp Phật, có thể thành Phật?

Trong Kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ Huệ Năng có dạy:

"Muốn học đạo Vô Thượng Bồ Đề, chẳng nên khinh dễ hàng sơ học. Có kẻ dưới bực thấp mà thường phát sinh trí tuệ rất cao, cũng có người trên bực cao mà thường chôn lấp lý trí của mình. Nếu khinh dễ người, ắt có tội vô lượng vô biên".

Trên thế gian này, không ai hơn ai cả! Tất cả mọi người với chư Phật bình đẳng, không khác, con người chỉ khác ở chỗ mê ngộ không đồng, nghiệp báo khác nhau, cho nên hình tướng bên ngoài của con người khác nhau. Đây mới chính là ý nghĩa của lời Đức Phật dạy trong Kinh Hoa Nghiêm: "Nhứt thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh". Nghĩa là: Tất cả chúng sanh đều có tánh giác, còn gọi là Phật Tánh. Phật và chúng sanh tánh thường rỗng lặng, chính là nghĩa như vậy. Người nào có tâm cố chấp, bất cứ thứ gì xảy đến, đều gây phiền não khổ đau, đến khi họ thức tỉnh, xả bỏ tâm cố chấp, tức nhiên họ được giác ngộ, giải thoát khỏi những phiền não khổ đau, sống được trong cảnh giới an lạc và hạnh phúc, mặc dù cảnh đời vẫn tiếp tục còn nhiều bất trắc, sóng gió, và thăng trầm.

* * *

Có những người đem tâm từ bi chan rải cho những loài vật nhỏ nhít, như côn trùng gián kiến ruồi muỗi, không dám sát hại chúng, hoặc những loài vật lớn hơn, như gà vịt heo bò, không dám ăn thịt chúng, cho nên họ ăn chay trường và sống chung với gián kiến ruồi muỗi, hoặc xua đuổi chúng sang nhà kẻ bên! Thế nhưng đối với, những người chung quanh, gần như vợ chồng, ông bà cha mẹ, anh em con cháu, xa hơn một chút, hàng xóm láng giềng, đồng nghiệp đồng môn, nói chung đồng loại, nhân loại loài người, một câu lỡ lời, thì họ nhứt định, không chịu bỏ qua, thứ tha lỗi người. Họ rất sẵn sàng, thưa gửi kiện tụng, vu khống cáo gian, đặt điều thêm bớt, bới bèo ra bọ, vạch lá tìm sâu, làm cho người khác, te tua toi tả, tan tành hoa lá, khôn khổ khôn nạn, họ mới thỏa mãn, hả dạ hài lòng, mới thiệt vừa ý! Một câu nói của họ

đủ khiến cho người khác chóng mặt nhưc đầu, xúc đầu cù là, hoặc là cạo gió, ngắt xiu hực hơi, có người hết thở!

Cũng có những người, tại gia tại chùa, sợ tội sát sinh, những khi có bệnh, không dám uống thuốc, không dùng thuốc thoa, dù ở ngoài da, sợ diệt vi trùng, bởi vì quan niệm, bệnh là quả báo, tất cả mọi người, phải trả cho xong, cầu mong cực lạc. Thậm chí phản đối, đủ thứ các việc, phá rừng làm rẫy, làm ruộng trừ sâu, phá hoại mùa màng, họ liền kết án, hủy hoại môi sinh, chiếm đoạt môi trường, còn trùng thú dữ, không chỗ nương thân! Họ đâu biết rằng: chính ngay trong miệng, biết bao vi trùng, ngay trong ly nước, bao nhiêu vi khuẩn! Chính bởi vì thế, có những tà giáo, không cho sang máu, khi nằm trị bệnh, đành để bệnh nhân, chịu chết chứ sao!

Cũng có những người, tại gia tại chùa, không dám trừ khử, gián kiến bọ chuột, còn đem thêm đồ, để cho chúng ăn, sợ chúng đói chết, kéo mà tội nghiệp, nhưng họ không hề, giúp bất cứ ai, dù rằng người đó, đang gặp khốn khó, khốn khổ khốn nạn, dù là người thân, hoặc là kẻ sợ, dù là người thương, hoặc là kẻ thù! Có rất nhiều người, ở nhà ở chùa, không dám trừ khử, gián kiến ruồi muỗi, sợ bị mang tội, nhưng rất sẵn sàng, loại bỏ đồng môn, khai trừ đồng đạo, ám hại đồng bào, cào nhà đồng nghiệp, chỉ vì đồng tiền, hoặc vì họ không, hài lòng vừa ý, về một vấn đề, dù lớn dù nhỏ, một cách tàn nhẫn, không biết tiếc thương, hoặc chỉ vì tâm, ganh tị đố kỵ, mà thôi.

Một ngọn đèn bình thường, được gọi là hữu dụng, khi tỏa ánh sáng ở gần trước, sau đó lan ra xa mới phải. Cũng vậy, tấm lòng từ bi thực sự phải được những người ở gần chung quanh cảm nhận trước, sau mới đến những người ở xa, còn dư nữa mới chan rãi đến những loài chúng sinh khác. Tuy nhiên, có những người tỏ vẻ bác ái, tự xưng vì lòng từ bi, tự nhận bạn của thú vật, cố động khuyến khích người khác ăn chay, để tránh sát sinh hại vật, những con vật vô tội đáng thương, một cách thiết tha cảm động, nhưng cũng đồng thời, rửa xả thậm tệ, dai dẳng dai dẳng, những người ăn mặn, chưa ăn chay được, bất kể lý do. Những con người đó, vẫn biết vẫn nhớ, lời Đức Phật dạy: "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh", nhưng chỉ tôn trọng, Phật tánh của các con vật, còn con người nào làm mịch lòng, không đồng quan điểm, không cùng pháp tu, họ rất sẵn sàng, mạt sát miệt thị, lên án phỉ báng, không tiếc lời nào. Tấm lòng từ bi của những người như vậy, chắc cần phải được xét lại!

Ngày xưa, khi Đức Phật còn tại thế, có một người đến dâng bát cơm cúng dường, bởi vì nghe nói, cúng dường một bậc đạo sư như Đức Phật, được vô lượng phước báu. Đức Phật bèn hỏi: Mẹ của người ăn cơm chưa? Người đó đáp: Dạ chưa. Đức Phật dạy người đó mang bát cơm về, dâng cho mẹ ăn no lòng trước đã, mới đứng đạo làm người. Ở các nước tây phương, văn minh tiến bộ, có những hội bảo vệ súc vật, sẵn sàng đòi hỏi luật pháp phạt tù thật nặng một con người, nếu người đó đánh đập một con vật, như chó mèo chẳng hạn. Có người ăn xin, nghèo khổ rách rưới, ngồi ở vỉa hè, suốt cả ngày trời, thời tiết giá băng, có ông đi qua, có bà đi lại, nhưng chẳng một ai, cho một đồng xu. Ngay ngày hôm sau, người ăn xin đó, dẫn con chó nhỏ, để nằm bên cạnh, liền nhận được ngay, nhiều tiền bố thí, từ nơi những người, mến thương súc vật, kiểu Y2K, thế kỷ 21!

* * *

Trong đạo Phật, nói chung, có hai hệ phái: hệ phái nguyên thủy và hệ phái phát triển. Hệ phái nguyên thủy, còn gọi là Nam tông, chủ trương giữ y nguyên truyền thống Phật giáo, từ thời nguyên thủy, cho nên quý sư là các vị khát sĩ, mang bình bát đi khát thực, thiên hạ bố thí cúng dường vật thực gì, các ngài dùng như vậy, không chọn lựa. Các ngài vẫn khỏe mạnh, tinh tấn tu hành, và đạt đạo chứng đạo. Đó là hệ phái truyền từ miền nam nước Ấn Độ, sang Tích Lan, Thái Lan, Miến Điện, Ai Lao, Cao Miên. Phật giáo ở các quốc gia này đều là quốc giáo.

Còn hệ phái phát triển, còn gọi là Bắc tông, truyền từ miền bắc nước Ấn Độ, sang Tây Tạng, Trung Hoa, Việt Nam, Triều Tiên và Nhật Bản. Khi Phật giáo du nhập vào các quốc gia này, tùy thuận văn hóa sở tại, nên dễ dàng hội nhập một cách hòa bình, và phát triển một cách nhanh chóng trong lòng các dân tộc đó, biến thành Phật giáo địa phương, đem lại an lạc và hạnh phúc cho người dân bản xứ. Chẳng hạn như: Phật giáo Trung Hoa, Phật giáo Việt Nam, Phật giáo Tây Tạng, Phật giáo Triều Tiên, Phật giáo Nhật Bản, đều có những nét đặc thù, riêng của từng nơi. Ở các quốc gia này, chỉ trừ Việt Nam có cả hai hệ phái cùng du nhập vào, chư Tăng Ni không đi khát thực, trụ xứ tại một tu viện, hay một ngôi chùa, tự lo việc ăn uống. Cho nên các ngài ăn chay, chỉ nhận cúng dường và dùng các thức ăn, không có liên quan đến mạng sống của các sinh vật. Các ngài vẫn khỏe mạnh, tinh tấn tu hành, và đạt đạo chứng đạo.

Điều đó chứng tỏ rằng, vấn đề ăn uống nói chung, ăn chay hay ăn mặn nói riêng, không phải thực sự là vấn đề tối quan trọng trong đạo Phật, cũng

không phải là vấn đề trực tiếp liên quan đến sự tinh tấn tu hành, và đạt đạo chứng đạo.

Điều quan trọng trong đạo Phật chính là:

Tâm trí có dính mắc hay không dính mắc cảnh trần.
Nếu tâm dính mắc, gọi là tâm phan duyên, tâm loạn động.
Nếu tâm không dính mắc, chính là tâm thanh tịnh vậy.

Chư Tổ có dạy:

"Đối cảnh vô tâm, mặc vận thiên".

Nghĩa là: Con người sống trên đời, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý, thường xuyên tiếp xúc với các hình ảnh, âm thanh, mùi hương, mùi vị, xúc chạm và ký ức. Khi con người tiếp xúc với các trần cảnh như vậy, dính mắc tức là: khởi tâm niệm thương hay ghét, khởi tâm niệm ưa thích hay tức giận, khởi tâm niệm khen hay chê, đều gọi là loạn tâm, là vọng tâm. Không khởi các tâm niệm phân biệt như vậy, gọi là định tâm, hay tâm thiên định. Tức là: Khi đối trước các cảnh trên trần đời, người nào không khởi tâm niệm lăng xăng lộn xộn, gọi là vô tâm, thì chính người đó sống trong cảnh giới thiên định. Đây là cốt tủy, là mục đích cứu kính của đạo Phật vậy.

Là những người hướng dẫn hàng Phật Tử tại gia, chư vị Tôn Đức Tăng Ni giữ gìn giới luật một cách nghiêm ngặt, tránh phạm sát giới, không muốn sát sinh, nên phải ăn chay, tuyệt đối không dùng các thức ăn có liên quan đến mạng sống của các sinh vật, để trường dưỡng tâm từ bi. Tâm từ bi là điều kiện hàng đầu của người tiên tu theo đạo Phật.

Còn đối với hàng Phật Tử tại gia, người nào phát tâm ăn chay trường được, thì thực là đáng quý, đáng trân trọng. Đó là nhân duyên tốt để tiên tu trên đường đạo, rất đáng khuyến khích. Tuy nhiên, đối với những người, không ăn chay trường, lý do hoàn cảnh, vì lý do sức khỏe, cũng đừng cố chấp, gây thêm rắc rối, ở trong gia đạo, có thể ăn chay, vài ngày trong tháng, mục đích, nhắc nhở chính mình, phải luôn luôn nhớ, những lời Phật dạy, áp dụng hằng ngày, tu tâm dưỡng tánh, cũng thực rất tốt. Tự nhắc nhở mình: tu là phải hiền, phải có lòng từ bi, đối với tất cả mọi loài chúng sinh, bắt đầu từ loài người cho đến loài vật, bắt đầu từ người thân cận, cho đến người ở phương xa, mới là phải đạo vậy.

Người nào chưa thể ăn chay được theo nghĩa đen, vì lý do sức khỏe, vì lý do hoàn cảnh, hay vì bất cứ lý do nào, có thể "ăn chay" qua ba nghiệp thân khẩu ý. Nghĩa là: thân không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm, miệng không nói dối, không nói lời dua nịnh, không đâm bị thóc thọc bị gạo, không nói lời thô tục độc ác, ý không nghĩ cách vu oan giá họa, không lập mưu thừa gửi kiện tụng người, để kiếm tiền bồi thường, không tham tiền bất chánh bất nhân, không tức giận thù oán người, không chứa chấp lòng ganh tị đố kỵ người khác. Nói chung, không ăn chay được bằng phương tiện vật chất, người Phật Tử tại gia nên cố gắng, giữ gìn thân khẩu ý, cho được thanh tịnh, trong bất cứ thời điểm nào, tại bất cứ nơi đâu. Đó chính là tu tâm dưỡng tánh vậy.

* * *

Giữ giới không sát sinh, trong ngũ giới của người Phật Tử tại gia, trước tiên và trên hết, có nghĩa là: không làm tổn hại mạng sống của con người. Đối với người Phật Tử xuất gia, thọ nhiều giới luật hơn, dĩ nhiên giới không sát sinh có nhiều điều kiện nghiêm ngặt hơn. Sau đó, đối với các sinh vật khác, người Phật Tử tại gia giữ được bao nhiêu, tốt bấy nhiêu, trong hoàn cảnh thực tế của cuộc sống văn minh tiến bộ. Vì phép vệ sinh chung, chúng ta không nên ích kỷ, sợ mang tội cho riêng mình, không dám trừ khử gián kiến ruồi muỗi chuột sâu bọ, để chúng sống chung, gây thành bệnh dịch cho cộng đồng, cho xã hội, cho nhân loại, tổn hại nhiều nhân mạng, còn đáng tội nghiệp hơn. Giết hại con người, gây khổ đau cho người khác, lợi mình hại người, là điều quan trọng nhất, cần phải nên tránh, để khỏi tạo tội tạo nghiệp.

Giữ giới không sát sinh còn có nghĩa là không làm tổn hại đến thanh danh, đời sống và hạnh phúc gia đình của người khác. Chẳng hạn như có, người vì tâm tham, sai khiến thúc đẩy, âm mưu kiện tụng, người khác ra tòa, bằng những thủ đoạn, sâu hiểm ác độc, đặt điều thêm bớt, vu khống cáo gian, giả tạo thương tật, làm bộ khùng điên, liên miên thừa kiện, gây cảnh tù tội, cho bao người khác, tan nát gia cang, mục đích đòi tiền, bồi thường thiệt hại, có khi đòi tới, vài ba triệu bạc. Những việc như vậy, làm hại cuộc đời, bao nhiêu người khác, gây nên biết bao, khổ đau phiền não, suốt cả cuộc đời, còn lại của họ, tội nghiệp này còn nặng hơn là sát sinh hại vật. Đó chính là tội sát sinh: những người bị mưu hại, không chết liền tại chỗ, mà chết cả cuộc đời!

Khi dám ra tay lấy mạng người khác, chắc chắn con người có tâm tham lam tiền bạc của cải quá lớn, hoặc có tâm sân hận tức giận quá độ, hoặc có tâm si

mê quá sâu dầy, cho nên con người tạo nên tội nghiệp hết sức lớn lao, nặng nề. Khi nở ra tay sát hại một con vật lớn cũng vậy, như giết trâu bò heo chó làm thịt, hay săn bắn thú rừng, giết voi cạp beo gấu nai, để tiêu khiển, để lột da, để lấy ngà, con người tạo thêm nghiệp báo hết sức lớn lao, nặng nề, không khác. Tại sao vậy? Bởi vì muốn giết người, hay sát hại con thú lớn, người đó đã có chủ ý, đã có kế hoạch, đã chuẩn bị kỹ lưỡng, đã dự mưu tính toán, cho nên tâm của người đó bị vẩn đục nặng nề, con người lún sâu trong vòng tội lỗi. Tôn trọng và bảo vệ đời sống của con người, của mọi loài chúng sanh, là nguyên tắc thực tế nhất, là động cơ hữu hiệu nhất, để tôn trọng và bảo vệ đời sống của chính mình.

Làm tổn hại mạng sống của người khác, làm tổn hại an ninh hạnh phúc của người khác, làm tổn hại thanh danh của người khác, tức là tổn hại tâm từ bi của chính mình. Làm tổn hại sinh mạng của chúng sinh, tội nghiệp nặng nề, tùy theo tâm của con người lúc đó. Thí dụ như vì phép vệ sinh, hay vì vô tình, hoặc vì bị cắn đau bất ngờ, con người đập chết con muỗi, tội nghiệp không nặng bằng những người đi câu cá để tiêu khiển, vớt cá lên bờ, chết ngộp đầy dẫy, hoặc những người vừa giết côn trùng, vừa nguyên rửa chúng, trên vỉa hè, ngoài đường phố. Thí dụ như vô ý đập chết một con trùng, tội nghiệp không nặng bằng một đứa bé cầm roi, đánh cho đến chết một con gà bị đem treo ngược, một cách nhanh nhứt, để lãnh giải thưởng, trong một cuộc thi đua giết gà, do người lớn tổ chức để mua vui!

Hơn thế nữa, người biết tu tâm dưỡng tánh, không bao giờ gây đau khổ cho bất cứ ai, dù là người thân hay kẻ thù, qua các hành động đánh đập, hãm hại, hoặc không bao giờ gây náo loạn cho người khác, qua việc thừa gửi kiện tụng, vu khống cáo gian, hoặc không bao giờ gây tổn hại thanh danh và hạnh phúc gia đình người khác, qua những lời nói ác độc có chủ ý, đặt điều thêm bớt, có nói không, không nói có, ngậm máu phun người, kết án bừa bãi, bóp méo sự thực, xuyên tạc nguy hiểm, xiên xỏ xiên, tranh cãi liên miên, lợi mình hại người, khen mình khinh người, người khác sống chết, đau khổ thế nào, thì cũng mặc kệ!

Những người có bàn thờ Phật, dù tại chùa hay tại gia, dù có ăn chay trường hay ăn chay kỳ, dù có thọ Bồ Tát giới hay tu Bát Quan Trai giới, tu Thập Thiện giới, nhưng tâm không thanh tịnh: vẫn còn tiếp tục những hành động, những lời nói, và những ý nghĩ, lợi mình hại người, vẫn muốn người khác chết để mình sống, vẫn muốn người khác nhục để mình vinh, vẫn muốn người khác thua để mình thắng, vẫn muốn xài tiền của người khác, qua các thủ đoạn, như thừa gửi kiện tụng, sang đoạt phần hùn, tiềm dụng tác quyền, giật hụi

quýt nợ, vẫn muốn lợi dụng lòng tốt của mọi người, để sung sướng tẩm thân, không cần làm lụng vất vả, kể hầu người hạ, thì thực là uổng công vô ích, chẳng ích lợi gì cho việc trở về nguồn cội, cho việc thoát ly sanh tử luân hồi, cho việc dứt trừ phiền não khổ đau!

Trong kinh sách có câu:

Sân si nghiệp chướng không chừa.
Bo bo mà giữ tương đưa làm gì?

Nghĩa là: Người nào vẫn tiếp tục tạo nghiệp chướng, tâm tham lam, tâm sân hận, tâm si mê, vẫn còn y nguyên, như vậy, thờ Phật tại chùa hay tại gia, ăn chay lễ lạy, tụng kinh bái sám, phỏng có ích lợi gì đâu chứ? Thậm chí, có người còn vào chùa lạy Phật, van vái ăn chay ba tháng, cúng chút tiền lễ, hùn chút phước làm việc phước thiện, với tâm cầu xin thắng một vụ kiện, cầu xin trúng mồi lợi to lớn, phen này kiếm được vài ba triệu đô la, tạ ơn tượng Phật chút đỉnh sau!

Trong sách cũng có câu:

Ăn mặn nói ngay. Ăn chay nói dối.

Câu này có thể giải thích nhiều nghĩa khác nhau. Trước hết, câu này ngụ ý: trong trường hợp người ăn chay mà còn phạm lỗi nói dối, tức là giới thứ tư trong ngũ giới của người Phật Tử tại gia, thì không bằng người ăn mặn. Người ăn mặn chẳng hề khoe mình biết tu hành gì hết, nhưng họ nghĩ sao nói vậy, tâm khẩu nhưt như, nói ngay thẳng, không xiên xỏ, không móc hòng, không mỉa mai, không đả bôi, không màu mè, không nịnh bợ, không có chuyện:

Miệng thì nói tiếng nam mô.
Trong lòng chứa cả một bồ dao găm.

Nhẹ nhàng hơn, câu này có nghĩa là: người ăn mặn khi ăn thịt cá, thì họ nói là ăn thịt cá, một cách ngay thẳng rõ ràng. Còn người ăn chay thường thích trổ tài nấu nướng, bằng cách làm các món ăn bằng vật liệu chay, nhưng tên gọi và hình thức giống y như món mặn. Chẳng hạn như người ăn chay nói: tôi ăn thịt quay bánh hỏi, nhưng thực ra, món thịt quay chay đó được làm bằng bột mì với tàu hủ ky, ăn với bánh hỏi. Những món chay nhưng có tên

món mặn cũng là đề tài thảo luận, từ xưa đến nay, trong vấn đề ăn mặn và ăn chay, nhiều khi quá đáng đến chỗ hý luận.

Tuy nhiên, câu này không có nghĩa xác định rằng: người ăn mặn luôn luôn nói ngay, còn người ăn chay luôn luôn nói dối. Tại sao vậy? Bởi vì chuyện nói ngay hay nói dối, tùy theo người, tùy theo cảnh, tùy theo tâm trạng, chứ không tùy theo chuyện ăn mặn hay ăn chay.

* * *

Trong kinh sách, Đức Phật dạy, có ba trường hợp phạm tội tạo nghiệp như nhau. Đó là: "tự tác, giáo tha tác, kiến tác tùy hỷ". Nghĩa là: tự tay mình làm thịt sinh vật sống, để ăn cho hạp khẩu vị, hoặc mở miệng sai bảo, chỉ vẽ cách làm thịt sinh vật sống, để người khác làm, cho mình ăn được ngon miệng, hoặc thấy biết người khác làm thịt sinh vật sống, để đãi mình ăn, mà mình vẫn thấy khoái khẩu, vui vẻ, tất cả đều tội nghiệp như nhau, không khác. Tại sao vậy? Bởi vì trong ba trường hợp trên, tâm của con người loạn động như nhau.

Trong Kinh A Di Đà, Đức Phật có dạy:

"Mục đích cứu kính của người tu theo đạo Phật, muốn được giác ngộ và giải thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi, muốn được vãng sinh tây phương cực lạc, chính là phải đạt được: cảnh giới nhứt tâm bất loạn".

Trong Kinh Địa Tạng, và Kinh Thủy Sám, các hình ảnh chúng sinh bị đọa cảnh giới địa ngục thường được nhắc đến: nào là nằm giường sắt nóng, nào là bỏ vào chảo dầu sôi, nào là nhốt trong phòng bốn vách đều bằng sắt có lửa nóng, nào là xe bằng sắt cán dẹp nát thân, nào là bị đâm, bị cắt da, bị xẻo thịt, bị cắt lưỡi, bị chặt đầu, bị moi óc, bị uống dầu sôi, nuốt hòn sắt nóng.

Ngày nay, chúng ta có thể thấy những hình ảnh đó hiện tiền, trên truyền hình, qua các chương trình dạy nấu ăn, hay qua các màn ăn uống, trong nhà bếp tại gia, hay bếp của các nhà hàng, trong khi các con vật vẫn còn sống nhẵn: như cá bị bỏ nằm trên chảo chiên, hoặc bị bỏ vào chảo dầu sôi, như cua bị đâm vào bụng, rồi bị bỏ vào nồi nước luộc, như tôm sống bị dao cắt làm hai, như sò ốc bị nướng trên lò, như khỉ bị mổ óc ăn sống. Những con vật đó ngo ngoe giãy giụa trên tấm thớt, dưới con dao phay, hoặc bò lăn bò càng trên chảo nóng, hoặc vùng vẫy trong nồi nước sôi, hoặc bị cột trói cứng ngắc, chịu đòn đau vô cùng tận! Thực là cảnh tượng địa ngục ở trần gian, vô

cùng khùng khiếp, mà những người có tâm từ bi không thể nào đành chứng kiến!

Dĩ nhiên, người Phật Tử chân chánh tuyệt đối không bao giờ nên bày đặt cách ăn uống cầu kỳ quái dị, vui thú trên sự đau đớn rên la của các sinh vật còn sống, ngay tại bàn tiệc, như bậc vua chúa, trưởng giả giàu sang, thường hay hưởng thụ. Chúng ta nên biết rằng những vị vua chúa, hay các nhà giàu sang quyền quý, là những người có rất nhiều phước báo, từ nhiều đời nhiều kiếp trước, nên đời này kiếp này mới được như vậy. Phước báo ví như tiền tiết kiệm dành dụm từ trước, không biết làm việc thiện tạo thêm phước, lại tiêu xài phung phí nhiều quá, cũng có ngày cạn hết. Cho nên khi hưởng hết phước báo, vì trong kiếp này, không biết tu tâm dưỡng tánh, lại còn tạo tội nghiệp như vậy, cuộc đời của họ sẽ kết thúc hết sức bi thảm. Chúng ta đọc sách báo xưa nay thường thấy các vị vua chúa, bị ám sát chết, bị lật đổ không chỗ chôn thân, các nhà giàu sang quyền quý, khánh tận tài sản, đến nỗi phải quyên sinh, kết thúc mạng sống của chính mình, các vị hoàng gia hoàng tử, công chúa quận nương, bị tai nạn thảm khốc, chết không toàn thân, ở trên xa lộ, hoặc dưới biển sâu. Chúng ta là những người thực sự kém phước báo hơn các vị đó nhiều lắm lắm, chớ nên tạo thêm tội nghiệp, bằng cách này hay cách khác.

* * *

Chư Tổ có dạy:

"Tu mà không học là tu mù.
Học mà không tu là đầy sách".

Nghĩa là người phát tâm tu mà không chịu tìm học kinh điển, và không thấu hiểu lời Đức Phật dạy trong các kinh điển đó, chỉ biết đem kinh điển ra tụng, rồi lạy từng chữ, và đếm bao nhiêu lần, để dâng số kể công với Đức Phật, và van xin Đức Phật từ bi rước về cực lạc, cho được sung sướng hơn, hoặc chỉ biết lo chuyện hình thức, chuyện vật chất, chẳng hạn như là chuyện ăn uống, ăn mặn hay ăn chay, rồi tranh chấp đúng sai, rồi cãi cọ hơn thua, rồi tự hào tự mãn, như vậy gọi là tu mù. Tại sao vậy? Bởi vì càng tu kiểu đó, tâm của những người như vậy càng loạn động, càng mù tịt, càng u tối, càng thêm phiền não mà thôi, chẳng tiến bộ gì, chẳng ích lợi gì.

Những người tu mù, thường hay hành diện, về chuyện ăn chay, khi để ăn mặn, cho rằng ăn mặn, mang nghiệp rất nặng, phải đọa địa ngục, còn mình

Niết bàn, thiên đàng cực lạc! Những người tu mù, hiểu rằng chúng sanh, ở trong sáu cõi, cùng khắp pháp giới, đều là bình đẳng, nhưng lại rửa xả, một cách tàn bạo, những người không cùng, quan điểm với mình! Những người tu mù, tỏ ra thương xót, con bò con heo, nhưng, có người ví von, như heo như bò, họ hẳn không nổi, tam bành lục tặc, như hỏa diệm sơn, bởi vì, họ không hề biết: "y nghĩa bất y ngữ", nghĩa là làm sao!

Trái lại, những người chỉ thích tìm hiểu kinh điển, đọc thực nhiều sách đủ loại, nội điển ngoại điển: Thế học Triết học, Phật học Thiền học, Thần học Tâm lý học, cho thỏa mãn lòng tò mò, tăng thêm kiến thức, để đem tranh cãi, lý luận đôi co, bắt khoan bắt nhặt, bắt bẻ vụn vụn, mà lại không chịu, tu tâm dưỡng tánh, phản quan tự kỷ, không xét lỗi mình, chỉ thấy lỗi người, không chịu thực hành, lời Đức Phật dạy, hằng ngày hằng giờ, trọn không lợi gì. Cũng ví dụ như, nhân viên đếm tiền, ở tại ngân hàng, hay chú mục đồng, đếm trâu cho chủ, quanh đi quẩn lại, quanh năm suốt tháng, tiền cũng chẳng có, trâu cũng chẳng được. Như vậy, có khác nào cái đũa hay cái tủ đựng sách, hoặc cái tàng kinh các mà thôi.

Dù cho có người, ăn chay từ nhỏ, ở luôn trong chùa, nhưng không biết tu, theo pháp môn nào, chỉ biết tụng kinh, như thợ tụng đám, râm râm rào rào, gõ mõ lóc cóc, cầu an cầu siêu, ê a lên xuống, như hát cải lương, nhưng chẳng hiểu gì, hoặc hiểu một phần, nương theo văn tự, hiểu theo nghĩa đen, đọc đâu hiểu đó, chẳng chịu suy tư, tự cho là đủ, tăng thêm ngã mạn, khinh khi mọi người, trọn chẳng công đức, đôi khi còn khiến, người mới phát tâm, đâm ra chán nản. Tại sao vậy? Bởi vì, họ chỉ thích lập chùa to, tạo pho tượng lớn, nhưng không Chánh Pháp, giảng dạy cho người, như vậy khác chi, người đời ham thích, nhà cao cửa rộng, chẳng đem lợi gì, đến cho bá tánh, chỉ tạo thêm tội, thêm nghiệp mà thôi.

Thí dụ như là: con bò ăn cỏ, không thể ăn thịt, dù sống hay chín, con cạp ăn thịt, không thể ăn cỏ. Những người ăn chay từ nhỏ, không nếm được mùi thịt cá, đành tiếp tục ăn chay, như vậy có gì hay đâu? Đó chỉ là nghiệp báo mà thôi. Những người có thể, chọn lựa mặn chay, phát tâm ăn chay, tu tâm dưỡng tánh, mới là đáng quý. Nếu những vị có duyên lành ăn chay từ nhỏ, lại biết tu tâm dưỡng tánh, biết cầu học Chánh Pháp, biết tự lợi lợi tha, biết tự giác giác tha, vì mình vì người, với tâm khiêm tốn, thương xót chúng sanh, đang bị trầm luân, sanh tử luân hồi, gắng công tu tập, công phu thiền định, bản tâm thanh tịnh, có ngày đại ngộ, hoằng dương Chánh Pháp, cứu khổ chúng sanh, muôn loài ích lợi. Đó chính là những bậc chân tu thực học,

những bậc cao tăng thạch đức, là cây to bóng mát trong chốn thiền lâm, là nơi nương tựa cho hàng tứ chúng vậy.

Trong Kinh Tăng Nhất A Hàm, Đức Phật có dạy:

Tuy tụng ngàn chương cú. Không hiểu nghĩa ích gì.
Đâu bằng hiểu một câu. Nghe xong liền ngộ đạo.

Dù tụng ngàn muôn câu. Không rõ nghĩa ích gì.
Chỉ thông suốt một nghĩa. Nghe qua liền đạt đạo.

Thực vậy, mục đích cứu kính của đạo Phật, không phải chỉ là những buổi lễ cầu an, cầu siêu, cầu đoàn tụ, cầu đủ thứ chuyện trên trần đời, xong rồi tính lời tính lỗ. Cũng không phải chỉ là những hình thức bên ngoài như: đi chùa lễ Phật, hái lộc đầu xuân, mỗi năm một lần, ăn chay thọ giới, tụng kinh bái sám, mỗi tháng hai lần, lập chùa thiết to, tạo tượng thiết lớn, cho có vẻ linh thiêng huyền bí, mà chẳng hiểu làm như vậy có ý nghĩa gì, bởi không chịu tìm học Chánh Pháp, chỉ tăng thêm chấp ngã và chấp pháp mà thôi.

Tất cả những sự tướng kể trên, không phải là không cần thiết, không phải là không nên làm, không phải là vô bổ vô ích, một cách hoàn toàn. Nhưng, như vậy vẫn chưa phải là đủ, chưa phải là cứu kính, chưa phải là cốt tủy của đạo Phật. Đó chỉ là cái vỏ bên ngoài, là vòng rào bên ngoài, dành cho những người mới bắt đầu đến với đạo Phật. Những người thờ Phật nhiều đời, hoặc phát tâm tu theo đạo Phật lâu rồi, làm việc chùa nhiều năm rồi, mà vẫn dừng lại ở những hình thức bên ngoài như vậy, và chịu thỏa mãn, thì chẳng ích lợi gì, chẳng tiến bộ gì.

Mục đích cứu kính của đạo Phật là giúp đỡ con người đạt được giác ngộ và giải thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi, chứ không phải chỉ có những lễ nghi này và những nghi lễ kia như vậy mà thôi.

Nhưng con người cần giác ngộ điều gì? Theo đạo Phật, con người cần giác ngộ: cuộc đời là vô thường, biến đổi luôn luôn, tâm tánh là vô thường, nay vậy mai khác, tám thân là giả tạm, nay còn mai mất, chỉ tồn tại hơn kém một trăm năm mà thôi. Cho nên phải hiểu biết sâu luật nhân quả, mới có thể gìn giữ bản tâm thanh tịnh, chuyên làm các việc thiện, chuyên nói các việc hiền, chuyên nghĩ các việc lành, tránh làm các điều ác, tránh nói các điều dữ, tránh nghĩ các điều bất thiện, tránh gây phiền não khổ đau cho người khác, chẳng hạn như: sát sinh hại vật, lường gạt trộm cắp, phá hoại gia cang, nói

lời độc ác, chia rẽ người khác, vu khống cáo gian, thừa gửi kiện tụng, ăn gian nói dối, lợi mình hại người, đòi tiền bồi thường, vài ba triệu bạc, lòng tham không đáy, có ngày trở lại, hại chính nơi mình. Hiểu biết sâu luật nhân quả, con người cố gắng làm bất cứ điều thiện nào, dù nhỏ dù lớn, để tạo thêm phước báu, hầu giảm bớt nghiệp báo, đã tạo trước đây, qua các dạng như: được nhiều may mắn, quới hơn giúp đỡ, gặp người tốt bụng, tai qua nạn khỏi, chuyện lớn hóa nhỏ, chuyện nhỏ hóa không. Chứ khẩn vái, van xin, cầu nguyện, thực ra chẳng có ích gì, có được gì đâu?

Tại sao như vậy? Bởi vì, chư Phật hay các vị thánh thần thiêng liêng, đâu có làm chuyện bất công, thỏa mãn lời van xin cầu khẩn của những kẻ còn gây tội tạo nghiệp, còn gây đau khổ cho người khác, dù bằng hành động, lời nói hay ý nghĩ, chưa chịu tu tâm dưỡng tánh, làm sao xứng đáng được hưởng những điều cầu khẩn van xin đó. Hơn nữa, cứu kính của đạo Phật là chỉ dạy con người giác ngộ "bản tâm thanh tịnh" của chính mình, sẵn có xưa nay.

Trong Kinh Đại Bát Niết Bàn, Đức Phật có dạy:

Tất cả chúng sinh đều có bản tâm thanh tịnh.
Chúng sinh chẳng nhận thấy được, vì bị vô minh che lấp.

Nghĩa là: Con người ai ai cũng có bản tâm thanh tịnh. Chỉ vì lòng tham lam của cải tiền bạc, tham đến bạc triệu đô la, chứ chẳng phải ít ỏi gì, hoặc chỉ vì lòng sân hận tự ái cao độ, hoặc chỉ vì lòng si mê cố chấp, cho nên con người mới tạo tội tạo nghiệp, làm cho tâm trí loạn động, thường xuyên bất an, điên đảo loạn cuồng, để rồi trôi lăn vào vòng sanh tử luân hồi, đã muôn kiếp trước, và sẽ tiếp tục trôi lăn, muôn kiếp về sau, nếu như không biết, nếu như không chịu, dừng nghiệp và chuyển nghiệp. Với số tiền nhỏ nhỏ, quyền lợi không đáng kể, con người còn có thể tỉnh thức, có thể dừng được nghiệp, có thể dẹp lòng tham, không thừa kiện người khác, không gây náo loạn người, và gia đình của họ. Nhưng khi kiện thưa, đòi tiền bồi thường, vài triệu đô la, con người thành ma, tối tăm mặt mũi, liều mạng đưa chân, hết biết lẽ phải, nhắm mắt làm càng, tới đâu cũng được, địa ngục chẳng ngán, súc sinh chẳng sợ, ngựa quỉ chẳng sao, miễn là thu vào, một số tiền to, cho sướng cái đã, bất cứ chuyện gì, hạ hồi phân giải. Mãnh lực của đồng đô la quả thực là vạn năng, thượng đế chẳng bằng, đã lôi kéo không biết bao nhiêu chúng sinh u mê, vào vòng tội nghiệp, từ xưa đến nay!

Chúng ta là người tỉnh thức, đang tu học Chánh Pháp, đang muốn trở về nguồn cội, đang muốn chuyển hóa cuộc đời của mình, đang muốn thoát ly sanh tử luân hồi, càng phải nên hết sức cẩn trọng, cẩn trọng và cẩn trọng!

Muốn được gặp Phật, phải bỏ tâm ma. Thực là đơn giản, không tìm đâu xa, nhưng không dễ làm. Khi con người biết dừng nghiệp và chuyển nghiệp, tức là con người được giải thoát khỏi sự trói buộc của nghiệp chướng. Đó mới chính là mục đích cứu kính của đạo Phật. Khi đã hiểu biết được chân lý đó rồi, con người thấy được hướng đi của người Phật Tử chân chánh, biết tu tâm dưỡng tánh, ăn chay hay ăn mặn, không còn là vấn đề nữa!

Có ông Liêm Sứ, ở xứ Hồng Châu, đến hỏi Thiền sư, Mã Tổ Đạo Nhất: Uống rượu ăn thịt, nên hay không nên? Ngài Mã Tổ đáp: Uống rượu ăn thịt, là "lộc" của ngài. Không uống rượu ăn thịt là "phước" của ngài! Có phước mới hưởng lộc. Có phước mới trường thọ. Đó là: "Phước, Lộc, Thọ". Không có phước, sao được hưởng lộc, sao được trường thọ?

Ngày xưa, vào đời nhà Trần, khi Hoàng Thái Hậu Nguyên Thánh Thiên Cảm mời vào cung điện dự tiệc thịnh soạn, Ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ ngồi vào bàn tiệc, vừa ăn món chay vừa ăn món mặn, không quan tâm lựa chọn. Hoàng Thái Hậu thấy vậy, ngạc nhiên hỏi: Hoàng huynh thiên định, mà ăn cá thịt, thành Phật sao được? Tuệ Trung Thượng Sĩ cười đáp: "Phật là Phật, huynh là huynh. Huynh chẳng cần làm Phật, Phật chẳng cần làm huynh. Thái Hậu há chẳng nghe cổ đức nói: Văn Thù là Văn Thù, Giải Thoát là Giải Thoát, đó sao?". Hoàng Thái Hậu nghe qua liền giác ngộ.

Theo sử sách ghi, chúng ta được biết, Tuệ Trung Thượng Sĩ là một vị Cư Sĩ, vào đời nhà Trần, ở nước ta. Ngài vốn là một vị tướng lãnh, một quan đại thần trong triều, sau khi ngộ đạo, Ngài liền từ quan, tinh tu tại gia, giảng dạy đạo lý cho những người hữu duyên, tầm sư học đạo, từ hàng vua chúa, quan quyền trưởng giả, cho đến thứ dân. Ngài là con cả của Khâm Minh Từ Thiện An Sinh Vương Trần Liễu, và là thầy dạy đạo của Hoàng Đế Trần Nhân Tôn. Hoàng Đế Trần Nhân Tôn hai lần đại thắng quân Mông Cổ, giữ yên bờ cõi, sau này nhường ngôi, đi tu trên núi Yên Tử, đạt đạo trở thành Sơ Tổ Trúc Lâm, tức là Điều Ngự Giác Hoàng. Những điều luận bàn đạo lý huyền diệu của Ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ được các bậc thạc đức thiên môn rất kính trọng. Điều chúng ta cần lưu ý nơi đây là: trình độ tu tập giác ngộ của Ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ đã vượt khỏi tam giới, đã thoát khỏi thế giới hiện tượng tương đối, chúng ta không thể so sánh được!

Câu chuyện này ngụ ý: Việc tu tâm dưỡng tánh mới thực sự là điều quan trọng, và nhằm mục đích đả phá quan niệm sai lầm cho rằng: ăn chay sẽ thành Phật, ăn chay sẽ lên thiên đàng, ăn chay sẽ về Niết bàn, còn ăn mặn sẽ đọa địa ngục!

* * *

Tóm lại, vấn đề ăn mặn và ăn chay còn khá nhiều khía cạnh tế nhị khác, trong phạm vi hạn hẹp và nông cạn, bài viết này không thể bao gồm hết tất cả các phương diện, một cách hoàn toàn được. Tuy nhiên, chúng ta cũng đã có một khái niệm khá rõ ràng về vấn đề này, có thể áp dụng vào trong đời sống thực tế hằng ngày. Cổ nhân có dạy: "Ăn để mà sống chứ không phải sống để mà ăn". Nghĩa là: Con người sanh ra, trên trái đất này, ngoài chuyện ăn uống, để giữ mạng sống, bồi dưỡng sức khỏe, chúng ta còn nhiều, chuyện khác để làm, đem lại ích lợi, cho người cho đời, và chính bản thân.

Trong đạo Phật, vấn đề ăn uống không phải là chuyện quan trọng hàng đầu. Dù ăn mặn hay ăn chay, cần nên giản dị, không nên cầu kỳ, dành nhiều thời giờ, cho những việc làm, ích lợi bản thân, đối với tâm linh, đời sống tinh thần. Chính chuyện tu tâm dưỡng tánh mới đáng làm chúng ta bận tâm thực hành hằng ngày. Chuyện ăn uống thuộc về phạm vi thể chất, bồi bổ cho tâm thân tứ đại giả tạm này, để làm phương tiện cho việc tinh tấn tu tâm dưỡng tánh, cho đến ngày giác ngộ và giải thoát.

Chư Tổ có dạy: "Cơ tắc xan hề, khôn tắc miên". Hoặc: "Cơ lai khiết phạn, khôn lai thù". Nghĩa là: "Đói đến thì ăn, mệt ngủ khò".

Lúc mình đói bụng, một củ khoai nhỏ, cũng tạm ấm lòng. Khi ăn quá no, căng bụng tràn họng, lúc đó món nào, dù mặn hay chay, cũng chẳng còn ngon.

Sách có câu: "No mất ngon, giận mất khôn". Con người muốn sống một cuộc đời an nhàn tự tại, không nên chú tâm, không nên lệ thuộc quá nhiều về sự ăn uống. Một người chỉ biết ăn chay, tụng niệm suốt đời, không tìm biết mục đích cứu kính của đạo Phật, quả thực là phí phạm cả kiếp sống này. Việc học hiểu để phát triển trí tuệ, và thực hành Chánh Pháp, ngay trên cuộc đời, tại thế gian này, cho đến khi được viên mãn, mới thực sự là việc quan trọng của người Phật Tử, tại gia và xuất gia. Đó mới là mục đích cứu kính của đạo Phật, ăn uống chỉ là một phương tiện, trong bao nhiêu phương tiện khác, mà thôi.

Một thực tế khác về vấn đề ăn mặn và ăn chay chúng ta cần nên hiểu biết. Đó là các thứ nông phẩm dùng để ăn chay như: cơm gạo, rau cải, hoa quả, trái cây, thu hoạch được sau khi trải qua quá trình: trồng trọt, tưới nước, bón phân và trừ khử các loại sâu rầy phá hoại mùa màng. Nghĩa là các nông gia phải lao động khổ nhọc và phải sát trùng, để mùa màng được tươi tốt, thu hoạch được cao, tăng gia sản xuất. Khi dùng các nông phẩm đó, để gọi là ăn chay, tránh nghiệp sát sinh, trưởng dưỡng tâm từ bi, tu tâm dưỡng tánh, chúng ta đã không tránh được sát giới, một cách hoàn toàn, dù không trực tiếp, cũng là gián tiếp, cũng chịu cộng nghiệp, với các nông gia. Cho nên, người Phật Tử tại gia hay xuất gia, mỗi khi thọ thực, cần phát tâm từ bi, thương xót những người chưa thể ăn chay được, vì bất cứ lý do gì, hoặc là các nông gia phải phạm sát giới, để làm nên các nông phẩm chúng ta đang dùng, bằng cách tụng lời cầu nguyện trước khi ăn, để hồi hướng phước báu ăn chay, hay công đức trì giới của mình, đến tất cả chúng sinh, trong khắp pháp giới. Hoặc chúng ta chấp tay cầu nguyện cho tất cả chúng sinh, ít ra cũng đều có những bữa cơm đạm bạc như mình vậy.

Bài viết này tìm hiểu vấn đề ăn mặn và ăn chay, trong phạm vi đạo Phật, nhằm mục đích khuyến khích, tán thán việc ăn chay đúng Chánh Pháp, trưởng dưỡng tâm từ bi, chú trọng việc tu tâm dưỡng tánh, để đạt được giác ngộ và giải thoát, mà thôi.

Để kết thúc bài viết này, có bài kệ như sau:

Như ăn chay suốt đời
Nhưng tâm không thanh tịnh
Không hiểu biết Chánh Pháp
Khác chi bò ăn cỏ.

---o0o---

Vấn đề ẩm thực trong đạo Phật

Tỳ kheo Thiện Minh dịch Việt

Nguyên tác: Jan Sanjivaputta, "Are you herbivore or carnivore?", England, 1992

Lời giới thiệu

Mạnh Tử nói "Kiếm ký sanh bất nhân thực kỳ nhục", nên "Quân tử bất nhập trú phòng". Tuy có quan niệm như vậy, nhưng các nhà Nho đâu có ăn chay, có lẽ gần giống quan điểm "Tam Tịnh Nhục" của Phật giáo?

Thành thật mà nói: tục lệ ăn chay do các tu sĩ Phật giáo về sau xu hướng theo Bà La Môn (Ấn Độ giáo) ở Ấn Độ và Đạo Tiên ở Trung Quốc để dễ thu hút tín đồ của họ, như ngài Huệ Năng nói:

"Muốn toan lo độ thế
Phương tiện phải sẵn sàng
Chớ để người nghi hoặc
Tánh họ mới minh quang"

Giòng Thiên Tào Khê Trung Quốc và dòng Thiên Trúc Lâm Việt Nam, các vị tổ cũng không quá cố chấp tập quán ăn chay. Một số nước Phật giáo Đại Thừa như Mông Cổ, Triều Tiên, Nhật Bản v.v...họ cũng không bảo thủ tục ăn chay, với họ thì "quân tử ưu đạo bất ưu thực" cũng như người Việt Nam thường nói "ăn để sống chớ không phải sống để ăn"; hay là "tham lam sân hận không chừa, bo bo mà giữ tương đưa ít gì!"; hoặc "uổng ngật mê chay nan liễu đạo, không đồ xương niệm đạo nan thành!"

Riêng tôi thì "không chê đồ chay, nhưng không chấp nhận thành kiến ăn chay", có lẽ ảnh hưởng tinh thần Bát nhã "cá thịt nhưng không phải là cá thịt" (nếu lúc ăn có chánh niệm tỉnh giác, thấy các vật thực vốn là nguyên chất đất, nước, lửa, gió...), "tuy không phải cá thịt nhưng là cá thịt" (bởi khi ăn các món chay mà hình thức lẫn tên gọi đều là đồ mặn như thịt quay, cá kho v.v...đồ chay mà tâm mặn). Vì vậy mới bị người ta phê bình là "ăn mặn nói ngay, ăn chay nói dối"

Soạn giả cũng như dịch giả tập sách này chắc chắn không có ý chỉ trích, xuyên tạc người ăn chay, chỉ muốn biện minh vấn đề ăn chay không phải là một trong tám muôn bốn ngàn Pháp môn của đức Phật Gotama mà chỉ là "giáo ngoại biệt truyền" thôi!

Với tinh thần phá chấp, tôi xin trân trọng giới thiệu tập sách "Vấn đề ẩm thực trong Phật giáo" do Tỳ Kheo Thích Thiện Minh dịch, đến chư Phật tử đọc và suy gẫm.

Biên Hòa ngày 20-6-99

---o0o---

1. Bối cảnh ăn chay - Quan niệm và cách cư xử của Đức Phật

Thuật ngữ tiếng Anh "Vegetarianism", nghĩa là chủ nghĩa ăn chay đã ra đời lần đầu tiên vào năm 1847 [1]. Nhưng trong thực tế ý niệm về ăn chay đã có từ ngàn xưa. Từ bỏ việc ăn cá thịt được người ta tìm thấy trong học thuyết của triết gia Hy Lạp Pythagoras, về sau Plato, Epicurus, Plutarch và những nhà triết học khác tiếp tục kế thừa. Trong Jambudvipa (Ấn Độ trong thời kỳ Đức Phật tổ Gotama), những tín đồ của Kỳ Na giáo được sự hướng dẫn bởi Mahavira, được hiểu như là những nhà đạo sĩ tuyệt đối thực hành phương pháp ăn chay [2]. Trong số những người đệ tử của Đức Phật, Devadatta là người chính thức đề cao việc ăn chay. Cùng với bốn người bạn đồng tu khác, Devadatta cố gắng đề xuất năm giáo điều khổ hạnh cho các tu sĩ của Tăng đoàn, một trong năm giáo điều đó là tu sĩ tuyệt đối không được ăn cá thịt. Trong việc đề xuất này, Đức Phật tổ Gotama dạy rằng những Tỳ khưu nào cảm thấy an lạc trong việc ăn chay thì cứ ăn. Tuy nhiên ngài từ chối đề phê chuẩn hay áp dụng giới luật này cho các Tỳ khưu một cách cưỡng ép.

Từ những lời khẳng định được Đức Phật tổ Gotama dạy, rõ ràng là ăn chay thực sự không phải là một phần chính yếu của pháp luật. Ăn chay là việc không quan trọng và không cần thiết lắm. Ăn chay không làm cho con người thanh tịnh, trong sạch và đạt đến giác ngộ Níp-bàn được. Nói một cách khác, dù có ăn chay hay không, người ta vẫn có cơ hội và có khả năng thành đạt sự thanh tịnh và giác ngộ thực sự.

Đức Phật tổ Gotama đã nhiều lần gặp phải những vấn đề về ăn chay. Nigandha Nathaputta - cũng được gọi là Mahavira - vị lãnh đạo Kỳ Na giáo đã thường xuyên nhạo báng ngài. Các đệ tử của Mahavira thảo luận vấn đề này trong hàng động: "Này các bạn - Đạo sĩ Nathaputta nói - Sa môn Gotama ăn thịt đã được chuẩn bị riêng cho ông ta, với đôi mắt mở". Nghe như vậy, Đức Phật dạy: "Đây không phải là lần đầu, môn đệ Nathaputta đã nhạo báng Như Lai ăn thịt mà việc ăn thịt này do chính Như Lai làm; trong quá khứ ông ta đã nhạo báng Như Lai nhiều lần rồi".

Sau đó ngài kể cho chư vị nghe một câu chuyện tiền kiếp (Telovada jataka). Vào thời khi vua Brahma-datta ở Benares, đức Bồ Tát sinh ra trong một gia đình Bà la môn khi trưởng thành ngài chọn đời sống xuất gia. Từ Himalaya ngài bay xuống trần tìm muối và đồ gia vị, sau đó đi khát thực trong thành phố. Một người giàu có chuẩn bị kế hoạch để phá hại Bồ Tát, cho nên người ấy thỉnh ngài về nhà và phục vụ ngài bữa ăn có cá. Sau bữa ăn người đó ngồi xuống một bên và nói: "Thực phẩm này làm được là tôi cố ý cho ngài ăn, bằng cách là giết thú sống. Tội lỗi này không phải của tôi mà là của ngài!" Và người đàn ông ấy nói lên câu thứ nhất: "Người ác sát sinh, nấu nướng và cho ăn, ngài ăn bữa cơm đó cho nên ngài có tội". Nghe sự việc này, đức Bồ Tát đọc câu thứ hai: "Người ác có thể giết vợ và con đem cho người khác; tuy nhiên, nếu người thánh thiện ăn thì không có tội" [3]. Vì vậy có thể nói rằng ai sát sinh thì có tội, nhưng người ăn thì không. Chư Tỳ khưu được phép độ bất cứ loại thực phẩm nào theo tập tục quốc độ của mình, miễn là không ăn vì tham đắm hay ác ý.

Một vị Phật tổ không có quyền ngăn cản bất kỳ ai đó sát sinh. Một người có thể làm bất cứ điều gì mình mong muốn, nhưng người ấy sẽ chịu trọng trách và gánh chịu nghiệp quả của mình. Rất nhiều lần, Đức Phật tổ Gotama dạy rằng sát sinh là hành động bất thiện (akusala - kamma) sẽ gây nhân đau khổ. Cũng như nghề bán thịt cá (mamsa - vanijja) [4] là một trong năm nghề cấm đối với người Phật tử tại gia. Do đó người Phật tử tại gia đã có tâm hỉ xả rồi (upekkha), họ luôn có tâm từ bi đối với sinh linh. Bất kỳ hành động nào họ làm - thiện hay ác - họ sẽ là người thừa hưởng.

Quan niệm và cách cư xử của Đức Phật tổ Gotama đối với vấn đề ăn chay biểu lộ được trí tuệ của một bậc vĩ nhân. Sau khi xét đoán Sa môn Gotama một cách khách quan, y sĩ Jivakakommarabhadra không do dự trở thành một đệ tử của Đức Phật. Có một lần Jivaka viếng thăm bậc đạo sư. Sau khi đánh lễ và ngồi một nơi thích hợp ông nói:

-- Bạch Đức Thế Tôn, đây là những điều con đã nghe như vậy: "Người ta sát sinh cố ý cho sa môn Gotama và sa môn Gotama dùng thịt này một cách cố tình". Thưa ngài, những người đó nói như thế có đúng chân lý không?

Sa môn Gotama trả lời:

-- Họ nói không đúng chân lý, bởi vì Như Lai đã dạy có ba trường hợp không được ăn thịt cá. Nay Jivaka, đó là thấy, nghe và nghi (người cố ý sát

sinh cho mình ăn). Nhưng này Jivaka, ngoài ba trường hợp trên, Như Lai nói có thể dùng được.

Hơn nữa, bất cứ ở nơi nào các tu sĩ trong pháp và luật này luôn luôn tu tập hạnh từ, bi, hỷ, xả cho tất cả chúng sinh xa gần và không có oan trái lẫn nhau. Nếu thí chủ mời chư vị dùng bữa, chư vị nhận một cách chánh niệm bất cứ món gì. Chư vị không bao giờ nghĩ đồ ăn của thí chủ này ngon hay không ngon. Chư vị không bao giờ mong đợi sẽ được thí chủ cúng dường đồ ăn ngon. Chư vị thọ lãnh món ăn cúng dường nhưng không có tham đắm mà quán tưởng thực phẩm cúng dường và chuyên cần tu tập giải thoát.

Rồi Sa môn Gotama hỏi:

--Này Jivaka ông nghĩ sao? Lúc đó chư vị thọ lãnh thực phẩm không phạm luật chứ?

Jivaka đáp:

--Đúng như vậy, thưa ngài. Tôi được nghe như thế này: "Vững chãi trong tình thân hữu là cao thượng. Ngài là điểm tựa bởi vì ngài vững chãi trong tình thân hữu".

Đức Phật cũng giải thích rằng ai cố tình sát sinh cho Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai là có tội trong năm cách. Người ấy có tội khi nói: "Hãy đi bắt sinh vật này hay sinh vật nọ"; người ấy có tội khi con vật bị đau và bị bắt. Người ấy có tội khi nói: "Đi giết con vật đó"; người ấy có tội khi con vật này bị giết đau đớn và khổ sở; và có tội khi người này mang đến cúng dường cho Như Lai và đệ tử của Như Lai.

Dựa vào lời dạy của Đức Phật, có thể kết luận rằng, bất kỳ thú vật nào bị giết (do mình hay người khác) rồi đem dâng cúng (udissa - mamsa) làm thực phẩm thì điều đó là không được phép đối với một tu sĩ, nhưng trái lại thịt hay cá do tín đồ mua ở chợ, bán ở nơi công cộng cho mọi người tiêu thụ (pavatta - mamsa) thì thực phẩm đó được Đức Phật cho phép và tu sĩ có thể dùng được.

---o0o---

2. Quan niệm Phật giáo Nam tông về thú vật và chủ nghĩa ăn chay

Phật giáo Nam tông thừa nhận thú vật là chúng sinh có tri giác. Thú vật không những chỉ có thân thể (rùpa) và bản năng, mà còn có chức năng của tâm như cảm thọ (vedana), tưởng (sanna), hành (sankhàra) và thức (vinnàna) [5]. Để chứng minh một cách có khoa học rằng bản năng của thú vật chỉ do trực giác thúc đẩy là một điều rất khó; những bản năng như nhận dạng được đồng loại, chăm sóc con cái, chọn nơi trú ẩn an toàn, nhớ con đường trở về tổ, biết sợ chết, biết vui khi được chủ yêu thương và biết trung thành với chủ. Trong thực tế người ta sẽ nói, ai cho rằng thú vật chỉ có bản năng thì người đó chỉ dùng bản năng hơn là dùng tri giác của một con người. Thú vật không chỉ sống một kiếp mà sống nhiều kiếp, sau kiếp sống hiện tiền, còn đi tái sinh kiếp khác.

Thú vật không phải là những sinh vật thấp hèn hay bị dọa dầy để loài người đối đãi độc ác. Tàn sát thú vật để cúng tế các vị thần linh khao khát máu hoang tưởng của các tôn giáo sơ khai là một việc làm phạm tội sát sinh. Xa hơn nữa Phật giáo truyền thống không bao giờ cho phép giết thú vật làm thực phẩm tiêu thụ hay phục vụ cho bất kỳ mục đích nào khác.

Cũng cần thiết để hiểu rằng thú vật không được tạo ra cho loài người. Tiến sĩ K.Sri Dhammananda, một nhà lãnh đạo Phật giáo Nguyên thủy Tích Lan, một vị giảng sư (dhammaduta) ở Malaysia nhiều năm qua đã tuyên bố: "Nếu chúng ta tin tưởng rằng thú vật được tạo ra cho con người thì cũng có lý do cho rằng con người tạo ra cho loài thú bởi vì có loài thú ăn thịt người." [6].

Tuy nhiên Phật giáo truyền thống không đồng tình với quan điểm là giết thú vật có thể được ngăn chặn bằng phương cách phát động một cuộc phản đối mang hình thức là ăn chay. Phương pháp hữu hiệu để làm giảm thiểu việc sát sinh là phổ biến cho mọi người hiểu biết về lời dạy của Đức Phật. Chỉ có cách này họ mới thật sự hiểu biết giá trị của sự sống rất quan trọng cho loài người và thú vật. Điều này có nghĩa là tất cả chúng sinh đều có quyền sống. Loài thú cũng thích yên vui và không muốn khổ đau. Mạng sống của loài thú không thể nào bị hủy hoại bằng bất cứ lý do gì - như vậy đáp ứng lòng mong mỏi của loài người. Nhờ hiểu biết đúng đắn như vậy, người ta sẽ không giết thú vật cho việc tiêu thụ cá nhân hay bán ngoài chợ.

Như vậy mạng sống của loài thú được cứu nguy chứ không phải bằng cách cấm ăn thịt hay xem thịt là dơ bẩn, mà bằng phương cách đề cập đến giá trị của sự sống, đấu tranh cho quyền sống cơ bản của loài thú. Thật vậy phương pháp thực hiện của Phật giáo truyền thống trong việc đối phó tình trạng giết thú vật được xem là giải pháp trực tiếp tối ưu. Điều này hoàn toàn khác hẳn,

từ giải pháp được đặt ra và áp dụng bởi những người ăn chay, có thể được xem như là một phương pháp không có hiệu quả, một người bảo vệ mạng sống loài thú bằng hình thức.

---o0o---

3. Quan niệm Phật giáo Bắc tông về việc ăn chay

Nhiều người cho rằng ăn chay là một phần không thể tách rời của tư tưởng Phật giáo Đại thừa. Một điều giới luật về việc thực hành ăn chay được ghi rõ trong kinh Bô-Tát giới: "Một Tỳ khưu ăn thịt từ con thú sống là một điều tội lỗi" [7].

Đặc biệt trong kinh Níp-bàn (của Đại thừa), được tìm thấy một lời dạy mạnh mẽ: "Ăn cá, thịt là phá vỡ hạt giống từ bi".

Trong kinh Phạm võng (Brahmajàla sutra) của tạng Sanskrit cũng dạy tương đương: "Một môn đệ của Đức Phật không nên cố ý ăn cá, thịt của bất cứ loại chúng sinh nào vì nếu hành động như vậy, vị đó đánh mất lòng từ bi, giới hạnh và hạt giống giác ngộ. Điều đó cũng là nguyên nhân làm cho các sinh vật gặp người đó sẽ xa lánh. Do đó chư Bô-Tát xa lánh việc ăn cá, thịt của bất kỳ sinh vật nào. Việc ăn cá, thịt là cội nguồn của tội lỗi vô biên".

Bộ kinh Lăng-nghiêm (Surangama sutra) phê bình nghiêm túc về việc ăn cá, thịt: "Sau khi Như Lai nhập Níp-bàn, thời mạt pháp, ma quỷ sẽ lộng hành khắp thế giới, và sẽ khoe khoang là chúng ăn thịt để đạt giác ngộ. Này Ananda! Như Lai cho phép chư Tỳ khưu ăn năm loại thịt thanh tịnh, là sản phẩm của năng lực phi phạm của Như Lai chứ không phải là thú bị giết chết. Này Bà la môn, sống nơi cây trái không mọc được vì quá ẩm và oi bức và vì toàn sỏi đá, Như Lai sẽ dùng năng lực phi phạm của tình thương để trợ cấp cho các người ăn thịt ảo tưởng để cho các người qua cơn đói khát. Vậy thì, sau khi Như Lai Níp-bàn, các người ăn cá, thịt chúng sinh mà còn dám tự nhận là đệ tử của Như Lai sao? Các người phải biết rằng những ai ăn cá, thịt, dù tâm trí họ mở mang và thực chứng được định tâm thì cũng chỉ là ma quỷ to lớn mà sau kiếp này sẽ bị sinh tử luân hồi và không thể nào là môn đệ của Như Lai. Họ sẽ ăn thịt và giết nhau liên tục; làm sao họ có thể thoát khỏi vòng tam giới này được" [8].

Hơn nữa, trong kinh Lăng-già (Lankavatara sutra) có một chương đặc biệt thảo luận về vấn đề ăn cá, thịt. Đây là cuộc đàm thoại với vị Bô-Tát tên là

Mahamati. Một phần của cuộc đàm thoại được ghi lại như sau: "Này Mahamati, không đúng khi cho rằng thịt là thực phẩm thích hợp và được phép cho các Tỳ khuru khi thú không bị giết hại do chính người ấy, khi người ấy không ra lệnh giết, khi thực phẩm đó không dành riêng cho người ấy. Thêm nữa, này Mahamati, có thể có người u mê trong đời sau, bắt đầu công việc xuất gia theo giáo lý của Như Lai, được xem như là đệ tử của ta, mặc áo cà sa như là một biểu hiện, tuy nhiên người đó trong tư duy bị ô nhiễm bởi những lý thuyết sai sót. Họ có thể nói về những điều khác biệt nhau mà họ lấy trong giới luật của họ, do bị si mê bởi quan niệm về linh hồn cá thể, do ảnh hưởng thèm khát hương vị thịt, họ đúc kết lại những phương pháp luận khác nhau để biện minh cho việc ăn cá, thịt. Và lại, chính họ bịa ra một giới luật mười điều học về thịt thú vật được tìm thấy đã chết rồi. Tuy nhiên, trong quyển kinh này với bất cứ hình thức ăn cá, thịt nào, mọi lúc, mọi nơi đều bị nghiêm cấm vô điều kiện và tuyệt đối không cho tất cả... Không có loại thịt nào được xem là thanh tịnh ở ba cách: không cố ý, không đòi hỏi, và không xúi giục, cho nên ngăn cấm ăn cá thịt. Tuyệt đối không ăn cá, thịt, dù ai có nói vấn đề tam tịnh nhục: thấy, nghe và nghi; những nhà lý luận sinh ra trong gia đình ăn cá thịt thì không hiểu điều này." [9]

Chống đối việc ăn cá, thịt và khuyên ăn chay được tìm thấy trong những bản kinh bằng tiếng Sanskrit khác, đó là quyển Hastokakshya, Mahamegha, Nirvana và Anglimalika. Tuy nhiên những bản kinh này không có phần nào tương đương trong Tam tạng Giáo điển được chấp thuận của Phật giáo Truyền thống (Theravàda).

Nơi đây, vấn đề được nghiên cứu là nguồn kinh điển nào đáng tin tưởng hơn? Nguồn kinh điển đó có được xem là nguyên thủy hay không? Phật giáo Nguyên thủy có loại bỏ một số đoạn kinh sách nào không? Hay đó là những điều Phật giáo Đại thừa thêm vào? Kinh và giới luật đó có thật sự được Đức Phật dạy và thiết lập hay không? Phật giáo Đại thừa và Phật giáo Nguyên thủy vẫn cho là quan niệm của các kinh văn của tông phái mình là nguyên thủy. Cần tìm hiểu vấn đề này thật sâu sắc hơn mà không thiên vị Therevada hay Mahayana. Phương pháp tìm hiểu chính xác nhất là nghiên cứu giá trị kinh và luật bằng chứng tích lịch sử.

Trong kinh Bồ-Tát giới (Bodhisattva sutra) do ngài Kumarajiva (Cưu-ma-la-thập) dịch, có năm mươi tám điều luật, được phân chia làm hai loại. Mười điều tội nặng (garukapatti), trong đó bốn điều giới luật đầu tiên thì tương đương với bốn điều giới bất cộng trụ (parajika) trong luật tạng Pàli. Tội nhẹ (lahukapatti) có bốn mươi tám điều, trong đó điều giới luật thứ ba đề cập đến

ăn chay. Điều được phân tích thêm là giới luật thứ tám của phần tội nhẹ có viết: "Một Tỳ khuru mà nói xấu hay lên án Phật pháp Đại thừa (Mahayàna) thì vi phạm một tội nhẹ" [10].

Sự xuất hiện danh từ "Đại thừa" trong điều luật có vẻ hơi kỳ dị rõ rệt. "Trong việc nghiên cứu lịch sử về danh từ Đại thừa và Tiểu thừa (Mahayàna and Hinayàna) và Phật giáo gốc của Đại thừa", giảng viên Ryukan Kimura ở trường đại học Calcutta, khoa lịch sử và văn hóa cổ Ấn Độ, kết luận rằng danh từ Đại thừa không được biết đến trong cộng đồng của Phật giáo thời Đức Phật tổ Gotama còn sinh tiền. Theo Pàli tạng Nikàya [11] và Hán tạng Agama [12] là những tạng đáng tin tưởng nhất về tính chất nguyên thủy, không tìm thấy được danh từ Đại thừa.

Danh từ Đại thừa xuất hiện lần đầu sau đại hội kết tập kinh điển lần thứ hai, khoảng một trăm năm sau khi Thế Tôn Níp bàn, là hậu quả của sự chia rẽ trong Tăng già. Những người thuộc phái Đại chúng bộ tức giận và bị gọi là "Tỳ khuru xấu" và "đệ tử tà giáo" bởi những người theo phái Trưởng lão bộ, trung thành với giáo lý của Đức Phật Gotama. Chư vị tìm một danh từ mới cho phái của mình để duy trì và xiển dương ý kiến, quan niệm và chân lý của họ, cũng như châm biếm các bộ phái khác. Một số danh từ như Bồ Tát thừa (Bodhisattvayana), Phật thừa (Buddhayana), A la hán thừa (Arahatyana), Thỉnh văn thừa (Sravakayana), Thiên thừa (Dviyana) đã được họ áp dụng trong một thời gian tương đối ngắn. Nhưng dường như họ không thỏa mãn với những danh từ này bởi vì tất cả đều là chi tiết, duy nhất có thể chỉ ra những sự khác nhau trong những khía cạnh nào đó. Họ cần một danh từ mà sẽ tích hợp, đại diện và bao trùm những ý kiến, quan niệm và giáo điều khác như một đoàn thể. Cuối cùng họ mới chọn danh từ Đại thừa (Mahayana), cỗ xe lớn, dành cho phái của họ và danh từ Tiểu thừa (Hinayana), cỗ xe nhỏ, dành cho những tông phái khác.

Từ thời điểm đó cho đến thời luận sư Long Thọ (Nagarjuna), thế kỷ thứ hai sau công nguyên, danh từ Đại thừa và Tiểu thừa chỉ được sử dụng để ám chỉ những sự khác nhau về giáo lý cơ bản - như được dùng trong kinh Diệu pháp liên hoa (Saddharmapundarika sutra). Thời điểm Long Thọ trở về sau, danh từ này chịu một sự thay đổi có ý nghĩa, nó không những đề cập đến sự khác nhau về giáo lý căn bản, mà còn nói đến sự khác nhau về trường phái - như được viết trong kinh Bát nhã ba la mật đa (Prajnaparamitta sutra). Không những phái Trưởng lão bộ (Theravada) và Nhất thiết hữu bộ (Sarvastivada) được xếp loại là Tiểu thừa mà còn phái Đại chúng bộ (Mahasanghika), tiền thân của phái Đại thừa, cũng bị cho là Tiểu thừa nữa.

Từ những sự phân tích trên, rõ ràng rằng danh từ Đại thừa thật sự không được biết đến trong cộng đồng Phật giáo cho đến sau này. Trở lại bài viết này với câu hỏi: Vì sao danh từ Đại thừa mới có, lại xuất hiện trong một điều luật của kinh Bồ Tát giới? Chắc chắn là người ta không thể trả lời, nhưng người ta kết luận rằng, danh từ này mới thêm vào.

Điểm kế tiếp để xem xét là: khi nào họ không cảm thấy "có tội" gì về việc gán danh từ Đại thừa và dọa nạt những ai hạ thấp và chống đối lại giáo lý của họ, họ có cảm thấy "có tội" về việc gài một giới luật mới là việc ăn chay vào trong kinh Bồ Tát giới và lạm dụng danh nghĩa của Đức Phật như một người cấm chế điều luật đó? Về danh xưng Bồ Tát giới trong quyển sách này thì không phù hợp cho lắm. Tất cả các giới được đặt ra ở đó, là những giáo điều dành cho các thầy Tỳ khưu. Trong trường hợp này, người biên soạn quyển Bồ Tát giới có thể được xem là đẹp qua một bên sự kiện là chư Bồ Tát không luôn luôn sinh ra làm người, nhưng có thể sinh ra làm các loài khác như súc sinh. Nếu như giới luật trong kinh Bồ Tát giới được áp dụng cho chư vị Bồ Tát sinh ra trong bất kỳ thế giới nào, thì sự thực hành sẽ chắc chắn dị thường và buồn cười lắm. Mà nếu cho Bồ Tát giới là giáo điều áp dụng đặc biệt cho một vị Bồ Tát chào đời như là một Tỳ khưu, thì việc sử dụng thuật ngữ "Bồ Tát" của quyển kinh này có thể được xem là không chuẩn lắm.

Chư vị Tỳ khưu thời của Đức Phật và cả chính Ngài nữa, có dùng cá thịt hay không, điều đó rất dễ để chứng minh bằng sự kiện lịch sử. Trong quyển luật tạng Pratimoksa sutra bằng tiếng Sanskrit của phái Đại chúng bộ (Mahasanghika), tiền thân của phái Đại thừa (Mahayana), tư tưởng Phật giáo, trong giới luật thứ ba mươi chín của Paccattika [13] có một điều luật sau: "Tỳ khưu nào không bệnh mà hỏi xin hay thọ lãnh thực phẩm, được cho là ngon, để mình ăn, thì phạm tội ác". Những thứ thực phẩm được xem ngon (pranitasammatanibho janani) như là sữa, bơ, dầu, mật ong, mật mía, cá và thịt [14]. Một cách chính xác, điều luật này hàm ý là một Tỳ khưu bị bệnh có thể hỏi xin cá hay thịt, còn một Tỳ khưu không bệnh cũng có thể dùng cá và thịt, miễn là Tỳ khưu đó không tự mình hỏi xin. Như vậy, tin chắc rằng thịt và cá là thực phẩm được phép dùng và phổ thông cho các Tỳ khưu trong thời của Đức Phật [15].

Một nhà nghiên cứu Phật giáo nổi tiếng người Nhật, Daisetz Teitaro Suzuki, đã nói đến trong lời giới thiệu bản dịch của kinh Lăng-già (Lankavatara sutra) và cũng nói đến trong quyển sách chú giải của ông ta "Nghiên cứu

kinh Lăng già" rằng chương thứ tám của quyển kinh, "Về việc ăn cá thịt", là được cho thêm vào sau này, giống như chương đầu, kể lại cuộc đàm thoại với Ravana - một nhà vua trong thần thoại Ấn Độ giáo. Chắc chắn chương thứ tám này đã được thêm vào trong quyển kinh. Chương này cũng đã được sửa đổi nhiều lần. Việc ăn cá thịt chắc chắn đã được thừa nhận trong tín đồ Phật tử thời kinh Lăng-già đã được biên soạn. Rõ ràng Đức Phật không cấm họ ăn cá thịt, nếu như con vật đó không do chính họ giết. Điều này gây ra những lời phê bình không hay của các tôn giáo khác. Do đó giới Phật giáo bị bất mãn với lời phê bình này, điều đó dẫn đến một sự nỗ lực mới là cấm ăn cá thịt trong phái Đại thừa. Hơn nữa, kinh Lăng-già, là tập hợp những điều được nối lại với nhau một cách không có phương pháp, và không phải là lời thuyết giảng trực tiếp của Đức Phật, mà được biên soạn ra sau khi Đức Thế Tôn viên tịch.

Dựa trên những kết quả nghiên cứu của ngài D.T. Suzuki - như đã kết luận ở trên, tạp chí Pancaran Dhamma Matrodevi, Indonesia, viết: "Nếu quyển kinh nào thuộc Tam tạng Kinh điển, thì quyển đó đúng là lời thuyết giảng của Đức Phật, như quyển kinh Lăng-già". Đây là câu nói thiếu tế nhị, không dựa trên sự kiện lịch sử, mà chỉ là đức tin mù quáng và là sự nỗ lực ngây ngô để thống nhất Phật giáo. Trong quyển Dipavamsa nói thẳng rằng các tu sĩ lạc hướng của phái Vajjiputtaka, những người thành lập giáo phái Đại thừa, họ không hiểu đúng ý nghĩa của giáo pháp thuần túy của Đức Phật, đã tự ý lược bớt một phần khá quan trọng trong kinh và luật và biên soạn kinh và luật mới (giả). Điều đó cho thấy rằng Phật tử Indonesia ngày nay không tuân hành theo lời dạy của Tỳ khưu Narada: "Đừng có tin tưởng rằng một quyển kinh bắt đầu bằng một câu giả tạo 'Như vậy tôi nghe, một thời Đức Phật ngụ ở thành Xá Vệ (Sravasti)...'. Đây là những lời thuyết giảng của Ngài. Đối với một số tôn giáo, viết một cụm từ như vậy cũng dễ như viết tiểu thuyết, và gài những quyển kinh mới vào trong Tam tạng dễ như đặt một quyển sách mới vào trong kệ sách thư viện".

---o0o---

4. Ăn chay và sự thanh tịnh

Thực hành việc ăn chay thường được cho là một yếu tố để có được sự thanh tịnh. Người xa lánh việc ăn cá, thịt được xem như là người thánh thiện. Sự thanh tịnh có thể đạt được dễ dàng không? Chắc chắn là không! Sự thanh tịnh tùy thuộc vào tâm của con người, chứ không tùy thuộc điều gì bên ngoài. Sự thanh tịnh của một người có thể được đánh giá bằng "sự hạn chế

và đoạn trừ lòng ham muốn thực phẩm", chứ không quan niệm từ thực phẩm mà người đó ăn.

Trong kinh Amagandha sutta thuộc Tiểu bộ kinh (Khuddaka Nikaya) có ghi rằng: "Không phải là không ăn cá thịt, hoặc các hình thức bề ngoài, hay nghi lễ, mà làm thanh tịnh một người, không thành kính tin tưởng nơi giáo lý". Điều này căn cứ trên lời dạy của Đức Phật Kassapa cho Tỳ khuru Tissa. Nếu chỉ vì ăn thực vật, rau trái mà được xem là thanh tịnh, thì dê, ngựa, bò cũng thanh tịnh từ lúc mới chào đời!

Một lời nói có ý nghĩa tương đương được Đức Phật tổ Gotama nói cho dân chúng thành Jambudvipa vì họ tin tưởng rằng tắm ở những con sông (như sông Hằng) sẽ làm cho con người rửa sạch lòng tham muốn, tội lỗi và đau khổ. Ngài dạy: "Nếu nước dòng sông có thể rửa sạch lòng ham muốn, tội lỗi và khổ đau, thì tin chắc rằng tất cả loài rùa, cá, tôm, cua sống trong dòng sông được coi là linh thiêng, đã được đoạn trừ tham muốn, tội lỗi và đau khổ từ lâu lắm rồi".

---o0o---

5. Thịt cá nấu chín có còn sự sống không?

Hiện tại, nếu có người nào hỏi điều khác nhau cơ bản giữa tu sĩ Nguyên thủy và tu sĩ Đại thừa là ở chỗ nào, người ta sẽ trả lời ngay: là tu sĩ Đại Thừa không ăn cá thịt, còn các tu sĩ Nguyên Thủy tự do ăn bất cứ món gì mà các vị muốn. Câu trả lời này chắc chắn là sai lầm và không có căn cứ. Nói như vậy chẳng khác nào tu sĩ Nguyên thủy là người sát sinh thú vật.

Trong kinh Quán tưởng thực phẩm (Catuppaccaya paccavekkhana patha) [16] dạy năm điều luật mà bậc xuất gia cần phải biết đến về thực phẩm cúng dường. Trước khi thọ lãnh, bậc xuất gia phải biết thực phẩm cúng dường chỉ là vật chất (dhatuso), ghê tởm (patikkulato), giả tạo (nissato), không có sự sống (nijjivo), và là hư vô (sunno). Trong khi ăn và sau khi ăn bậc xuất gia phải quán năm điều này.

Đối với tu sĩ Nguyên thủy, không có sự khác nhau giữa cá thịt và rau trái. Hai loại thực phẩm này có cùng chức năng, là để nuôi mạng sống, góp phần làm cho đời sống thanh cao, duy trì sức khỏe tốt, làm hết cơn đói, dừng cơn đau đớn, và làm cho đời sống nhẹ nhàng hơn. Thực phẩm không nên dùng để vui thích, mê hoặc, làm cho thân mập mạp và đẹp đẽ.

Cá thịt nấu chín là loại thực phẩm được Đức Phật tổ Gotama cho phép các tu sĩ thọ dụng. Lý do là cá thịt nấu chín không còn sinh vật sống nữa. Ngay khi thú vật chết, tâm thức này sự sống tâm linh không sinh khởi và hiện hữu trong nó. Chỉ có người nào cố chấp vào bản ngã vĩnh hằng mới có thể phân biệt được cá và thịt nấu chín với con thú còn sống. Người không có ý niệm minh bạch về thân tâm, và không thể nào thực thi được sự trong sạch cho mình.

Nên giải thích thêm ở đây là trong Phật giáo không có tin tưởng rằng thịt thú vật đã chết có chứa đựng những sự rung cảm huyền ảo mà sẽ làm cho người ăn thịt trở nên mắc các chứng bệnh thần kinh, ưu phiền và lo âu. Đây là niềm tin sai lầm dựa trên các tôn giáo cổ xưa ở Ấn Độ [17]. Sự giận hờn (patigha) hay sân hận (dosa) là một trong năm mươi hai tâm sở (cetasika) không thể nào phát sinh trong những sinh vật chết. Mà cũng không có tâm sở nào tồn tại, độc lập, không thể nào đi quanh quẩn hay thế vào bất cứ hình thể vật chất nào.

---o0o---

6. Tâm Từ là nền tảng của sự ăn chay

Hầu hết những người ăn chay trong Phật giáo đều nói rằng họ không ăn cá thịt là để huân tập tâm Từ bi (metta-karuna). Lời phát biểu này phải được nghiên cứu lại dựa trên giáo lý thuần túy của Đức Phật. Nhiều kinh sách về Vi diệu pháp (Abhidhamma) [18] định nghĩa tâm Từ bi như sau: "Có tình thương với chúng sinh đang khổ và sẽ khổ đau". Vì cá thịt đã nấu chín rồi thì không được xem là thú sống nên không một ai có tâm từ bi trên món cá thịt đó. Cũng như không thể có tâm Từ bi cho cây, cỏ, bàn, ghế và những thứ không phải là sinh vật sống khác. Nên biết thêm nữa là, tâm Từ bi không thể nào tu tập trong cõi trời vô sắc (arupa - bhumi) được, vì cõi trời đó không có hình thể của chúng sinh bằng thân tứ đại.

Thấy chúng sinh đang đau khổ và sẽ khổ là một nguyên nhân trực tiếp của tâm từ bi (dukkhabhivhutanam anathabha-vadassana padatthana). Như vậy, sự hiện diện của "chúng sinh" như là đối tượng, là điều kiện chính cho sự phát triển tâm từ bi. Cũng nên hiểu rằng việc biểu lộ tâm từ bi thường được đi kèm theo với ý muốn, lòng mong mỏi và sự nỗ lực để cứu vớt một sinh linh thoát khỏi đau khổ (dukkhapanayana-karapavattilakkhana). Trong trường hợp này, không ai có thể cứu khổ cho sinh linh đã chết bằng cách

không ăn nó. Dù có ăn thịt hay không, thú vật đã chết rồi thì sẽ không sống lại được.

Mục đích cơ bản của tất cả giáo pháp Đức Phật là cứu vớt chính mình và những sinh linh khác. Sự đau khổ đang hiện có hay sẽ có trong tương lai; chứ không cứu vớt sự đau khổ đã qua; vì đau khổ đã qua thì không thể nào sửa lại được.

Lúc còn là Bồ Tát (Bodhisatta), Đức Phật tổ Gotama sinh làm con cò. Một hôm, cò thấy một con cá đang nổi trên mặt nước. Vì tưởng cá đã chết, cò mổ nó. Khi thấy cá quẫy đuôi, cò thả cá ra ngay. Bởi vì cò chỉ ăn cá đã chết. Khi Bồ Tát sinh làm cò, cọp và những thú vật ăn thịt khác; ngài có thể tự chịu đựng chỉ ăn rau trái hay sao? Ăn cá chết không có nghĩa là Bồ Tát không có tâm từ bi.

Trong "Tủ điển tôn giáo so sánh" của Tiến sĩ Trevor O.Ling, mục "Thực phẩm", ông có viết: "...Trong hàng tín đồ của Phật giáo, giết sinh linh là một việc làm tội lỗi được nhấn mạnh (vì nó là chúng sinh có cảm xúc), còn việc ăn sinh linh chết thì không có tội. Nghiệp bắt thiện đến với người giết chứ không đến với người ăn, khác với quan niệm của Ấn Độ giáo, họ quan niệm việc ăn cá thịt cũng có nghiệp quả xấu". Có sự khác nhau giữa sự giết thú sống và ăn thịt. Như vậy, tâm Từ bi thật sự không có liên quan gì đến việc ăn chay hay ăn mặn.

---o0o---

7. Trách nhiệm pháp lý gián tiếp

Trong "Golden Drum" - một tạp chí đã phát ngôn cho phái Đại thừa ở phương Tây đang bào chữa cho việc ăn chay, tạp chí số 14, tác giả Sagaramati viết trong tựa đề "Những người con Phật có ăn thịt, cá không?": --"Để nói rằng việc ăn thịt không có liên quan đạo đức gì với hành động giết hại hung bạo và kinh khủng do nó cảm thấy, thì đây là sự vô tình, vô cảm, là điều phi lý. Mặc dù không tự tay mình giết hay nhờ kẻ khác giết, thì người ấy cũng không thoát khỏi hậu quả cho việc giết hại. Kẻ giết thú vật không riêng cho mình mà cho chợ búa tiêu thụ. Nếu không có người ăn thịt, thì sẽ không có điểm giết thú ngoại trừ việc giết đó phục vụ cho chính người giết. Do đó nếu một ai quyết định ăn thịt, thì người ấy cũng quyết định trở thành những người tiêu thụ của thị trường. Và nếu một ai trở thành một phần tử của thị trường, người ấy có liên hệ với nhu cầu mà người giết đáp ứng. Có

một sự liên hệ rất rõ giữa người ăn thịt và hành động giết hại, giữa lòng ham muốn vị thịt và sự đau đớn thật sự của thú bị giết".

Cùng một cách nói, John Blofeld - tác giả nổi tiếng các kinh sách Đại thừa - viết trong lời tựa của quyển "Luật Đại thừa" (Mahayana vinaya) do Tỳ khưu Yen Kiat biên soạn: "Trong thời điểm hiện đại, đặc biệt thú vật ít khi được giết cho những cá nhân; nhưng rõ ràng rằng, tất cả chúng ta thật sự có trách nhiệm cho cái chết của chúng, vì những người đồ tể chỉ đáp ứng thịt theo thị hiếu của chúng ta. Như vậy, trong điều kiện hiện nay, hình như không hợp lý tí nào cho các tu sĩ nói là họ có thể ăn thịt vì họ không biết việc thú vật bị giết".

Thoáng qua, lời viết hình như có lý và hợp thời. Tuy nhiên, nếu lối lý luận như vậy được áp dụng đúng mức, thì những người ăn chay sẽ không thoát khỏi hậu quả và sự liên hệ của việc sát hại. Đối với lúc này, họ có thể "rao giảng" về việc phát huy tâm từ và tâm bi, bởi vì họ chưa bao giờ thấy tận mắt tiến trình trồng, cấy và thu hoạch rau trái và những sản phẩm nông nghiệp khác. Nếu những nông sản nói được, có lẽ chúng sẽ nói về sự đau đớn của loài giun đất, và những loại côn trùng khác mà thân thể của chúng bị đứt nát do bởi cuốc và thuổng; về tiếng kêu rên của chuột đồng bị đứt đầu vì cày và xới, về tiếng than thở của côn trùng chịu đựng thuốc độc DDT; và nhiều điều cảm kích và đau xót khác! Chắc chắn, thiên nhiên không sẵn sàng làm cho các sản phẩm nông nghiệp biết làm chúng hoặc có thể nói và đòi quyền công bằng đối với những kẻ ăn chay. Những tiếng kêu rên, than thở đó vẫn còn bị coi là những tiếng kêu vô vọng trong cánh đồng hoang dã. Điều này nên hỏi lại, phải chăng chỉ có thú vật mới thừa hưởng lòng từ bi, bác ái; còn sự sống của giun đất, côn trùng, chuột đồng thì bị thờ ơ quên lãng hay sao? Nếu người ăn chay nghĩ: "Thú vật sẽ hạnh phúc vô cùng nếu trên đời này không có người ăn mặn", thì cũng sẽ công bằng, nếu người ăn mặn nghĩ: "Bò sát, chuột và côn trùng sẽ sung sướng vô cùng nếu trên đời này không có người ăn chay (thực vật)". Chắc chúng sẽ mở tiệc liên hoan trên cánh đồng lúa!

---oOo---

8. Ăn chay có thể thay đổi tánh nết không?

Có một số người nói rằng ăn chay có thể thay đổi tâm tánh con người. Đây là ý tưởng cho rằng loài thú ăn thịt, độc ác, hung dữ hơn loài thú ăn cây cỏ. Như vậy, câu hỏi được đặt ra là: Lối sống của loài thú đem so sánh với lối

sống của loài người có hoàn toàn khác nhau không? Trong thực tế không thể so sánh được vì nhiều người ăn thịt mà tánh lại lương thiện, khiêm cung, lịch sự thành kính và ái mộ tôn giáo.

Geoffrey Bell là nhân viên của hội y tế thế giới và tổ chức lương nông, thừa nhận một cách thành thật: "Một người Eskimo có lẽ mãi mãi là người ăn thịt, có thể là Phật tử tốt hơn tôi, mặc dù tôi ăn chay!"

Mọi người ai cũng hiểu Adolph Hitler, nhân vật sáng lập Đảng Quốc Xã Đức, là con người tuyệt đối ăn chay [19], nhưng với lối sống như vậy, Hitler phải chịu trách nhiệm và hậu quả cho cuộc tàn sát lớn nhất thế giới. Một câu hỏi được đặt ra: Thú vật cần lòng từ bi hơn con người không?

Từ ví dụ trên, có thể kết luận rằng: Khi đánh giá lòng từ bi và bác ái; hay sự hung dữ, độc ác của một người mà chỉ dựa trên những gì người ấy ăn là sự đánh giá thiếu thận trọng. Từ sự liên quan trên, ông Jim Brower nói: "Nếu sự thật việc ăn thịt mang lại cho con người sự hung dữ, thì người Eskimo chắc chắn là người có tiếng tăm độc ác và Ấn Độ có nhiều người ăn chay chắc chắn sẽ là quốc gia bình yên nhất thế giới!". Không hẳn là vậy! Nếu nói việc ăn chay có thể thay đổi tánh tình một con người thì đó là một lời nói phiến diện, không căn cứ, không minh chứng.

---o0o---

9. Ăn chay có thể làm giảm mức sát hại không?

Nhiều người đã nói rằng người ăn chay cảm thấy đau buồn khi họ trông thấy, lắng nghe, hay tưởng tượng việc giết thú để dùng làm thực phẩm. Cảm giác buồn đau này sẽ thôi thúc họ kiên quyết không ngừng việc thực hành ăn chay. Lời nói này có thật sự đúng hay không? Vấn đề này vẫn còn tranh luận.

Thật sự nếu người ăn chay cảm thấy đau buồn, khi nghĩ đến chúng sinh bị giết, thì ít nhất họ cũng ngại ngừng khi sử dụng những bộ phận thân thể thú cho những mục đích khác. Nói một cách khác, khi người ta đã quyết định tránh xa bất kỳ thực phẩm nào làm bằng cá thịt, thì những người đó cũng nên quyết định tránh xa bất kỳ thực phẩm nào khác được làm từ thú vật! Tuy nhiên điều đó dường như không phải vậy. Dễ dàng tìm thấy một cái trống (làm bằng da thú), những ngọn nến (có mỡ thú vật) [20] trong những tu viện Đại thừa và không khó tìm thấy những tu sĩ Đại thừa ăn chay mà dùng mật

ong (được ép ra từ tổ ong mà trứng và ấu trùng của nó phải chết đi) [21], các vị cũng mặc áo lụa (làm bằng tơ tằm có thể lấy được bằng cách hơi nóng hay luộc kén) và rất dễ dàng tìm thấy người ăn chay sử dụng thắt lưng, giày bằng da [22], và những đồ dùng khác được làm bằng thú vật. Người ăn chay kiên quyết cũng nên tránh sử dụng thuốc vì việc nghiên cứu tạo ra thuốc làm nguy hại hoặc giết hại mạng sống của những con thú được thực hiện cho việc làm thí nghiệm.

Nếu cho rằng người ăn mặn (cá thịt) có thể làm gia tăng mức sát hại, thì cũng cần nên nghi vấn lại rằng: sử dụng những đồ dùng nói trên không có cùng những nghiệp lực sao? Giả sử tại thời điểm này, những người Phật tử ăn chay ủy nhiệm cho đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 (Tenzin Gyatso) công năng ưu việt, điều đó có nghĩa là "không hề sai trái" tương tự như Đức Giáo Hoàng của Công giáo, lúc đó ngài có thể tuyên bố về đạo đức, học thuyết ý niệm, và bất cứ những gì liên hệ đến chân lý mà ngài muốn đề cập. Một lối tự do và an toàn, ngài có thể quả quyết: "vì một số lý do thích đáng mà không nên đề cập ở đây, tôi thông báo rằng chỉ ăn mặn mới làm tăng mức sát sinh, còn sử dụng các vật dụng thú vật khác thì không, và các vật dụng đó được cho phép sử dụng nữa!"

Thế nhưng, giả sử ngài có năng lực ưu việt đó, Đức Đạt Lai Lạt Ma sẽ tư duy nhiều lần trước khi phán như vậy. Lý do đơn giản là ngài không thường ăn chay! Ngài kiêng cử ăn tôm bởi vì ngài bị dị ứng [23]. Việc đề xuất ăn chay ở khắp mọi nơi nhằm làm giảm bớt mức sát sinh hại vật chỉ là một "phương án chưa hoàn hảo". Sự thật chỉ là một ảo tưởng.

---o0o---

10. Chủ nghĩa ăn chay và thịt nhân tạo

Việc tinh tiến trong sự thực hành và quảng cáo lối sống của họ, đa số những người ăn chay hết sức cố gắng tạo một loại thực phẩm mới lạ mà chưa từng có trước đây, đó là "thịt nhân tạo". Thịt nhân tạo này được làm bằng bột mì và nhiều loại gia vị khác, mùi vị hơi giống thịt tự nhiên - thậm chí việc nấu nướng thịt nhân tạo còn khó hơn việc nấu nướng thịt bình thường.

Mặc dù phương pháp làm rất tốn công và đắt tiền, ý niệm về sản phẩm thịt nhân tạo rất hấp dẫn và lôi cuốn nhiều người ăn chay hoặc không ăn chay. Những nhà hàng phục vụ những món ăn này bỗng nhiên xuất hiện nhiều trong những thành phố lớn trên thế giới. Thậm chí những tạp chí Phật giáo ở

Indonesia đã nhanh chóng đăng những công thức dạy nấu ăn với thực phẩm đồ chay, như gà rang đậu, thịt heo quay.

Nhiều câu hỏi được đặt ra cho người ăn chay là thích thú và ăn ngon miệng đối với thịt nhân tạo không? Quan niệm và thực hành về việc sản xuất thịt nhân tạo có liên hệ với tôn giáo ra sao? Nếu thực phẩm ăn là thịt nhân tạo, thì sự trong sạch đạt được cũng không phải sự trong sạch nhân tạo sao? Có phải thực tập như thế chẳng khác nào tấy một vết dơ tâm trí bằng phương tiện tạo nên một vết dơ tâm trí khác có đáng kính tởm hơn không? Như vậy điều này có phải là đạo đức cực kỳ giả hay không nhỉ?

Dựa trên sự tính toán đã đo lường được, khẩu vị của người ăn chay chắc chắn không kém hơn khẩu vị của người ăn mặn. Lòng ham muốn và phiền não thì không bao giờ tránh được. Thật sự một người ăn chay một thời gian lâu dài có thể đoạn trừ hay quên lãng lòng ham muốn thực phẩm mặn. Tuy nhiên, điều đó không bảo đảm là lòng tham muốn đó sẽ không thay đổi vật thể của nó cho loại thực phẩm khác, thực phẩm chay - ý thức rằng ham muốn thực vật, rau, trái và những sản phẩm nông nghiệp khác là điều tốt đẹp. Như thế lòng ham muốn thật sự không thể đoạn trừ được chỉ bằng sự thay thế hay di chuyển vật thể. Mà lòng ham muốn chỉ có thể đoạn trừ bằng cách tiêu diệt cội nguồn của nó.

---o0o---

11. Bữa cơm cuối cùng của Đức Phật Tổ Gotama: Nấm hay thịt lợn?

Danh từ "Sukara-Maddava" xuất hiện mười hai lần trong toàn bộ Tam tạng Kinh điển tiếng Pàli [24]. Từ này được gặp sáu lần trong kinh Đại Bát Níp-bàn (Mahaparinibbana sutta) thuộc tạng kinh Trường bộ (Dìgha Nikàya) và sáu lần nữa trong kinh Cunda (Cunda sutta) thuộc kinh tạng Tiểu bộ (Khuddaka Nikàya). Hai kinh văn này đề cập cùng một sự kiện là gia chủ Cunda, một thợ vàng giàu sang mời và cúng dường Đức Phật tổ Gotama món sukara-maddava. Thực phẩm này là bữa ăn cuối cùng của Đức Phật trước khi ngài nhập vô dư Níp-bàn (Mahaparinibbana).

Gần đây, có người đã dịch danh từ sukara-madava thành "một loại nấm mà lợn thích ăn" hay "một loại nấm mọc dưới đất bị lợn dẫm chân" hay "một loại nấm mọc ở nơi mà heo ở" [25]. Không biết chính xác ai là người đầu tiên đã dịch danh từ này như thế, nhưng tin chắc là bản dịch này sẽ được những người ăn chay hoàn toàn ủng hộ [26]. Từ rất lâu họ đã thể hiện nhiều

phương pháp khác nhau để chứng minh Đức Phật ăn chay. Bản dịch này nên thẩm xét lại kỹ hơn.

Trong quyển kinh chú giải Trường bộ (Sumaḅgalavilasini) của trưởng lão Buddhaghosa [27] viết rằng những gì được gọi là sukara-maddava là "thịt lợn loại cao cấp, trong lứa vừa phải - không quá già mà cũng không quá non - mềm và được phục vụ ngoài thị thành cho mọi người tiêu dùng (pavattamamsa)". Trưởng lão Dhammapala, tác giả quyển chú giải Paramatthadipani thuộc Tiểu bộ kinh, có cùng quan niệm như vậy [28]. Ngoài ra trưởng lão Buddhadatta viết quyển Mathuratthavilasini - chú giải bộ Buddhavamsa (Phật sử) thuộc Tiểu bộ - cũng tuyên bố rằng một trong ba mươi điểm tương đồng của chư vị Chánh Đẳng Chánh Giác (sammāsambuddhasa) là: bữa ăn cuối cùng của ngài trước khi Níp-bàn là "thịt thú vật" (parinibbānadivasemaṃ sarasa-bhojanam). Trong Tam tạng Thái Lan và Miến Điện (đã dịch sang tiếng Anh) thì danh từ sukara-maddava được dịch là "thịt heo mềm" [29].

Nếu nguồn gốc của từ ngữ đã được thẩm định, thì giá trị của bản dịch không nên nghi ngờ nữa. Thuật ngữ sukara-maddava được phân chia làm hai từ: "sukara" và "maddava". Trong từ điển Pāli được biên soạn do Robert Caesar Childers, và trong quyển thuật ngữ Pāli do Dines Anderson biên soạn, cũng như trong quyển Pāli-Anh, do trưởng lão Buddhadatta biên soạn thì danh từ sukara được dịch là "lợn" mà tính từ maddava được dịch là "mềm". Như vậy căn cứ vào nguồn gốc của từ ngữ, thuật ngữ sukara-maddava thật sự không có liên hệ gì đến bất kỳ loài "nấm" nào cả.

Cũng nên biết rằng, gia chủ Cunda là một Phật tử [30]. Ông biết Đức Phật Gotama sức khỏe bị suy yếu. Ông cố ý nấu món sukara-maddava này, với lòng mong muốn là món ăn này sẽ gia tăng sức khỏe cho ngài. Cunda lẽ nào dám liều cúng dường bậc đạo sư một món nấm, mà đã biết rằng là "có thể" nguy hại [31], và theo như các nhà dinh dưỡng học, có thể gây sự yếu ớt, nhiều độc tố và lẫn cái chết nữa. Và lại, nấm là thực phẩm có rất ít chất dinh dưỡng để sử dụng cho việc tăng lực [32]. Nói một cách khác, nấm không có nhiều chất dinh dưỡng bằng bắp cải, cho nên rất đại khờ mới nghĩ rằng nó sẽ làm gia tăng sức khỏe. Cũng nên biết rằng, cái chết của Đức Phật thật sự không phải chết vì dùng sukara, thịt lợn (sukara-maddava), do gia chủ Cunda cúng dường - như nhiều người lầm tưởng - mà vì cơ thể của ngài đã cạn kiệt và vì cuộc đời của Thế Tôn đến lúc phải ra đi. Ba tháng trước, ngài đã quyết định nhập diệt vào ngày trăng tròn tháng tư âm lịch (vesakha). Sự việc này như đã được ghi lại trong kinh Đại Níp bàn (Mahāparinibbāna) và

kinh Cunda, Đức Phật Gotama không bao giờ nói rằng thịt lợn (sukara-maddava) do gia chủ Cunda cúng có độc tố [33]. Ngài chỉ nói là trong thế giới này không có ai dù là Bà la môn, đạo sĩ, trời, ma vương hay Phạm thiên nào có thể tiêu hóa (jirapeti) thực phẩm đó, ngoại trừ Như Lai. Ngài Nagasena và Buddhaghosa đã chú giải là khi thịt lợn (sukara-maddava) được nấu, có nhiều vị chư thiên thêm gia vị cực bổ vào, lý do là các vị nghĩ rằng đây là bữa cơm cuối cùng của Đức Phật Gotama. Nhận biết được điều này, Đức Phật gọi gia chủ Cunda đừng có cúng dường món thịt lợn chứa gia vị cực bổ này cho chư Tỳ khưu tháp tùng theo ngài, bởi vì nó có lẽ "quá liều" đối với chư vị mà chỉ có đức Như Lai mới có thể thọ dụng được. Như vậy việc dịch thuật ngữ sukara-maddava thành nấm và đoán chừng rằng cái chết của Đức Phật là do độc tố của nấm thì thật sự không đúng.

Điều này thực sự không quan trọng và người Phật tử không nên sử dụng vấn đề này để tranh luận. Cho dù "sukara-maddava" có thật sự là nấm hay không, thì không thể nào sử dụng thuật ngữ trên để làm cứ điểm cho việc biện hộ ăn chay. Loại thực phẩm mà Đức Phật dùng không thể dựa vào bữa ăn cuối cùng của Đức Thế Tôn. Nhiều nguồn kinh điển Tam tạng quả quyết cho là Đức Phật đã có thái độ của ngài về việc ăn chay, và ngài đã áp dụng ăn chay cho chư vị đệ tử.

---o0o---

12. Một vị Bồ-tát phải thực hành việc ăn chay không?

Một số người nói rằng, ý tưởng hình thành việc ăn chay là do Bồ Tát Sĩ Đạt Đa khổ hạnh sáu năm ở chốn rừng già Uruvela, bởi vì lúc đó ngài chỉ dùng trái cây thôi, không ăn cá hay thịt. Thật sự đây là một sự lầm lẫn - nếu không muốn nói đây là chuyện bịa đặt. Ngài khổ hạnh chỉ vì hành động bất thiện của Ngài trong kiếp quá khứ, đó là Ngài nhục mạ Đức Phật Ca Diếp (Kassapa). Như vậy thực sự khổ hạnh không có hàm ý là Bồ Tát luyện tập tâm bác ái. Việc ăn chay không phải là một trong những hạnh tu pháp độ (paramita) do chư vị Bồ Tát tu tập. Và lại, những pháp độ của ngài phải hoàn thành trước khi Bồ Tát tái sinh lên cõi trời Đâu suất (Tusita) nơi mà Bồ Tát đợi lúc thích hợp để giáng trần.

---o0o---

13. Việc thực hành ăn chay do các tu sĩ

Đức Phật Gotama không bao giờ yêu cầu hay cấm các tu sĩ ăn chay. Nếu tu sĩ nào cảm thấy hoan hỉ, chấp thuận và thoải mái trong việc ăn chay, thì tự do mà ăn. Tuy nhiên việc ăn chay không nên tu tập chỉ vì các giáo điều khác nhau do chính Đức Phật cấm chế và cũng không nên tu tập một cách mù quáng và mê tín, vì việc ăn chay không có cơ sở trên mặt giáo lý. Giới luật cấm các tu sĩ hỏi xin bất cứ thực phẩm nào từ thí chủ - ngoại trừ bị bệnh - một thầy Tỳ khuru ăn chay không được chỉ dẫn cho thí chủ chuẩn bị thực phẩm đặc biệt mà không có dung chứa cá hoặc thịt. Vị ấy phải thọ nhận bất cứ lễ phẩm cúng dường nào của đàn-na dâng cúng. Nếu không, vị ấy không phải là Tỳ khuru để cúng dường (subharo).

Sự khó khăn trong việc tìm kiếm thực phẩm chay không phải là vấn đề cho sự vi phạm của bất cứ luật lệ chính nào khác. Vị Tỳ khuru nên hiểu và ý thức rằng luật nào là căn bản, và luật nào là kém quan trọng; luật nào phải ưu tiên gìn giữ và luật nào chỉ phụ thuộc thôi.

Lại nữa, thầy Tỳ khuru không nên khoe khoang với người khác hoặc đại chúng là mình không ăn cá, thịt. Vị ấy phải biết an lạc cho chính mình. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, mục đích chính của các giới luật là tu tập, kiểm điểm chính mình, không có công cao ngã mạn, khoe khoang hay ích kỷ. Nói khác hơn, ăn chay phải được tu tập không vì đó mà xem thường, lỗi phải hay nhạo báng những Tỳ khuru không ăn chay [34], hay vì mục tiêu nào khác không phù hợp pháp luật - như Đề Bà Đạt Đa (Devadatta) đã làm, ông là một trong những người ăn chay đầu tiên. Nếu không, vị Tỳ khuru ăn chay sẽ không làm giảm bớt, mà trái lại còn tăng thêm phiền não cho mình.

Và lại, vị Tỳ khuru ăn chay phải ý thức rằng ăn chay chỉ là việc thực tập và không nên tuân theo một cách mù quáng. Nếu như coi thường điểm chính yếu này, vị ấy sẽ không thể đạt được sự thanh tịnh hay giác ngộ. Thậm chí đạo quả thấp nhất, Tu đà hườn (Sotapanna), cũng không bao giờ thành tựu được vì vị đó tự mình dính mắc mình vào các giới luật và giới cấm thủ (silabbataparàmaṣa).

Đối với những Tỳ khuru, việc thực hành ăn chay đôi khi là một cảm nhận vui thích. Có một Tỳ khuru nói với đệ tử của mình là thầy sẽ ăn chay vài tháng thôi. Vì theo giới luật, Tỳ khuru không được từ chối bất cứ thực phẩm nào đã dâng cúng cho mình - ngoại trừ nó trái với pháp và luật. Vị đó nhận, nhưng không ăn thực phẩm có dung chứa cá và thịt.

Một ngày nọ, có thể cho là ngày bất hạnh, một đệ tử hỏi Tỳ khưu: "Thưa ngài, ngài có biết là thực phẩm người nọ cúng dường, mà ngài vừa ăn có thịt không?" Gặp phải câu hỏi lắt léo này, Tỳ khưu im lặng một lát. Tuy nhiên vì ngài sáng trí, nên ngài lấy lại điềm tĩnh, tìm ra câu giải đáp với ba tiêu chuẩn được dùng thịt. Ngài nói: "Này ..., tôi không thấy, nghe hay nghi ngờ thực phẩm đó có thịt. Nếu tôi biết trước, dĩ nhiên tôi sẽ không ăn". Câu trả lời này được chấp nhận bằng một nụ cười và cái gật đầu nhẹ giống như cậu bé đã bị cha khiển trách.

Điều khác nhau giữa ăn chay và tam tịnh nhục ví như thanh gươm và vỏ kiếm. Tam tịnh nhục có thể so sánh với thanh kiếm, còn ăn chay giống như bao kiếm. Trong điều kiện an toàn, người ta có thể thưởng thức và khoe khoang vẻ đẹp của bao kiếm có cần và trang trí ngọc ngà trong khi đó lưỡi kiếm thì có thể quên lãng trong bao. Tuy nhiên trong hoàn cảnh nguy cấp, thanh kiếm có thể được sử dụng để tự vệ và hữu ích hơn bao kiếm nhiều.

Từ ví dụ trên, chúng ta thực sự biết thực hành ăn chay là một điều kiện khó khăn, đặc biệt đối với những ai không nấu ăn giỏi. Ví dụ người tu khó phân biệt được đậu hủ chiên với dầu dừa và đậu hủ chiên với mỡ lợn. Thiên nhiên không có ưu đãi tỉ mỉ của con người giống như thú vật. Nhưng giả sử vị ấy đã có khả năng đặc biệt như vậy, thì vị xuất gia đó sẽ đối diện một số khó khăn, đặc biệt là trong điều kiện giao tế. Chắc chắn điều đó không phù hợp cho bậc xuất gia người thực phẩm nhiều lần khi mình sắp sửa ăn.

---o0o---

14. Người cư sĩ thực hành việc ăn chay

Khác biệt với những người xuất gia, người cư sĩ sẽ không gặp nhiều khó khăn trong việc ăn chay bởi vì họ có thể, chọn lựa và nấu nướng cho chính mình, sử dụng hương vị nào họ muốn. Một khó khăn nữa có thể đương đầu là để ngăn chặn không cho côn trùng rơi vào thực phẩm. Nếu việc này xảy ra, họ sẽ rơi vào tình trạng nghi hoặc bởi vì không có thánh điển nào chứng minh rõ cho người cư sĩ là thực phẩm đó vẫn còn là thực phẩm nguyên chất hay không. Căn cứ trên mặt luận lý, thực phẩm này không thể được coi là thanh tịnh nữa. Tuy nhiên, nếu thực phẩm được cho là món ăn không còn là chay, thì không người nào thành công trong việc thực hành ăn chay thanh tịnh! Có bất cứ thực phẩm nào mà chưa từng bị xác chết của côn trùng làm ô uế hay đụng chạm vào? Câu hỏi này được người tại gia trả lời: Nếu gạo, bột mì và những món khác bị pha tạp với xác chết côn trùng thì được xem là

thực phẩm chay hay không? Nếu rau trái và những sản phẩm nông nghiệp khác có dung chứa sâu bọ, côn trùng hay trứng của nó thì có được cho là thực phẩm chay hay không? Đậu hủ do những người khác cầm tay mà tay người đó vừa mới cầm thịt thì đậu hủ đó còn là thực phẩm chay hay không?

Cho đến nay chưa có tiêu chuẩn nào để giải tỏa sự thắc mắc này. Cho nên sự thành tựu trong việc ăn chay vẫn còn hoài nghi [35].

---o0o---

15. Ăn chay trong thời đại mới

Không có phủ nhận rằng thời đại hôm nay con người cần phải có, và thậm chí bắt buộc phải có những nhu cầu sống cơ bản như quần áo, thực phẩm, chỗ ngủ và thuốc men, được sản xuất ở những nhà máy và được buôn bán ngoài chợ. Hiện nay trong những sản phẩm đó có nhiều loại được làm bằng nguyên liệu lấy từ nguồn gốc động vật. Thậm chí những thứ vật dụng dùng hàng ngày, được phục vụ mọi nơi, cũng không tránh khỏi chúng. Những nhà quan sát học nói rằng kem đánh răng Colgate, xà bông Camay, Palmolive bán ở thị trường Los Angeles, Hoa Kỳ có dung chứa mỡ lợn [35].

Theo quan niệm thực tế này, thời nay người ta có thể ăn chay một cách nghiêm túc được không? Nếu có thể, người ta sẽ đánh răng bằng bột; tắm bằng đá sông thay cho xà bông, hay nói khác hơn là người ta trở về lối sống nguyên thủy. Một lối sống khoan dung hơn, là không biết tới nguyên liệu hay những thành tố của sản phẩm do nhà máy sản xuất. Giá như không có xương động vật vào trong kem đánh răng, xà phòng, nước tương, dầu ăn... nên xem xét các sản phẩm cho phép, không chế tạo bằng bất cứ bộ phận nào của thú vật! Tuy nhiên nếu chọn lối sống này thì nên trả lời câu hỏi: "Cách sống này có thích nghi với tinh thần ăn chay ngày xưa không?"

---o0o---

16. Việc ăn chay hay Bát giới: Một sự lựa chọn tùy duyên

Vì cả hai đều liên quan đến cái ăn, sự ăn chay thì thường nối tiếp với tám giới (Atthasila), giới thứ sáu là không dùng thực phẩm phi thời. Hầu hết những tu sĩ Đại thừa ăn chay mà không gìn giữ giới luật này theo giới luật của hệ Pàli tạng thì điều này sẽ phạm tác ác (paccittiya) [36].

Dường như là hai giới luật đó được xem như là có thể thay đổi cho nhau, hoặc chọn lựa tùy duyên. Theo sự lý giải: "Ai cảm thấy ăn chay thoải mái thì cứ ăn chay, còn ai hoan hỉ giữ giới thứ sáu thì cứ gìn giữ. Dù sao đi nữa cả hai đều có chiều hướng phát huy đức hạnh như được thấy trong pháp của Đức Phật" [37].

Thật sự lời lý luận này không phù hợp với giáo lý chọn truyền của Đức Phật tổ Gotama. Tối thiểu lời lý luận này cũng soi sáng sự ngang bằng giáo lý của Đức Phật và kiến nghị việc không ăn cá, thịt của Devadatta.

Việc đổi chiều ăn chay với điều giới luật thứ sáu của bát giới là một điều không phù hợp, khác với vị trí không chính thống của ăn chay. Tám giới chính thức do Đức Phật Gotama dạy như là phương tiện sinh thiên hoặc thanh tịnh hóa. Cho nên người nào thay thế giới thứ sáu với điều ăn chay là một điều không thận trọng lắm. Chắc chắn còn nhiều người vẫn chưa hiểu giới luật thứ sáu.

Giới luật thật sự không chỉ là quy luật về oai nghi tế hạnh, mà còn là truyền thống tu tập của chư Phật, chư Tỳ khưu và người tại gia cư sĩ nhiều thời đại qua. Sau khi Tỳ khưu phạm, Đức Phật mới cấm giới luật. Tuy nhiên điều đó không có nghĩa là giới luật không được biết đến trong một hình thức nào khác trước đó. Một Tỳ khưu phạm luật chỉ là một động cơ chính để đức Bôn Sư bắt đầu cấm chế chính thức giới luật. Vì lý do trên, chắc chắn không đúng khi quả quyết là những giới luật là do Đức Phật Gotama thiết lập theo ý muốn riêng tư và sở thích của ngài. Như thế, sự sửa đổi giới thứ sáu của bát giới do những nhà tu Đại thừa không những ám chỉ việc tổn hại trong việc hành trì giới này, mà còn có nghĩa đánh mất truyền thống đã được chư Phật chế định!

Người ta quan niệm là lợi ích của giới thứ sáu trong bát giới là chỉ để thực hành việc điều độ trong sự ăn uống, kỳ dư, không còn lợi ích nào khác nữa. Dĩ nhiên cách nói như vậy thì chưa đúng. Ngoài lợi ích tiền bộ tâm linh, gìn giữ giới thứ sáu cũng duy trì sức khỏe tốt. Thực tập giới thứ sáu, cũng được gọi là "nhịn đói với nước trái cây" [38]. Trong danh từ y dược học hiện đại cho biết là hữu ích cho sức khỏe ở nhiều nước đã phát triển: Mỹ, Đức, Thụy Sĩ, Nga.

Viện nghiên cứu y học nổi tiếng thế giới, Karolinska ở thủ đô của Thụy Điển giới thiệu nó như là một phương pháp chữa bệnh có kết quả. Lúc nhịn ăn thân thể không thu nhận protein và mỡ, cho nên nó tiêu đốt và tiêu hóa đi

các tế bào của nó trong quy trình cho là "sự tiêu hóa". Nhờ sự chọn lựa và tiêu hóa đi những tế bào không tốt, già nua hay chết chóc, thân thể tự tổng cận bã và độc tố mà nó đã dung chứa. Bác sĩ Otto Buchinger gọi phương pháp nhịn ăn này là "xả cận bã, đốt cháy rác rến". Trong giai đoạn kiêng ăn, ống dẫn đồ ăn, gan và thận có lẽ hoạt động có kết quả hơn, vì chúng tạm ngưng việc xử lý thực phẩm mới, chỉ còn sự đào thải cận bã và hoán chuyển độc tố loại trừ ra khỏi thân thể. Đồng thời, sự cấu tạo tế bào mới đang gia tăng nhanh không ngại thân thể thiếu protein trong lúc nhịn ăn, bởi vì chất protein trong thân thể là trạng thái sinh động, có lẽ liên hồi tái tổng hợp và tái thực hiện cho các điều kiện khác của thân thể [39].

Một số nhà khoa học hiện nay có thể chứng minh rằng thân thể có thể tiêu hóa, chế tạo và tiếp thu những chất dinh dưỡng có kết quả hơn vào sáng sớm. Do đó, buổi sáng là thời điểm tốt nhất cho loài người, loài thú để ăn (ngoại trừ thú ăn đêm) mà ban đêm là thời điểm tốt nhất cho việc nghỉ ngơi. Cho nên nếu ai ép buộc bao tử, ruột và những cơ quan tiêu hóa khác làm việc cả ngày lẫn đêm thì nguy hại cho thân thể.

---o0o---

17. Ăn chay và sức khỏe

Những lợi ích tôn giáo về việc ăn chay đã được đề cập đến trong những phần trước. Bây giờ chủ đề cuối cùng để thảo luận là ăn chay và kết quả của nó về sức khỏe thân thể. Có một ý kiến cho là ăn chay sẽ có sức khỏe và mạnh mẽ hơn. Tuy nhiên cũng có ý kiến đối lập cho là ăn cá và thịt sẽ mạnh mẽ và khỏe hơn. Ý kiến nào đúng hơn? Không có câu trả lời xác định cho câu hỏi này.

Nói một cách khác, dù ăn chay hay ăn mặn, ăn cách nào có lợi ích cho sức khỏe thì tùy thuộc vào từng cá nhân. Đối với người bị một số bệnh như: dị ứng, căng thẳng thần kinh, bệnh tim... hay người có chất cholesterol cao thì ăn chay (chính xác hơn là ăn kiêng) có thể thật sự lợi ích cho sức khỏe của họ. Tuy nhiên đối với trẻ em ăn chay chắc chắn sẽ cản trở sự phát triển cơ thể của chúng, đặc biệt là sự phát triển bộ não. Dung lượng protein trong những sản phẩm nông nghiệp luôn luôn không thể thay thế nhu cầu protein động vật của cơ thể. Điều đó cũng nên hiểu rằng cá và thịt dung chứa những chất dinh dưỡng ít có trong cây rau hoặc trái, ví dụ vitamin B12. Vitamin B12 không thể sản xuất một cách tổng hợp là có lợi ích cho việc hệ thống và thay đổi những tế bào mới. Ngoài chứng bệnh thiếu máu, không có đủ

vitamin B12 có thể gây nên sự mệt mỏi thần kinh, và thiệt hại bộ não. Những triệu chứng là tê liệt, rối loạn thần kinh và hoang tưởng. Nếu không điều trị sớm, kết quả sẽ là suy giảm tâm thức thường xuyên và bại liệt [40].

Chắc chắn là tuyệt đối không ăn cá thịt dẫn đến việc ảnh hưởng xấu cho sức khỏe. Nếu không, vì sao những hội sức khỏe đề cao thực phẩm cá, thịt và sữa. Một số người ăn chay ở phương Tây cho dùng sữa, trứng và cả cá nước ngọt, e rằng ăn chay quá khe khắc có thể tổn hại cho sức khỏe. Như thế, có thể kết luận là ăn chay chỉ phù hợp cho ai vấp phải một số bệnh nào đó, ai tiêu thụ chất dinh dưỡng quá mức, hay người lao động nhẹ, bởi vì họ không cần thiết nhận nhiều protein động vật hay những chất dinh dưỡng khác có dung chứa từ cá và thịt. Trái lại, trẻ thơ, người kém chất dinh dưỡng hoặc người làm việc nhiều mà sự tiêu thụ chất protein của động vật và những chất bổ khác trong cá, thịt, sữa được đòi hỏi với số lượng lớn, không nên cố ăn chay, ngoại trừ xét thấy có lợi cho sức khỏe.

---o0o---

18. Tóm lược

Sau khi xem xét những lời dạy đã được trình bày trong quyển sách này, bây giờ độc giả có thể trả lời đúng câu hỏi: "Quý vị là người ăn động vật hay thực vật?" Câu trả lời là phải phù hợp với giáo pháp, lời dạy nguyên thủy của Đức Phật, là ăn thế nào cũng được. Người tu chân chính không để mắc mưu trong điều khó xử về ăn chay. Tấm gương thận trọng của Đức Phật là việc hướng dẫn tốt để đối diện cũng như khắc phục những vấn đề ăn chay.

Người tu không nên cho mình là người ăn thịt; dường như mình là người bán hàng cho những nhà sản xuất thực phẩm làm bằng cá, thịt; cố làm giàu có qua việc bán thịt và vô tình biện minh cho việc giết thú lấy thịt bán. Nhưng người tu cũng không nên cho mình là người ăn chay, truyền bá cho việc ăn chay, thu hút người khác sống theo cách sống của mình một cách u mê. Người tu là người có "lối sống độc nhất" trong sự cung ứng điều kiện thực phẩm của mình.

Như vậy để trả lời câu hỏi cho chủ đề của quyển sách này, người tu hành phải nói thẳng thắn: "Tôi không phải là người ăn động vật mà cũng không phải là người ăn thực vật! Tôi là người ăn bất cứ thực phẩm nào phù hợp giáo pháp, lời dạy của bậc giác ngộ".

---o0o---

Lời bạt

Đọc cuốn sách "Vấn đề ẩm thực trong Phật giáo," chúng ta thấy ý nghĩa của sự tu hành là gì? Phương pháp để đạt được cứu cánh (Niết Bàn) của người tu Phật ra sao? Hành giả tu Phật sai mục tiêu lý tưởng sẽ không đạt được kết quả tốt đẹp, công phu hành đạo nó sẽ thành tự đầu độc và di hại đến tư tưởng bản thân và quần chúng.

Cho nên tôi nhận thấy cuốn sách bàn về vấn đề ẩm thực này rất có ý nghĩa thời sự đối với những người mong muốn giạt được đạo hơn là tự hành chánh đạo. Diễn hình như một số tiêu đề mà nội dung cuốn sách đã nêu như:

1. Vấn đề ăn chay, ăn mặn đã có lắm ý tưởng mâu thuẫn nhau. Tu sĩ Phật giáo Nam Tông căn cứ theo luật Phật buộc người xuất gia phải sống bằng thức ăn đi trì bình khát thực. Các tu sĩ không hề dám đề ra những cao kiến trên Phật để canh tân giáo phái. Các tu sĩ không được có của riêng, ngoài tam y và quả bát. Các triết gia Hy Lạp thì đề cao thuyết ăn chay. Ngày nay các tu sĩ Việt Nam phái Bắc Tông cũng đề quyết hạnh ăn chay.

2. Người thì có ý hướng lệch lạc tiếc nuôi theo học thuyết chay lạt và đi xa hơn là khuyên "Nên ăn chay vì nó là yếu tố có được sự thanh tịnh". Họ cho rằng ăn chay sẽ đạt được mục tiêu. Điều này chính là điểm khác nhau với phái Nam Tông. Đức Phật đã thuyết giáo rằng: "Có giới mới có định, có định mới có tuệ."

3. Ăn chay có thay đổi được tánh nết không? Một vị Bồ Tát, Phật có thực hành việc ăn chay không? Ăn chay có đảm bảo sức khỏe cho mọi người không?

Tác giả cuốn sách có nghiên cứu chính chắn, có kết hợp các ngành khoa học xã hội, Tôn giáo học, ngành y học... và được dịch giả Tỳ kheo Thích Thiện Minh phiên dịch khá chính xác, vạch rõ được ý nghĩa của bản chính. Theo tôi vấn đề này hoàn toàn phù hợp với lời Phật dạy là sống nhờ thiên hạ và vì thiên hạ. Tôi rất hy vọng cuốn sách nhỏ bé này sớm ra đời, để phần nào khai thông được những tư tưởng xa lạ phi Phật tánh của một số người chưa hiểu được bản thân phải làm gì để đạt được cứu cánh của người tu Phật.

Tiến sĩ Thái Văn Chải

Chú thích:

[1] Theo quyển "Bách Khoa Thế Giới", phần Tổ chức kinh doanh, Chicago

[2] John Blofeld là tác giả viết kinh điển Phật Giáo Đại Thừa nổi danh, dường như ông đã xem thường sự kiện lịch sử trong khi đó ông đã tuyên bố sai lầm: "Những quyển sách cổ ở Ấn Độ cho thấy rằng việc ăn chay không được biết đến trong suốt thời gian Phật giáo truyền bá trên đất nước này". Chính những nhà học giả Ấn Độ giáo thừa nhận rằng ăn chay cũng được tìm thấy từ Phật giáo.

[3] So sánh điều này với lời dạy của kinh thánh trong Matthew XV, 10-19 có đoạn như sau: "Không có thứ gì ăn vào hay nhả ra mà làm cho người ta nhơ bẩn, nhưng con người nhơ bẩn là vì ác ý, sát hại, tà dâm, gian tham, trộm cắp..."

[4] Điều quan trọng để hiểu là thuật ngữ "vanijja" trong ngữ cảnh này chỉ liên quan đến hành động buôn bán, chứ không liên quan đến việc mua sắm.

[5] Bị vô minh áp chế và vì nhân duyên cũng như những cá tính tự nhiên; loài thú không thể nâng cao sự tiến bộ, phát huy sự hiểu biết hoặc làm tăng trưởng tính khôn ngoan được.

[6] "Người Phật tử tin gì?", Kuala Lumpur. Hội truyền bá Phật giáo, năm 1973, trang 78.

[7] Luật Đại Thừa của Tỳ khưu Yen Kiat, xuất bản năm 1960, trang 60.

[8] Kinh Lăng Nghiêm (Surangamasutra) do Charles Luk dịch, London ấn hành năm 1966, trang 153.

[9] Kinh Lăng Già (Lankavatarasutra) do Daisetz Teitaro Suzuki dịch, London ấn hành năm 1973, trang 211-221

[10] Luật Đại Thừa (Mahàyanavinaya) do Tỳ khưu Yen Kiat biên soạn, Bangkok ấn hành năm 1960, trang 60.

[11] Trường Bộ, Trung Bộ, Tương Ưng Tăng Chi, Tiểu bộ kinh.

[12] Trường A Hàm, Trung A Hàm, Kinh Tạp A Hàm, Tăng Nhất A Hàm (Dirghagama, madhyamagama, Samyuktagama, Ekotta-rikagama)

[13] Giới luật của Tỳ khru, do Charles Si Prebish, New York ấn hành năm 1975, trang 80.

[14] Giới này so sánh với Giới Bốn của Trường Lão Bộ đã được công bố nó tương đương điều thứ bốn mươi trong Giới Bốn của nền tảng Nhất Thiết Hữu Bộ.

[15] Trong phân biệt kinh "Suttavibhanga" (Luật tạng Vinaya pitaka) có nói đến Trường Lão A La Hán Tỳ khru Ni Uppalavanna đã cúng dường bữa ăn nấu bằng thịt cho Đức Phật Gotama.

[16] Kinh Quán Tưởng, Bangkok ấn hành năm 1975, trang 263.

[17] Người Trung Hoa tin rằng linh hồn của người chết còn quanh quẩn trong nhà của họ nhiều ngày trước khi đi tái sinh. Trái lại với niềm tin này, kinh điển A Tỳ Đàm (Abhidhamma) giải thích rằng ngay khi tâm tử (cuti - citta) là tâm tái sinh (patisandhi citta).

[18] Paramatthajotika được biên soạn do Phra Saddhammajotika, Bangkok ấn hành, Phật lịch 2526 và quyển Abhidhammattha-sangaha do Vannasiddhi tóm lược, Bangkok ấn hành, Phật lịch 2530.

[19] Xem lại WFB, tập 21, bài số 1, từ tháng giêng đến tháng 5, năm 1984, trang 83.

[20] Đèn cầy cao cấp có chứa chất mỡ.

[21] Trong quyển kinh Lăng Già, ngay cả mật ong thì cũng được xem là thực phẩm thích hợp cho những người tu theo Đại Thừa.

[22] Thậm chí có những người ăn chay được biết họ thành lập cơ sở sản xuất dây nịt da hoặc hãng xưởng làm giày. Có lẽ họ quan niệm rằng chỉ không ăn cá thịt thì đủ để tha tội cho họ từ tội giết hàng loạt loài thú vô tội.

[23] Nguồn tài liệu này là của Ngài Pannavaro

[24] Thuật ngữ này cũng được thấy trong quyển Mi Tiên vấn đáp (Milinda panha) - kinh điển Pàli có nêu chi tiết cuộc tranh luận giữa Vua Milinda và Đại đức Nagasena.

[25] Trong kinh Đại Níp Bàn và kinh Mi Tiên vấn đáp, giáo sư Rhys Davids đã dịch thuật ngữ này là thịt heo mềm. Nhưng I.B.Horner trong bản dịch Mi Tiên vấn đáp của bà thì thuật ngữ này được dịch là "nấm đen ăn được".

[26] Trong kinh điển Trung Hoa thuật ngữ này được dịch là loài nấm.

[27] Ông là nhà chú giải kinh điển Pàli nổi tiếng sống khoảng thế kỷ thứ V sau Tây lịch.

[28] Chú giải kinh tạng Pàli xưa và quan trọng nhất được ghi lại ở Tích Lan là do công lao của Ngài Malinda, con trai vua Asoka.

[29] Tam Tạng kinh điển Tích Lan, thuật ngữ này được duy trì trong hình thức Nguyên thủy, không có dịch ra.

[30] Nhà chú giải nói rằng thiện nam Cunda đã đạt được đạo quả Tu Đà Hườn.

[31] Trong quyển Bách Khoa Thế Giới, người ta viết rằng chỉ có những nhà sinh vật học thì mới tỉ mỉ và nghiêm nhặt để phân biệt giữa loài nấm có độc và không độc. Thực tế cho thấy là nấm ăn được đôi khi tương tự với nấm không ăn được ở hình dáng, mùi vị và màu sắc.

[32] Hầu hết các loài nấm người ta cho biết là: hơn 90% là nước, dưới 30% là chất protein, dưới 5% là chất carbohydrate, dưới 1% là chất béo và khoảng 1% là chất khoáng cũng như Vitamin.

[33] Giả sử là Sukara-maddava có chứa chất độc, nhân gây bệnh tật hay cái chết của Đức Phật, thì chắc chắn bát cơm đó sẽ không được công bố là sự cúng dường có nhiều phước báu tương đương với nài Sujata cúng dường bữa ăn trước khi Ngài thành đạo.

[34] Ở Thái Lan, có vị lãnh tụ giáo phái tà đạo "Santi Asoke" tên là Bodhiraksa, ông thích phê bình ai ăn cá thịt thì người đó sẽ giống như dạ xoa (yakkha), ma quỷ (mara).

[35] Tạp chí Tempo hàng tuần, số 41, năm thứ 15, ra ngày 7.11.1985

[36] Ở kinh Ba La Đề Mộc Xoa của tạng Sanskrit, những người theo Bộ phái Đại Chúng Bộ (Mahasanghika) thì vẫn còn gìn giữ giới luật này.

[37] U. Tedjo Joewono trong nhan đề "thực phẩm" ở tạp chí Svaradhamma, số 9 từ tháng 10 đến tháng 11, năm 1985.

[38] Phương cách ăn nọ của Phật giáo có thể so sánh với phương pháp "nhịn ăn với nước trái cây" do những nhà khoa học giới thiệu. Các vị Tỳ khưu được Đức Phật cho phép dùng nước trái cây sau giờ nọ vì nước trái cây có lượng vitamin cần thiết cho cơ thể hàng ngày. Cách ăn này thì lợi ích và tốt hơn đối với việc "nhịn ăn hoàn toàn" như đã luyện tập bởi một số tôn giáo khác mà thậm chí họ còn ngăn cấm uống nước nữa.

[39] Thông tin này đã bắt nguồn từ "việc nhịn ăn với nước trái cây: phương pháp quan trọng đối với sức khỏe và tuổi thọ" trong quyển sách "How to get well", một cuốn sách đã bán chạy nhất do Tiên sĩ Paavo Airola viết.

[40] Trong quyển sách hàng năm nói về chất dinh dưỡng do John D. Kirschmann, Lavon J. Dunne, Hoa kỳ ấn hành năm 1984.

---o0o---

Phụ đính

DĨ KINH CHỨNG KINH

Vấn đề ăn chay

"Ce qui nous rend impurs, ce n'est pas manger de viande, mais c'est la haine l'intempe'rance, l'entêtement, la bigoterie, la fourberie, l'envie, l'orgueil, la complaisance pour les hommes injustes"- PIERRE SALET (L.S.P.P, tr. 52)

Phi lộ

Gần đây thấy trên trang Thư Viện Hoa Sen [*], mạng Internet, có những bài phê bình TT Giác Chánh về bài viết "Lời giới thiệu" quyển "Vấn đề ẩm thực trong Phật giáo", chúng tôi Phật tử nhóm Phù Sa phân vân xin tra lại kinh

sách để tham khảo vấn đề nói trên một cách thực tiễn như tục ngữ có câu: "Nói có sách mách có chứng" và để tránh cái lỗi: "Ly kinh nhứt tự tiện đồng ma thuyết".

Mong rằng việc làm này sẽ đem lại lợi ích cho Phật tử trong và ngoài nước hiện tại cũng như tương lai, mà các bậc tiền bối đã bỏ không biết bao công sức để làm cho Phật pháp tồn tại đến thế hệ chúng ta.

MONG THAY

Nhóm Phật tử Phù Sa

tháng 9-2001

[*] Cung Đình Hương, Chơn Chánh, Liên Tâm của thư viện điện tử Hoa Sen ở Mỹ.

---o0o---

TRA LẠI KINH SÁCH: TRAI VÀ CHAY

Lương Khải Siêu có nói: "Ta có mắt để thấy, có tai để nghe, có trí để suy nghĩ, đối với cổ nhân, có lúc ta kính như thầy, có lúc ta trọng như bạn, có lúc ta cũng coi thường, ta quyết vì chơn lý chớ không làm nô lệ cho cổ nhơn".

Cổ Đức cũng có nhắc nhở chúng ta: "Kim nhơn khán cổ giáo, vị miển tâm trung não, dục miển tâm trung não, ưng tu khán cổ giáo (Người đời nay xem sách giáo lý đời xưa, không khỏi tâm bị rúng động, nhưng muốn tâm khỏi rúng động, thì nên xem lại sách giáo lý đời xưa)".

Vậy chúng ta thử phối kiểm các kinh sách Phật giáo đã được ghi chép, dịch giải, biên soạn trong và ngoài nước coi ra sao?

Quyển "Lịch sử Phật pháp" của Hòa thượng Hộ Tông trích dịch, ấn hành 1954, trang 52 - 54 ghi rằng:

Trích trong "Phật học tự điển"

- Trai hựu tác thời: Chũ trai lại là thời.
- Trai thực, thời thực giả: Ăn trai là ăn đúng giờ vậy.
- Trai giả vị bất quá trung thực: Trai ấy, nói là sự ăn không quá ngộ.

- Chánh ngộ dĩ tiền sở tác chi thực sự giả: Đúng ngộ về trước là thời điểm việc ăn vậy.
- Giới luật thượng: Trên giới luật.
- Ư thực phân thời, phi thời: Nơi sự ăn, chia giờ và chẳng phải giờ.
- Chánh ngộ dĩ tiền vi chánh thời: Đúng ngộ về trước là đúng thời.
- Dĩ hậu vi phi thời: Về sau là chẳng phải thời.
- Thời già nghi thực: Đúng thời nên ăn.
- Phi thời già bất nghi thực: Sái giờ chẳng nên ăn.
- Nhon đi thời trung chi thực vi trai thực: Nhon đó sự ăn trong giờ là ăn trai.
- Từ điển viết: Từ điển nói.
- Trai: Giới giả, kính già: Trai là giới vậy, kính vậy.
- Thị thông ư nhất thiết: nghĩa suốt tất cả nơi.
- Phạm danh Ô-Bô-Sa-Tha: Tiếng Phạm là Uposatha.
- Hựu viết bồ tác: Lại gọi là Bồ Tác.
- Thuyết thức giả: Nói cho biết.
- Thanh tịnh chi nghĩa: Nghĩa là trong sạch.
- Hậu chuyên viết trai viết thời: Sau đổi, nói trai là thời.
- Chánh chỉ bất quá trung thực chi pháp: Ý chính là nói phép ăn không quá ngộ.
- Thủ chi viết trì trai: Vâng giữ như vậy gọi là trì trai.
- Thị vi trai chi bản nghĩa: Thật là nghĩa gốc chữ trai.
- Nhiên hậu hựu nhứt chuyên nhi vi bất vi nhục thực: Về sau đổi lại tất cả là không ăn thịt.
- Thử nhơn Đại thừa giáo chi bản ý: Đó là do bản ý của Đại thừa giáo.
- Chí trọng cấm nhục thực: Rất nặng về sự cấm ăn thịt.
- Toại viết trì trai già, cấm nhục thực già: Bèn gọi là người trì trai vậy, là cấm ăn thịt vậy.
- Tinh tấn vân già, duy bất nhục thực chi sự giả: Nói rằng tinh tấn chỉ là việc không ăn thịt vậy.

---o0o---

1. PHẬT GIÁO VÀ SỰ ĂN CHAY

Quyển "Đức Phật lịch sử" nguyên tác: H.W. SCHUMANN, việt dịch: Trần Phương Lan, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành 1997, trang 243 - 245 ghi rằng:

Vị y sĩ hỏi Đức Phật về thái độ của Ngài đối với việc sát sinh và cách dùng thực phẩm toàn rau quả (trường trai):

- "Bạch Thế tôn! Con nghe nói rằng nhiều súc vật bị giết vì Ngài, và Ngài dùng món thịt đặc biệt dành để cúng dường Ngài, có đúng vậy chăng?"

- Này Jivaka! Bất cứ ai nói như vậy là không nói sự thật. Đúng ra, Ta nói rằng thịt không được nhận làm món khát thực trong 3 trường hợp nếu ta thấy, nghe và nghi (con vật ấy bị giết vì vị Tỳ kheo này) song nếu không phải các trường hợp trên thì vị Tỳ kheo có thể thọ dụng món thịt.

Nếu một vị Tỳ kheo đi khát thực trong thôn xóm hay thị trấn với tâm từ (Mettà) biến mãn khắp mọi chúng sanh và một gia chủ mời vị ấy thọ thực ngày mai, vị ấy có thể nhận lời. Nhưng trong lúc vị ấy đang thọ thực ngày hôm sau tại nhà kia, vị ấy không nên nghĩ là vẫn ước mong được mời một bữa cao lương mỹ vị như vậy thêm lần nữa. Vị ấy nên thọ dụng món khát thực mà không tham đắm lạc thú ẩm thực. Này Jivaka! Ông có nghĩ rằng một Tỳ kheo làm như vậy là tự hại mình và hại người khác không?

- Thưa không, bạch Thế tôn!

- Này Jivaka! Nếu ông nói đến sự cố ý tận diệt của Ta thì điều đó chỉ đúng theo ý nghĩa duy nhất này: "Ta đã đoạn diệt tham, sân, si ở trong Ta khiến cho chúng không thể sanh khởi được nữa trong tương lai. Bất cứ kẻ nào sát sanh vì Ta hay một đệ tử của Ta sẽ phạm một ác nghiệp gồm có 5 phần, đó là dẫn con vật đi, hành hạ nó (lúc lôi kéo), giết chết nó và do vậy hành hạ nó thêm lần nữa và cuối cùng là cúng dường Ta và đệ tử Ta không đúng chánh pháp". (MN. 55 lượt thuật). [*]

[*] Trung bộ số 55, kinh Jivaka (Bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu

---o0o---

2. LỤC TỔ HUỆ NĂNG VÀ SỰ ĂN CHAY

Quyển "Pháp bảo đàn kinh" do Ngài Linh Thao (Pháp Hải) ghi lại bằng Hán văn, Hòa thượng Thích Nhật Long dịch nghĩa và phụ chú ấn hành 1970, trang 38 - 39 ghi rằng:

Chánh văn "Hậu huệ năng chí Tào Khê, hựu bị ác nhơn tâm trục nãi u Tứ hội tị nạn lập nhơn đội trung, phạm kinh thập tải, thời giữ lập nhơn tùy nghi thuyết pháp. Lập nhơn thường linh thủ võng, mỗi kiến sanh nạng tận phóng chi, mỗi chí phạm thời dĩ thể ký chữ nhục oa, hoặc vấn đối viết: Đản khiết nhục biến thể".

Dịch nghĩa:

Huệ Năng sau đến Tào Khê lại bị bọn người ác tâm theo, bèn đến Tứ hội lánh nạn trong đội thợ săn, trải qua 15 năm, có khi tùy phương tiện nói Pháp cho bọn thợ săn nghe. Thợ săn thường sai tổ giữ lưới, mỗi khi thấy thú mắc lưới tìm cách thả, khi đến bữa ăn thời hái rau luộc chung trong nồi thịt có ai hỏi thì nói: "Tôi ưa ăn thịt thắm trong rau".

Phụ chú:

15 năm ẩn trong bọn thợ săn Tổ tùy phương tiện thuyết pháp dạy cho người cải một ít ác theo một ít thiện, chớ chưa đủ cơ duyên lập Tông. Lén mở thả thú là lòng từ nặng hơn chữ tín. Sợ người biết truy tâm nên phương tiện luộc rau trong nồi thịt ăn, thế mà có người hỏi lại nói khéo, vì ưa ăn thịt thắm trong rau, chớ không nói ăn chay theo đạo Phật. Đời sau có người không hiểu lại nói Tổ không cần ăn chay.

Học theo Tổ đến đoạn này chúng ta mới thấy vấn đề ăn chay: Nhiều người lầm ăn chay theo tư tưởng của thuyết nào đó dạy ăn chay để luyện tâm cho nhẹ biết bay biết biến hóa chi đó! Cho nên họ ăn chay rất kỹ, kỹ là sao? - Họ sợ hôi tanh thịt cá. Vì thế bắt đầu ăn chay một ít ngày gì đó, họ kỹ lưỡng và khó khăn làm sao! Rầy con mẫn cháu: Không lo sắm nồi sạch chén mới, đùa tinh cho họ ăn mau thành? Ăn chay mà lầm như vậy cho nên có nhiều người ăn chay rất nhiều ngày, ăn chay trường nữa, nhưng họ dám hà lạm, gian manh, sát hại cho có lợi lấy tiền sắm đồ ăn chay. Ăn chay mà việc làm cũng vẫn vô nhân, vô nghĩa, chửi rủa, mắng nhiếc, sát hại thì bảo sao người ta chẳng mỉa mai:

"Si mê nghiệp chướng không chừa,
Bo bo mà giữ tương dưa ích gì "

Theo ý Tổ ăn chay là vì lòng từ bi: Thương người, thương vật, không nở vì miếng ăn mà lòng gạt gian manh, tham lam, lòng gạt của người; không nở

nhấn tâm sát hại sanh mạng hay ầm ý xúi giục người sát hại cho mình ăn. Tổ ăn chay không phải sợ hay chê hôi tanh thịt cá, cũng không để luyện xác thân, mà ăn chay vì lòng từ bi bao la cao cả thương người thương vật.

Đây là Tổ sư giòng thiền Tào Khê Trung Quốc cũng không quá cố chấp tập quán ăn chay.

---o0o---

3. TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ VÀ SỰ ĂN CHAY

Quyển "Lịch sử Phật giáo Việt Nam" do Minh Chi - Lý kim Hoa - Hà thúc Minh - Hà văn Tân - Nguyễn tài Thư biên soạn. Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam Viện Triết Học ấn hành. Nhà xuất bản khoa học xã hội Hà nội - 1991, trang 256 - 258 ghi rằng:

"Hãy sống hòa vào đời, không làm trái quy luật tự nhiên đó là nguyên tắc sống của Tuệ trung thượng sĩ. Trần Nhân Tông đã từng viết về Tuệ trung: "Hôn tục hòa quang, dữ vật vị thường xúc ngộ" [*] (Sống chung cùng đời tục, hòa ánh trong bụi bặm, đối với mọi vật chưa từng xúc phạm hay làm trái ngược). Lời nhận xét của người học trò về người thầy của mình thật chính xác.

[*] Trong bài Thượng sĩ hành trạng

Thật dễ hiểu, khi từ nguyên tắc sống theo quy luật tự nhiên, Tuệ trung bác bỏ việc ăn chay, trì giới. Các bài kệ sau nói lên rất rõ quan điểm này:

Khiết thảo dữ khiết nhục
Chúng sinh các sở thuộc
Xuân lai bách thảo sinh
Hà xứ kiến tội phúc
Trì giới kiêm nhân nhục
Chiêu tội bất chiêu phúc
Dục tri vô tội phúc
Phi trì giới nhân nhục
Nhu nhân thượng thụ thì
An trung tự cầu nguy
Nhu nhân bất thượng thụ

Phong nguyệt hà sở vi.

Ý bài kệ thật rõ ràng: Ăn cỏ hay ăn thịt là các loài khác nhau của sinh vật. Điều đó cũng tự nhiên như mùa xuân đến thì cây cỏ mọc lên. Như vậy, sao lại coi là tội hay phúc trong việc ăn cỏ hay ăn thịt được. Trì giới (giữ điều răn) và nhẫn nhục chỉ đem lại tội chứ không đem lại phúc. Phải biết rằng tội và phúc đâu ở chỗ trì giới và nhẫn nhục. Giữ gìn, chịu đựng như vậy cũng giống như người trèo lên cây, đang ở dưới đất yên ổn lại đi tìm cái nguy hiểm, nếu không trèo lên cây thì dù có gió lay nữa cũng chẳng việc gì!

Trì giới (Sila) và nhẫn nhục (Khanti) là 2 điểm quan trọng trong hạnh lục độ của Phật giáo, thế mà Tuệ trung đã gạt bỏ một cách táo bạo.

Sống theo qui luật nên không sợ quy luật và tìm được tự do"

Đây là Tổ sư giòng thiền Trúc lâm Việt Nam cũng không quá cố chấp tập quán ăn chay.

---o0o---

4. TAM TẠNG PÀLI VÀ SỰ ĂN CHAY

Quyển "Kinh Tiểu bộ" tập I (số thứ tự 28) Việt dịch: Hòa thượng Thích Minh Châu. Nhà xuất bản TPHCM ấn hành 1999, trang 542 - 547 ghi rằng:

(II) KINH HÔI THỐI (Amagandha) (Sn. 42)

Bà la môn:

239. "Các bậc thiện chơn chánh
Ăn hạt giống cây thuốc
Ăn đậu đũa, đậu rừng
Ăn lá, ăn rễ cây
Ăn trái các dây leo
Nhận được thật đúng Pháp
Vị ấy không nói láo
Vì các dục thúc đẩy.

240. Ôi Ngài Kassapa

Ai ăn các món ăn
Do người khác bố thí
Khéo làm khéo chưng dọn
Trong sạch và thù thắng
Ăn lúa gạo thơm ngon
Ai ăn uống như vậy
Là ăn thịt hôi thối.

241. Này Bà con Phạm thiên
Chính Ngài tuyên bố rằng:
Ta không ăn đồ thối
Để nuôi sống thân ta
Nhưng Ngài ăn món ăn
Bằng lúa gạo thơm ngon
Ăn thịt các loài chim
Nấu ăn thật khéo léo
Ta hỏi Kassapa:
Ý nghĩa sự kiện này
Ngài định nghĩa thế nào
Là ăn đồ hôi thối!

Đức Phật Kassapa:
242. Sát sanh và hành hình
Đã thương và bắt trói
Trộm cắp và nói láo
Man trá và lừa đảo
Giả bộ kẻ học thức
Đi lại với vợ người
Đây là đồ ăn thối
Ăn thịt không phải thối.

243. Ở đời các hạng người
Không chế ngự lòng dục
Đam mê các vị ngon
Liên hệ đến bất tịnh
Theo chủ nghĩa hư vô
Bất chánh khó hướng dẫn
Đây là đồ ăn thối
Ăn thịt không phải thối.

244. Ai thô bạo đã man
Sau lưng nói dèm pha
Phản bạn không từ bi
Lại cống cao ngạo mạn
Tánh không có bố thí
Không cho ai vật gì
Đây là ăn đồ thối
Ăn thịt không phải thối.

245. Phần nộ và kiêu mạn
Cứng đầu và chống đối
Man trá và tật đố
Nói vô ích, huênh hoang
Ngã mạn và quá mạn
Thân mật với kẻ ác
Đây là ăn đồ thối
Ăn thịt không phải thối.

246. Ác giới, nợ không trả
Làm người điếm chỉ viên
Làm những nghề dối trá
Ở đây, kẻ giả vờ
Ở đây, người bần tiện
Những người làm ác nghiệp
Đây là ăn đồ thối
Ăn thịt không phải thối.

247. Ở đời, đôi hữu tình
Người không biết kiềm chế
Lấy cướp sở hữu người
Chú tâm làm hại người
Ác giới và tàn nhẫn
Ác ngữ, thiếu lễ độ
Đây là ăn đồ thối
Ăn thịt không phải thối.

248. Hạng tham ô, thù nghịch
Tìm cách để sát hại
Luôn luôn hướng về ác
Sau chết, sanh tối tăm

Chúng sanh ấy rơi vào
Địa ngục đầu xuống trước
Đây là ăn đồ thối
Ăn thịt không phải thối.

249. Không phải do cá thịt
Cùng các loại nhịn ăn
Không phải do lửa thể
Đầu trọc và bện tóc
Không do tro trét mình
Mặc da thú khô cứng
Không phải do sần sóc
Nuôi dưỡng và tế tự
Không do nhiều khổ hạnh
Để được chứng bất tử
Không bùa chú cúng tế
Các tế đàn thời tiết
Làm con người trong sạch
Nếu nghi hoặc chưa đoạn.

250. Do sống hộ trì căn
Với các căn nhiếp phục
Vững trú trên chánh pháp
Thích chân trực, hiền hòa
Vượt khỏi các tham ái
Đoạn tận mọi khổ đau
Bậc trí không nhiễm dính
Điều được thấy, được nghe.

251. Nhiều lần, Thế tôn thuyết
Ý nghĩa lời dạy này
Bậc bác học kệ chú
Thâm hiểu ý nghĩ ấy
Bậc ẩn sĩ nói lên
Với những kệ tuyệt diệu
Bậc không ăn đồ thối
Độc lập khó hướng dẫn.

252. Nghe xong những lời dạy
Lời Thế tôn khéo nói

Chấm dứt ăn đồ thối
Đoạn tận mọi khổ đau
Vị ấy đánh lễ Phật
Với tâm ý nhún nhường
Thỉnh cầu được cho phép
Xuất gia tại nơi đây".

Đây là vấn đề ăn chay không phải là một trong tám muôn bốn ngàn pháp môn của Đức Phật Gotama mà chỉ là "Giáo ngoại biệt truyền" thôi!

(Thuật ngữ pháp môn dịch từ chữ Dhammakhandha, nếu dịch sát văn là Pháp uẩn nghĩa là nhóm pháp, đoạn văn, căn cứ vào kỳ kết tập Tam Tạng lần thứ 3: Tạng kinh có hai muôn một ngàn Dhammakhandha; Tạng Luật có hai muôn một ngàn Dhammakhandha; và Tạng Adhidhamma có bốn muôn hai ngàn Dhammakhandha, cộng chung Tam Tạng (Tipitaka) có đến 84.000 Dhammakhandha hay pháp môn).

---o0o---

5. CƯ SĨ TRÙNG QUANG VÀ SỰ ĂN CHAY

Quyển "Chọn đường tu Phật" của cư sĩ Trùng Quang ấn hành 1955. tập II, trang 21 - 29 ghi rằng:

"Tân Tiến trọng chay khinh giới, Bảo Thủ trọng giới khinh chay. Phật tử trong 2 phái nên tạm gác các thành kiến một bên, dùng óc sáng suốt, lắng xét phải quấy trong 2 phương hướng đối chọi, để cải thiện thể thức tu hành cho hợp lý".

VỀ PHÂN ĂN CHAY

- Sự ăn chay phát xuất từ Ấn Độ, do 2 nguồn gốc:

1. Tập quán dùng lê hoát của người Ấn Độ thuộc dòng Bà la môn, chiếm độc quyền làm trung gian giữa thần Ba la ma và 3 giai cấp dưới (võ sĩ, thương gia, nô lệ) trong việc cầu đảo cùng tế.
2. Lời thỉnh cầu của Devadatta (Đề bà đạt đa) đệ lên xin Phật Gotama bắt buộc các thầy Tỳ khuru trong Phật giáo ăn toàn đồ lê hoát trọn đời [1]. Phật

Gotama không phê chuẩn, nhưng để cho tín đồ tùy thích dâng cúng bố thí [2].

[1] Đề bà đạt đa xin Phật bắt buộc các thầy Tỳ khuru trọn đời : Phải ở nơi rừng, khát thực nuôi mạng sống, ăn chay trường, mặc y phục làm bằng vải dơ lượm nơi tha ma mộ địa, ở dưới cội cây. Vì thấy thói đời quý trọng những khổ hạnh, Đề bà đạt đa muốn lợi dụng tâm lý ấy, để tranh ngôi Giáo chủ với Phật

[2] Vì đây là cách thức nuôi mạng chẳng phải phương pháp trau dồi thân khẩu.

Sự ăn chay của dòng Bà la môn là một qui luật lưu truyền từ thượng cổ, nên họ coi như là một thói thường, không có tính cách quan trọng. Đề nghị của Đề bà đạt đa dựa theo tục lệ trên để chứng tỏ rằng người tu trong Phật giáo cũng thuộc dòng cao thượng như Bà la môn [3].

[3] Phật thường nói người cao quý, do lòng cao quý, chẳng phải vì dòng cao quý

Một số đông đệ tử của Phật là người thuộc dòng Bà la môn. Ngoại trừ những bậc đắc đạo quả và những người xin nhập môn với chí nguyện giải thoát, có nhiều hạng giả dạng tu hành để tìm cách tái lập uy tín của đạo Bà la môn, hoặc để nuôi mạng, trong khi đạo giáo của họ bị dân chúng phế bỏ. Các hạng Tỳ khuru không có mục đích chơn chánh ấy, tạm thời buộc lòng ở nơi hệ thống Tăng già, nhưng lòng họ vẫn không khâm phục Phật Gotama, hằng chờ cơ hội gieo mầm móng của đạo họ trong tư tưởng tứ chúng, hầu ngày kia lật đổ Phật giáo, như đã giải nơi chương Lịch Sử (quyển I). Chính các thầy Bà la môn trá hình nói trên đã làm hậu thuẫn cho Đề bà đạt đa khuấy nhiễu Phật nhiều khi, và cũng chính họ đem thuyết ăn chay thay thế cho giới luật Tân tiến sau này, khi Phật Gotama tịch diệt.

Một thói quen muôn phần dễ dàng hơn giới luật nghiêm khắc, ai lại không hoan nghinh. Với cái khẩu hiệu "Ăn chay để cứu sát sanh và nuôi lòng từ bi đối với muôn loài vạn vật" ai lại không mê thích. Nhưng có mấy ai biết rằng, mỗi khi cúng tế thần, các thầy Bà la môn giết bao nhiêu sanh vật như trù, dê, trâu, bò và đồng nam, đồng nữ, mà không gớm tay. Thầy Huyền trang, khi qua Ấn Độ thỉnh kinh, cũng suýt bị họ làm thịt cúng thần Durgà, tại Prayàga (hiện giờ là Allahabad) trên sông Găng.

Người Bà la môn từ già đến trẻ cả vợ lẫn chồng, đều ăn chay, mà lòng họ mấy chay? Ta nên biết rằng lòng từ bi cũng như tinh thần siêu việt, không phải ở trong chỗ "ăn". Nói cho rõ hơn, cái ăn chẳng phải phương pháp rửa tâm.

Tâm tối mê ví như nước đục, dùng lê hoát lỏng cho nước trong, nước không bao giờ trong được. Tâm là vật vô hình, thân khẩu là chỗ của tâm biểu hiện. Không dùng giới luật để câu thúc thân khẩu, biết tâm đâu mà chế ngự? Vì đó mà Phật Gotama đặt ra những điều răn cấm để cho chúng ta kèm chế thân khẩu, hầu sửa trị tâm, không cho tâm tự do hành động, nhất là duyên theo điều ác.

Như ta đã thấy, trong phương diện nào các thầy tu Tân tiến cũng muốn tỏ ra rằng họ giỏi hơn Phật. Thử hỏi người tu Phật chơn chánh, muốn tìm đường giải thoát, nghĩ thế nào? Đại thừa Phật giáo mà chúng ta hấp thụ từ Ấn Độ, Trung Hoa, Cao ly, Nhật Bản hiện giờ ở trong tình trạng nào? Chúng ta có nên đeo đuổi theo tập quán "bỏ giới chấp chay" không?

Theo tục lệ xưa nay, cư sĩ chúng ta có 4 cách ăn chay: 2 ngày, 6 ngày, 10 ngày và trường chay. Bậc xuất gia, lễ thì trường chay, nhưng có nhiều thầy cũng giữ 2 ngày, 6 ngày, 10 ngày như cư sĩ.

Không có thói quen như người Bà la môn nên chúng ta xem sự ăn chay như một việc quan trọng đặc biệt. Gặp nhau, muốn biết ai tu cao, tu thấp người ta thường gởi chuyện ông hay bà ăn chay mấy ngày trong tháng? Đây là cái hãnh diện mà người Phật tử Việt Nam hay bộc lộ trong câu chuyện hàn huyên, làm cho mất vẻ lịch sự và thương tổn đức tánh khiêm tốn của con nhà Phật.

Ngoại trừ những người có khẩn vái để cầu xin một ân huệ chi, hoặc những người bị bệnh phải kiêng cử đồ mặn, hàng Phật tử lấy sự ăn chay làm thước đo lường trình độ tiến hóa trong việc tu hành. Ngày ăn chay một ngày là một ngày lành, bởi trong ngày ấy ai ai cũng cố gắng kiêng cử điều ác. Kiêng cử là tạm ngưng, chớ không phải dứt bỏ, để ngày mai tiếp tục lại đường lối cũ.

Người có tâm đạo, nhất là các cụ ông, cụ bà, hết sức kỹ lưỡng trong món ăn. Bếp núc, nồi nê, chén bác đều để riêng biệt, không ai được phép trộn lộn với đồ dùng mặn. Cách kiêng cử tinh nghiêm như thế ấy thật là hoàn toàn. Nhưng đôi khi, vì quá tin lời truyền dạy của thầy tổ, các cụ phải chứng minh cho người cắt cổ gà, vịt hoặc thọc huyết heo trong ngày đơm quẩy. Để chi?

Đề tụng bảy biến vãng sanh cầu siêu cho những con vật bị giết. Thầy tổ đã có nói rằng hạ trâu ngựa bò để báo hiếu, hoặc cúng thần linh thì không có tội lỗi chi cả. Chính đây là phong tục của Bà la môn giáo [*]. Tin rằng giết thú để cúng thần, đã không tội lại còn có phước, các thầy Tân tiến đã sửa luật nhân quả của Phật dạy, theo tín ngưỡng của Bà la môn.

[*] Quyển "Phật học từ điển" của ông Đoàn trung Còn, tập nhì, in kỳ đầu 1967, trang 728 ghi rằng: "Nhà tu Phật chẳng những không nên sát, mà còn đem lòng từ bi mà tha thứ, mà cứu độ, mà phóng sanh. Tuy vậy, có khi Phật tử phải sát, mà không có tội, chẳng bị đọa lại còn được thêm công đức. Tỷ như có những kẻ ác tâm hủy phá chùa chiền, Phật tượng, hành hạ chư Phật tử trước mặt mình, mình vì ủng hộ Tam bảo nên buộc lòng phải sát, nhưng sát mà chẳng có ác tâm" - Ôi lòng từ bi của chủ nghĩa ăn chay thật tuyệt diệu !

Chọn lý chỗ nào? Từ cái mâu thuẫn này, chúng ta bị dẫn dắt đến cái mâu thuẫn khác, mà chúng ta vẫn thản nhiên không quan tâm suy xét.

Đây là "Không chê đồ chay, nhưng không chấp nhận thành kiến ăn chay" nếu quả có sự kiện ấy thật?!

---o0o---

VỀ PHẢN GIỚI LUẬT

* Bây giờ xin hỏi người giữ ngũ giới có nên ăn chay không?

- Ăn thì quý lắm, nhưng chớ nên cố chấp đó là đồ chay, mà không ăn cũng không sao.

* Vậy thì chỗ nào gọi là cử sát sanh?

- Tự mình không giết, không xúi biểu kẻ khác giết, không nghe, không thấy người ta giết cho mình ăn.

* Chớ người ta giết cho mình ăn, mặc dầu không xúi biểu, cũng phải mang tội đồng lõa, bởi có mình ăn mới có người giết?

- Tâm không gây nhân, quả không chỗ sanh, nghiệp không tạo, tội do đâu mà báo ứng.

* Tâm ưa thích thịt cá, thân đi mua về ăn, sao gọi là không gây nhân?

- Tâm vẫn bình đẳng, không chấp chày, cũng không thiên mạn; đây chỉ là thói quen của vật chất đòi hỏi.

* Có tâm dung túng chấp thuận, nên sự đòi hỏi của vật chất mới được thỏa mãn chứ!

- Đúng vậy, nhưng tâm đâu có chủ trương giết, hoặc xúi giục kẻ khác giết, tai không nghe, mắt cũng không thấy. Cả thân lẫn tâm không vi phạm một điều kiện khinh trọng nào trong giới sát sanh kia mà.

* Không phạm, nhưng đã thấy biết thịt cá, mà còn nhẫn tâm ăn vào, thì lòng từ bi của Phật tử ở chỗ nào?

- Tín đồ đã bị đầu độc nhiều rồi, giờ này còn đem cái từ bi giả dối ấy ra quảng cáo không ai tin đâu. Từ bi đối với chúng sanh đương bay đương chạy, không nở giết nó để nuôi mạng. Đó là từ bi thực sự, còn từ bi đối với miếng thịt, khứa cá, là từ bi dối trá, từ bi ngoài lỗ miệng của người bị nhồi sọ. Tu hành, trong giới sát sanh, chưa biết Phật dạy những gì, mà muốn tỏ ra mình hơn Phật.

* Phi lý: Phật dạy kiêng cử thịt cá, người ăn thịt cá là người cãi lời Phật. Cãi lời Phật, tức là muốn hơn Phật đó vậy.

- Phật dạy cử giết, chúng ta cử ăn ấy mới phi lý, Phật dạy giữ 5 giới, chúng ta không giữ một giới nào, ấy mới là hơn Phật.

* Ăn chay không phải giữ giới hay sao?

- Đã nói rằng "ăn" không phải giới. Không thấy đem "giới" ra nói chuyện, cứ đem cái ăn ra bàn hoài không rồi.

* Vậy chứ sao, nó là vấn đề căn bản mà (Có thực mới giạt được đạo, dĩ thực vi tiên).

- Phải, nó là vấn đề sanh tử của dạ dày; nào phải vấn đề cần thiết của giải thoát. Chỉ có cái nghệ thuật "ăn" quanh năm quanh tháng giải quyết không xong.

* Đề mục "thịt, cá" tham khảo chưa dứt khoát, nên muốn bàn cãi cho ra lý do thôi.

- Nên tìm những hành giả đã tu chứng được cái quả "từ bi" mà hỏi thì ra ánh sáng.

- Nghe nói họ lấy thịt và cá làm đề mục để trước mắt rồi quán tưởng cho thấy con thú bị cột trói khiên đến lò thịt bị hành quyết kêu la thảm khóc, rồi bị phân thây xẻ thịt đem đi bán; hoặc thấy con cá đang bơi lội tự do dưới nước, kếp bị mắc câu, kéo lên bờ, ngộp thở giẫy giụa rồi chết. Thấy cảnh tượng đau khổ như vậy, lòng từ bi vô lượng phát sanh lên, từ đó đến sau họ không nỡ ăn thịt cá nữa. Mình cũng muốn kinh nghiệm như họ; ngồi trước mâm cơm cũng ra sức quán tưởng, không thấy từ bi ứng hiện chút nào, trái lại mùi vị thịt cá xông lên thơm mũi, bắt trốn ních đầy bụng rồi lại thấy thỏa mãn là khác ... Cho nên dù trường chay mà lòng còn tham lam, sân hận, tà kiến vẫn sa địa ngục, không còn tham lam, sân hận, tà kiến trong lòng dù không ăn chay cũng sanh lên Thiên đàng.

* Trường chay còn sa địa ngục, mà người giữ giới còn ăn thịt cá mà cũng đi thiên đàng được sao?

- Người trước không thể sánh với người sau, bởi họ sợ giới mà không sợ 4 đường ác đạo. Người sau hơn người trước bởi họ nhờ giới để ngăn ngừa tội lỗi. Người trước chay trong lý thuyết, người sau chay theo thực tế.

* Thực tế trong chỗ ăn mặn phải chăng?

- Thực tế trong chỗ không quanh quẩn, không miệt mài trong cái ăn, không tự đắc với cái ăn, mà trầm tĩnh trong chỗ trau dồi thân khẩu.

Tu không lo cứ lo tranh chấp hoài về cái ăn, đã nói khô nước miếng mà câu chuyện vẫn không rồi. Bao giờ chúng ta phá được cái chấp, thì vấn đề ăn mới có thể chấm dứt được.

* Vì chúng ta còn ăn mặn, ít nhứt cũng 20 ngày trong tháng, nên vẫn còn thắc mắc, hoài nghi đó thôi. Giải thích cho xuôi vấn đề ăn mặn thì cái chấp kia mới không còn tồn tại.

- Tu cốt để phá chấp, mà cả thầy lẫn trò chúng ta mặc dầu đại đa số cũng không dứt bỏ nổi cái mạn, cứ bám chặt vào lý thuyết chay, nghĩ thật buồn cười. Đức Phật đã phá chấp cho Đề bà đạt đa, mà ông này vẫn ngoan cố, chúng ta tài nào thức tỉnh môn đệ của ông.

Để chấm dứt câu chuyện ăn mặn, xin trình bày một vài ngu kiến:

Nên nhớ rằng nghiệp dữ nghiệp lành đều do tâm tạo ra. Các đồ tể và bạn hàng tôm cá vì quyền lợi cá nhân mà họ phải giết thú hại vật để bán kiếm lời. Họ giết nhiều, giết ít tùy theo nhu cầu số của hai hạng người tiêu thụ:

Một hạng chẳng bao giờ lập tâm tính trước phải ăn món nào trong ngày; chờ ra chợ gặp gì mua nấy. Người vô tình, tức vô can, vô tội. Hạng khác thường lập ra sẵn một thực đơn trong ngày, bằng chẳng vậy, nếu thích món chi, họ cố tìm kiếm cho ra món ấy, với giá nào cũng mua cho bằng được, và nếu kiếm không ra, họ đòi hỏi bạn hàng, nay không được thì mai cũng có cho họ dùng. Cố ý như hạng này, tức đồng lõa cố sát.

Một đàng gặp chi ăn nấy, dầu thịt cá, lê hoát không cố chấp đây mặn, kia chay và xem các thức ăn ấy như vật chất bên ngoài để bồi bổ vật chất bên trong, đủ sống ngoài vòng tội lỗi, sống theo trung đạo của giới luật. Đàng khác lại phân biệt gắt gao chay với mặn. Khi ăn chay họ ăn toàn đồ lê hoát, lúc ăn mặn họ mạnh dạng đòi hỏi hoặc tự giết heo, bò, gà, vịt. Lắm khi ngoài miệng họ thiên về chay, trong lòng họ lại ngã qua mặn, cho nên đồ chay cũng có tên mặn: Nào là cá hấp, mắm ruột, sườn xào, tôm kho ... (nếu lòng không ngã qua mặn thì đặt tên mặn làm gì, đây là ăn chay nói dối). Tóm lại họ sống trong lợi dưỡng, sống ngoài vòng pháp luật nhà Phật, nên họ thành người cực đoan. Vì đó mà chay họ cũng chấp, mặn họ cũng chấp. Hai cái chấp đã ăn sâu vô xương tủy trí não, hết còn xét đoán được phải quấy, chánh tà. Cho nên Đức Phật có nói rằng: Số người sanh về nhàn cảnh sánh như sừng bò (có 2, quá ít); số người sa vào ác đạo như lông bò (vô số kể).

Tới đây đã cạn lời xin chấm dứt vấn đề "ăn".

Đây là "Không chê đồ chay, nhưng không chấp nhận thành kiến ăn chay" kiểu đó, nếu có thật (hình như thật rất nhiều).

6. SỰ THIỆN CHIẾU VÀ SỰ AN CHAY

Quyển "Tranh Biện" của Xích Liên xuất bản 1929 - 1932, quyển thượng, trang 151 - 169 ghi rằng:

Coi Ai là tà thuyết.

"Ai nói Ta có thuyết pháp tức là mắng Ta" (Thích Ca Mâu Ni.)

"Phật thuyết pháp 45 năm, chuyên trị có một chứng bệnh "chấp trước", vì "chấp trước" là nguồn gốc thống khổ của người đời. Phật tùy cái bệnh "chấp ta chấp cảnh" mà cho thứ thuốc pháp "vô ngã vô thường", tùy bệnh "có" mà cho thuốc "không", tùy bệnh "không" mà cho thuốc "chẳng không chẳng có". Bệnh có nhiều chứng, thì thuốc phải có nhiều phương, mà cũng đều trị lành được cái bệnh "chấp trước".

Nhưng, vì hiểu thấu tâm lý của người đời, Phật còn lo xa nữa, lo có kẻ lầm tưởng thứ thuốc của mình uống là trị được hết các chứng bệnh ở thế gian, lo có người hiểu sai rằng thứ pháp của mình nghe là hợp hết căn cơ của quần chúng, lo có kẻ cố thuốc mà thêm đau, lo có người chấp pháp mà bị trói, cho nên Phật mới nói một cách tự nhiên rằng "Ta không có thuyết pháp đa! Nếu ai nói Ta có thuyết pháp, tức là mắng Ta"

Ai nấy có hiểu Phật nói cái gì không? Thì Phật bảo chúng ta đừng có một mảy chấp trước nào, mới thật là hoàn toàn giải thoát.

Thích Ca Mâu Ni! Thích Ca Mâu Ni! Dầu ai họ có cười tôi là người chưa được tự chủ, mặc họ, tôi cũng xin cuối đầu mà nhìn nhận Ngài là một đấng từ phụ, một vị đạo sư, một nhà triết học, một nhà tâm lý học, đại từ đại bi, đại thánh đại trí, hoàn toàn tuyệt đích ở thế gian này!

Phải chi hết thấy hiểu được cái diệu lý của Ngài, thì đâu có "chấp ta" "chấp pháp", mà xâu xé tranh giành, làm cho thêm thống khổ? Đau đớn thay!

Phải chi họ muốn hiểu Phật pháp thế nào thì hiểu ai cấm? Họ muốn bơi xuống mà rước một ít người qua lại ở rạch cốc, rạch bần gì thì rước, ai cản? Ấy là quyền riêng của họ mà. Cái này họ đèo bồng rủ thiên hạ tẩy chay mấy chiếc tàu chạy từ Đại tây dương qua Thái bình dương, chẳng luận ở đâu, cũng bảo cứ đi xuống của mình, ấy mới có sanh giặc!

Ông Hiễn Huệ, ông có lòng bênh vực Phật pháp, thật tôi hết sức kính trọng và vui mừng. Nhưng tôi xin khuyên ông một điều, là trước hết phải tập ăn nói cho ngay thật, đừng rửa sạch cái "nhục" từ hồi nào đến bây giờ người ta cứ nói "Ăn mặn nói ngay, ăn chay nói vạy" đó đi đã. Nếu cái "nói vạy" là cái "di truyền", ông không thể bỏ đi được, thì thôi, xin ông đừng ép buộc người ta.

Tôi cứ theo sự thật, chép ở trương 21, trong sách P.G.V.Đ của tôi, rằng Phật có ăn thịt heo rừng của Cunda (Thuần Đà) dâng cho. Nói thật, ông bảo là tà thuyết! Ông bảo sao không chịu căn cứ ở kinh Đại Niết Bàn của Tàu.

Thưa ông, tôi không tin kinh nào hết. Có tin, cũng không phải tin trọn cả bộ. Kinh nào nói thật hơn, lời nào nói đúng lý, tôi tin, chẳng riêng của Nam tôn hay của Bắc tôn.

Rất đổi hỏi ông Anan còn hiện tại, cách Phật chưa bao xa, nguyên bài kệ kinh Pháp cú (Dhammapada): "Nếu người sống trăm tuổi, không tỏ pháp "sanh diệt", chẳng bằng sống một ngày mà được hiểu rõ đó". Vậy mà đã có người đọc sai đi rồi: "Nếu người sống trăm tuổi, không thấy hạc già nước, chẳng bằng sống một ngày mà được ngó thấy đó".

Hướng chi cách Phật lâu đời, trải qua nhiều nước, kinh nào cũng tin bướng theo càn, lời nào cũng cho là lời Phật, không biết suy xét lọc lựa, thì có khác nào bung chén thuốc độc mà tự sát một cách vô lý!

Ông bảo: "Đại phạm nghiên cứu kinh Phật, thì phải lấy thiệt sự học thức của mình, đem ra mà khảo cứu cho thật kỹ, phân chia tà chánh giả chơn; ấy là dĩ kinh chứng kinh (lấy kinh này làm chứng cho kinh kia) rồi mới dám làm sách phô trương ra cho muôn người tụng đọc".

Vâng! Thì tôi đã "Dĩ kinh chứng kinh" sao ông không lấy lý trí (Raison) mà suy xét? Tôi cũng biết trước rằng sẽ có một số người cho kinh Tàu là đúng hết, nên tôi không dẫn chứng ở quyển Gautama le Bouddha, mà lại dẫn chứng ở kinh A Hàm, kinh Tàu, trong Đại Tạng.

Xin ông chịu khó dờ quyển trung, trong bộ sách "Lương nhậm công cận trú đệ nhứt tập" là một quyển sách chuyên khảo về Phật học, ông sẽ thấy Lương Khải Siêu tiên sanh lấy con mắt nhà làm sử, dùng phương pháp khoa học khảo cứu một cách tường tận, ở trương 290, ông chỉ những lẽ gì mà người thật muốn nghiên cứu Phật học phải nghiên cứu kinh A Hàm. Vậy thì tôi

đem kinh A Hàm mà đối chứng với quyển sách của Soubhara, là một quyển sách do kinh điển Pàli mà viết ra, tương cũng không phải là "vô giá trị".

Tôi đã biết rồi, biết ông Phật của người ta hiểu, khác với ông Phật của tôi hiểu; biết cái người ta cử mà mình không kiêng, thế nào cũng sẽ bị chúng mắng! Bởi vậy, trước khi trích lấy đoạn ấy, lo viện đủ lẽ, mà ngừa trước đón sau rồi. Vậy mà cũng không tránh khỏi kẻ điếc không sợ súng!

Trương 21, tôi đã chú giải rằng: "Quả thiệt Phật có ăn thịt heo rừng quay" sao? Nhưng trong kinh Trường A Hàm (Dirgagamas) thì nói Phật ăn nấm cây chiên đàn (Candana) của Cunda mà thọ bệnh rồi vào Niết bàn: "... lại có nấu nấm cây chiên đàn là một món ăn rất quý dâng cho Phật. Phật bảo Châu Na (Cunda) chớ dọn "nấm" cho các thầy Bí Xu, Châu Na vâng lời Phật dạy mà không dám dọn cho các thầy Bí Xu".

Tôi thấy kinh Trường A Hàm nói như vậy, nên đặt ra mấy câu hỏi như vậy: "Nếu thiệt là "Nấm cây chiên đàn sao Phật không cho Châu Na dọn cho các thầy Bí Xu? Hay là nấm ấy có độc mà Phật không cho dọn các thầy Bí Xu ăn? Nếu quả nấm ấy có độc, ăn vào có hại đến mạng người, thì sao gọi là món ăn rất quý? Sao Châu Na lại đem món ấy mà dâng cho Phật?"

Bao nhiêu đó, tôi còn sợ chưa đủ lẽ, lại thêm rằng: "Huống chi Đê hoa đất ta sau khi làm hại Phật không được, bèn tự xưng là Đại sư và chê "Tám đường chánh" của Phật không phải là chơn đạo, mà "5 pháp" của Va lập ra mới là chơn đạo: "... 5. trọn đời không ăn cá, thịt, muối, sữa".

Rồi tôi lại đặt ra một câu hỏi: "Nếu 5 phép ấy không khác với Phật pháp thì sao Đê hoa đất ta gọi là chơn đạo mà chê "Tám đường chánh" của Phật không phải là chơn đạo?" (Nếu Đức Phật và các Tỳ kheo Tăng đã ăn chay, và điều ăn chay thì Devadatta còn xin Phật hãy cấm ăn cá, thịt làm gì nữa? Và nếu Đức Phật không có ăn cá, thịt thì sao Phật không chấp nhận lời xin của Devadatta?)

Ông Hiền Huệ, ông bác đoạn sách tôi chép đó là tà thuyết, thì trước phải trả lời mấy câu hỏi ấy cho suông đã. Tôi dám chắc rằng không bao giờ ông trả lời được. Có được, chẳng qua ông nói bướng rằng: "Cái đó tại Phật Đà Da Xá (Buddhayasas) dịch giả kinh Trường A Hàm thêm vào đoạn ấy!". Nếu vậy, thì người ta cũng có thể nói: "Nếu kinh Niết Bàn không có đoạn đó, chắc là dịch giả bỏ bớt", rồi ông mới làm sao?

Nhưng, không ai được quyền gì mà nói rằng Phật Đà Da Xá thêm vào đoạn ấy. Nếu quả là "thêm vào" sao không nói trắng ra, mà lại nói trớ là "nắm cây chiên đàn"? Có gì đâu lạ! Chẳng qua dịch giả đã khổ tâm về chỗ đó: Nếu nói trắng ra, sợ e hạng phạm tục. xem Phật cũng tầm thường bằng con mắt thịt của họ, rồi dầu đạo lý có cao thượng cho mấy. họ cũng không thèm nghe; còn nếu bỏ bớt đoạn ấy đi, thì làm mất sự thật, cho nên cực chẳng đã phải "nói trớ" vậy thôi.

Đây là "đề dễ thu hút tín đồ của họ".

Thưa ông, tôi xin nhắc lại với ông một lần nữa: Nếu ông muốn bác đoạn sách tôi chép đó là tà thuyết, thì trước hết ông phải trả lời cho xuôi mấy câu hỏi trong sách của tôi đã.

Ông nói: "Nếu cho chắc rằng Phật có ăn thịt, sao sư chưa ngã măn cho rồi, còn chờ chừng nào, là vì Phật kia còn ăn thịt, huống chi là đệ tử Phật còn sợ phạm giới nổi gì?"

Tôi chờ chừng nào đã được thành Phật ... nhưng thưa ông, nếu tôi có lòng chờ thành Phật đặng ngã măn, thì không biết đời nào kiếp nào mà thành Phật được. Bởi còn cố ăn quá!

Ở nước nào thì tôi không biết, chớ trong cõi Việt Nam này, tín đồ ai nấy hình như họ còn nhớ lời Phật dạy Cunda: "Người phải đem chôn hết món thịt dư này vì không phải Sa Ma Na, các Bồ Ra Mãn, loại trời, loại người được dùng, chỉ có Phật dùng là khỏi hại mà thôi". Cho nên mấy thầy Sa Ma Na có ghé nhà họ lỡ bữa, họ sợ mắc nhân mạng, có dám "dọn măn" đâu ông!

Mà hiện giờ tôi chưa thành Phật, ông bảo tôi sao không ngã măn cho rồi, bộ ông muốn giết tôi sao?

Vậy cho ai nấy sáng con mắt: Ông Hiền Huệ là người biết ăn chay niệm Phật đã.

Tôi cũng nghĩ mà cười thầm: Sao ông Huệ Năng chính mình lược rau trong trách thịt, mà người đạo Phật ai nấy cũng đều sùng bái ông là vị Tổ thứ sáu của Thiên tôn nước Tàu, lạ thay!

Ông nói "Còn nói Phật ăn thịt đặng, Tăng đồ ăn không đặng, thì thiệt là vô lý. Thí dụ như: Ông quan kia cấm nhân dân chằng đặng làm điều chi sai luật,

nếu phạm luật của ông thì phải bị tù tội, mà chính ông quan đó ông phạm luật của ông truyền, vậy ông quan đó có tội cùng chăng?"

Thôi rồi còn chi! Người xưng mình là người đạo Phật, ra bên vực đạo Phật, mà chính mình lại không biết Phật là gì. Phật pháp là gì, tôi có ngờ đâu! Phải chi tôi có "nước mắt thừa" cũng như công ra mà khóc, khóc mấy chỗ đã chấn hưng Phật giáo, khóc mấy người đã lo chấn hưng Phật giáo!

Phật là người đã sáng suốt trong lòng, không đổi thay theo hoàn cảnh. Cho nên, món ăn thì dở hay ngon cũng không tương, thân thể thì đau hay mạnh cũng như thường, không gì làm cho thống khổ được.

Phật là một nhà giáo dục, lấy lẽ phải mà khuyên dạy học trò, chớ đâu phải như một ông quan dùng cường quyền mà cấm mà phạt ... đâu, ông lại đem so sánh với Phật? Mà trong bộ Thập tụng Luật, quyển 37, Phật cho các thầy Bí Xu ăn 3 món "thịt sạch" kia kia (1- Không thấy giết; 2- Không nghe giết; 3- Không nghi rằng người ta giết cho mình ăn). Ông không tin? Thì ở Trà vinh sẵn có Đại Tạng đó, chịu khó dỡ mà xem đi.

Hay là ông lại chê luật của Tiểu thừa? Thì ông dỡ kinh Đại thừa ra xem, sẽ thấy kinh Niết bàn, quyển 4, có nói: "Ca Diếp Bồ tát lại bạch Phật rằng: "Thế tôn! Vì sau Ngài không cho ăn thịt?" -: "Ăn thịt thì dứt giống từ bi" (nghĩa là không thương hết chúng sanh) -: "Vậy sao trước kia Ngài cho các Thầy Tỷ khưu (Bí Xu) ăn 3 món thịt sạch"?

Ông thấy chưa? Từ khi Phật thành đạo cho đến khi gần Niết Bàn 45 năm, các thầy Bí Xu, Phật không bảo ăn chay lúc nào hết!

Hay ông không tin luật Tiểu thừa, mà cũng không tin kinh Đại thừa nữa, thì thôi, ông không phải người đạo Phật, xin đừng can thiệp đến sách vở của chúng tôi.

Nếu ông tin là có, các thầy Bí xu vẫn ăn thịt từ hồi Phật mới thuyết pháp cho đến khi Phật nhập Niết Bàn, thì tôi lại xin hỏi ông: Sao ông dám chắc rằng Phật không ăn thịt?

Ông có hiểu 2 chữ "Bí Xu" (Tỷ khưu) là gì không? Nếu ông trả lời: Bí Xu nghĩa là: "người xin ăn" thì tôi xin nói: Nếu các thầy Bí Xu có "ăn thịt" thì Phật phải có "ăn thịt". Vì Phật cũng là "Bí Xu" vậy. Ông lại quên sao? Thì trong kinh Kim Cang, đêm nào ông cũng tụng, trong ấy có nói: "Khi bấy

giờ, Đức Thế tôn đến giờ ăn, mang ca sa, bưng bình bát vào thành Xá vệ xin ăn".

Cũng như các thầy Bí Xu khác, Phật là một thầy Bí Xu tuổi cao đức trọng trong hội Tăng già (Sangha) cũng bưng bát xin ăn, duy có lòng được hoàn toàn sáng suốt, rồi ra khai sáng cho đời, nên kêu là Phật, chớ có gì đâu lạ!

Hay là ông tôn trọng Phật thái quá rồi bào chữa như thế này: Các thầy Bí Xu tuy có ăn thịt, song Phật vẫn ăn chay? Nếu thật vậy, là ông rủ người ta mắng Phật là ích kỷ! Sao Phật cho các thầy Bí Xu ăn thịt cho bị hại, còn Phật lại ăn chay cho được thoát khổ một mình? Ông có nghĩ đến chỗ đó không?

Ông thường tụng kinh Kim Cang thì phải nhớ: "N hư Lai là người nói thật, nói chắc không nói dối, không nói lạ lùng". Vậy ông muốn biết Phật muốn thành Phật, thì phải chừa cái tật nói dối, phải cẩn rắng mà nói thiệt đi.

Ta tìm kinh luật, tra ở địa lý, cứ theo lịch sử, thì thấy khi Phật còn tại thế, chưa thiết hành cái chủ nghĩa "ăn chay".

Nhưng sau khi Phật Niết bàn, trong Giáo hội mới chia ra Thượng Tọa Bộ, Đại Chúng Bộ (hay Tiểu Thừa, Đại thừa) nên mới phát hiện cái vấn đề "ăn mặn ăn chay". Phái Tiểu Thừa là phái Bảo thủ, cứ dùng "3 món thịt sạch", như Giáo hội ở Tích Lan, Xiêm La, Cao Miên, Miến Điện, Ai Lao ... đến nay cũng chưa biết cái "Ăn chay" là gì! Chỉ có phái Đại thừa suy theo cái lời Phật dạy Cunda (Thuần Đà) phát huy cái nghĩa "Từ bi bất sát" mới có cái lệ "ăn chay". Và lại như Trung Quốc, Việt Nam, Cao Ly, Nhật Bản không có cái lệ "ăn xin" thì làm sao tìm tại chùa cho có "3 món thịt sạch"?

Không lo giải thoát cứ chấp nhứt mãi trong vòng ăn mặn, ăn chay! Họ tưởng cái ăn chay là chơn tu, là từ bi đúng đắn rồi. Có dè đâu, ta mặc áo lụa, ở nhà ngói, đi xe hơi mà trong đời có nhiều người vì bệnh khổ, vì cơ hàn, vì bị đè nén mà tự sát nguyên sinh; mỗi năm ta đóng góp một số tiền, tưởng đã làm tròn bổn phận, có biết đâu chính mình vô ý mà sắm thêm khí giới giết người. Như vậy, ta tuy không ăn thịt thú vật, nhưng ăn thịt người một cách gián tiếp vậy. Tôi không biết mấy người chấp ăn chay là từ bi đúng đắn đó, có xét đến chỗ ấy không? Đây là "Vớ tinh thần phá chấp"

Ông nói: "Đức Phật thường lấy lòng từ bi, bác ái tế độ quần sanh. Ngài lập ra 250 giới luật để răn dạy môn đồ đương thời và hậu thế, có lý nào Ngài phạm nhằm điều luật thứ nhứt hay sao?"

Ông làm rồi! Phật chính mình không giết, không xúi ai giết, cũng không thấy ai giết con heo rừng ấy mà vui mừng. Vậy cái giới "sát sanh" không khấp vào ở khoản này được. Thôi, bãi nại đi, đừng để người thuộc luật họ bác đơn mà mang xấu!

Nhưng ông cũng chớ nên hiểu lầm rằng giới luật của Phật pháp như tín điều (Dogmes) của các tôn giáo khác, giới luật chẳng qua là một cái phương tiện mượn để đến chỗ cứu cánh là "trí tuệ" mà thôi. Tôi tuy không phải là nhà luật sư chuyên môn, song cũng hiểu được đại khái.

Mục đích cứu cánh của Phật pháp là: Độ hết quần sanh đồng lên cõi sáng suốt. Nhưng trước kia ta chưa mở trí huệ, thì lòng ta cứ loạn động không yên, đổi thay theo hoàn cảnh, thấy cảnh khổ thì chán chê, thấy cảnh vui thì ham muốn, vậy thì đâu dám đâm thuyền ra cứu vớt những kẻ đương lặn hụp ở giữa chón ba đào, ra tay tháo củi cho đám còn bị lao lung trong địa ngục? Bởi vậy cho nên mới mượn cái phương tiện "giới luật" cho yên tịnh trong lòng, đặt đến cái mục đích "trí huệ" vậy.

Ông dẫn chứng ở kinh Đại bát Niết bàn: "Ta xem cả thầy chúng sinh như La hầu La chẳng khác" rồi ông nói thêm: "Phật đã nói như vậy, sao Sư cho rằng Phật ăn thịt chúng sanh. Hay là Sư cho con heo là loài thú chẳng phải chúng sinh sao?"

Câu kinh ấy, đáng lẽ ông đừng đăng lên mặt báo, giữa mắt muôn người, mà chỉ nói nhỏ một mình tôi nghe mà thôi. Vì tôi đã biết Phật, cho nên tôi tin bằng lời. Nếu người không tin, có biết chuyện Nhạc dương tử, không khỏi họ nói Phật có ăn thịt, rồi ông mới làm sao? Vì chính miệng ông khai ra cho người ta đủ bằng cứ mà buộc tội đó!

Trong sách tôi, lời đáp câu hỏi 82: "Vì Phật có dặn bảo các thầy Bí Xu rằng chớ nên từ chối một vật gì của người có bụng tốt dâng cho". Ông lấy câu ấy mà nạn tôi rằng: "Bạch sư Thiện Chiếu, Sư là đệ tử của Phật, phải y theo giáo lý của Phật mà tu hành, chỉ như có người phụ nữ hình dung yếu điệu, cốt cách phương phi, thấy Sư tu hành theo hạnh Phật, cô ấy động lòng cung kính muốn dâng thân ngọc cho Sư, đừng phục thị như Ma đăng già thuở nọ. Không biết lúc đó Sư có phân biệt lời Phật nói đó là nói theo chuyện, chớ chẳng phải lời nhứt định, thì ôi thôi biết bao là khoái lạc cho Sư".

Tôi có mấy lẽ trả lời dưới đây, vậy ông muốn nhận lẽ nào cũng được.

1/ Nếu người đã chán cái khổ gia đình mà đi tu, không ai đại gì liếm lại nước miếng của mình đã nhỏ.

2/ Nếu người chưa trải đủ mùi đời, xuất gia cũng chưa hiểu đạo rủi gặp cái "ca" như vậy, tôi tưởng nghiệp ai gây nấy chịu, có mắc mớ gì mình?

3/ Nếu người nào còn thấy người phụ nữ là hình dung yếu điệu, là cốt cách phương phi, thì họ cho là khoái lạc là phải. Nếu như vậy, dầu "trời đánh" họ cũng chẳng buồn, có biết gì Phật nói theo chuyện cùng chẳng theo chuyện!

4/ Nếu người hiểu lý vô thường, đã có huệ nhãn thì cái mà thiên hạ cho là "ngôi sao", trái lại, người ta xem như ngọn đèn leo lét ở giữa gió: Mắt lờ, tai điếc, tóc bạc, da nhăn, một bà già mang lột phấn son mà gạt người phạm tục! Đã hết hy vọng rồi, còn gì mà khoái lạc?

5/ Cưu ma la thập pháp sư có gan mà nhận lãnh mười người kỹ nữ của chúa Diêu Tần ban cho, cái đó cũng là thường. Nhưng không hiểu sao Ngài biết được đời sau không ai chê kinh điển của Ngài dịch thuật, ấy mới lạ thay!

Chính ông Hiền Huệ, là người hay chấp nhứt, mà mỗi đêm tụng kinh Kim Cang, trước hết cũng đọc: "Diêu Tần Tam Tạng pháp sư Cưu ma la thập dịch" tỏ lòng biết ơn và cung kính!

Ông nói: "Sư dịch sách không chịu tra cứu để biên càng dịch lúng, dám nói Thuần Đà (Cunda) là tên thợ rèn làm thịt heo rừng quay mà đả Phật, thiệt là vô lý quá, ông Thuần Đà là một vị Bồ tát đâu phải là thợ rèn".

Thật tôi nói không sai! Bây giờ ông đã lòi cái chơn tướng là tín đồ của Bà la môn giáo rồi! Nếu người đạo Phật sao còn cái óc giai cấp? Sao không hiểu cái nghĩa "hết thầy chúng sanh đều thành Phật được" của Phật pháp?

Thợ rèn là cái tên chỉ "nghề nghiệp để nuôi mạng sống", còn "Bồ tát" là cái tên chỉ "người còn thân phàm mà được sáng suốt trong lòng, thế thì cái thân "thợ rèn" cũng được cái lòng "Bồ tát" như ai vậy chứ!

Giã sử như có người hỏi ông: "Phần đông nhơn loại ở cái xã hội hiện tại này, đều là hạng nghèo khổ, đem mồ hôi mà đổi bát cơm, có nhiều nghề còn bị

cực khổ, bị đày đọa hơn cái nghề thợ rèn nữa". Mà theo như ông nói: "Thuần Đà là một vị Bồ tát, đâu phải tên thợ rèn" ấy là ông muốn nói nghề thợ rèn là nghề hèn hạ, đâu được làm đến bậc Bồ tát. Hạng nghèo khổ chúng tôi đã không được cái hân hạnh làm Bồ tát, không làm được Bồ tát, thì không thoát được cảnh khổ. Vậy sao nghe nói đạo Phật là đạo cứu khổ? Hay là ông nói cứu khổ cho hạng giàu sang quyền thế? Nhưng hạng ấy họ có khổ gì đâu!"

Người ta hỏi như vậy rồi ông mới trả lời làm sao? Nếu ông cũng nói như tôi: Bồ tát là người còn thân phàm mà lòng đã được sáng suốt. Cái sáng suốt đã ở trong lòng, mà không phải ở nơi nghề nghiệp, vậy sao tôi nói Thuần đà là người thợ rèn mà ông lại cho là vô lý?

Ông còn chưa thêm rằng: "Thuần đà là con ông thợ khéo (Xảo công chi tử) chữ Pháp dịch là Orfèvre".

Trong mấy bài trước, tôi giải đáp như vậy, chắc độc giả phân biệt được chánh tà rồi, và ông Hiền Huệ cũng không còn viện lẽ gì mà chối cãi được nữa. Song cuối bài của ông, lại còn dẫn chứng ở kinh Đại bát Niết bàn, nói rằng người dọn thịt mời Phật tên là Đại cát sư, không phải Thuần đà, vậy tôi phải cắt nghĩa thêm về khoản ấy.

Ông Hiền Huệ dịch một đoạn ở phẩm Tùy hỷ: "Tại Vương xá thành có tên Đại cát sư làm thịt loài vật mà cúng dường Đức Phật và các Tăng đồ, người ấy hết lòng năn nỉ cầu xin Đức Phật nhận giùm, song Đức Thế Tôn không dùng lễ đó mà lại nói rằng: "Ta từ thuở nay chưa từng ăn thịt của loài vật bao giờ, là gì Ta xem cả thấy chúng sanh như con Ta chẳng khác".

Thưa ông, đoạn kinh ấy, theo tôi thì chắc hẳn phải Đại thừa thêm vào. Bởi vì Phật đã nói với Đại cát sư rằng: "Ta từ thuở nay chưa từng ăn thịt những loài vật bao giờ", ấy đủ biết trong kinh nói Phật ăn chay từ hồi mới xuất gia, hoặc trước khi xuất gia kia lặn. Mà Phật lại thường ở Trúc Viên (Veluvana) tại Vương Xá thành, nhiều lần thuyết pháp. Vậy theo lời ông dẫn chứng, thì Đại cát sư cũng là người ở Vương Xá thành, sao không biết Phật và Tăng chúng ăn chay, lại làm thịt loài vật mà cúng dường? Hay là ông nói: Đại cát sư chưa đến Trúc Viên mà nghe pháp, chưa biết Phật, chưa gặp Tăng chúng lần nào, nên không biết Phật và Tăng chúng ăn chay.

Ừ lạ chưa? Đã chưa từng quen biết, sao lại làm thịt loài vật và cúng dường?

Hay là ông nói: "Tuy chưa quen biết, song cũng nghe người ta nói"? Nếu người ta nói thì Phật và Tăng chúng ăn chay, người ta cũng nói luôn chớ. Có đâu để cho Đại cát sư giết đến mười con heo, nếu không, thì cũng năm con bò (ấy là theo số đệ tử Phật theo hộ giá phò trì đến 1250 người của ông nói đạ), rồi năn nĩ cầu xin cách mấy Phật và Tăng chúng cũng không dùng?

Thưa ông, ông còn đem kinh ra làm chứng nữa thôi? Ông phải biết, ấy chẳng qua phái Đại thừa thêm vào, để cho vững cái thuyết "ăn chay" của họ mà thôi.

THIỆN CHIẾU

---o0o---

7. PHẬT GIÁO ĐẠI THỪA TÂY TẠNG VÀ SỰ ĂN CHAY

Quyển "Lịch Sử Phật Giáo thế giới" tập Một, của Pháp sư Thánh Nghiêm, nhà xuất bản Hà Nội - 1995, nhóm biên dịch: G.S Nguyễn Đức Sâm, Mai Xuân Hải, Nguyễn Tá Nhí. Dịch theo cuốn "Thế giới Phật Giáo Thông Sử" do nhà xuất bản Đông Sơ ấn hành tháng 9 năm 1991, trang 434 - 436 ghi rằng:

"Do tư tưởng không coi trọng xác thịt ấy, mà tuy Tây Tạng cũng cùng là Phật giáo Đại thừa, nhưng không chủ trương ăn chay như Phật giáo Trung Quốc. Điều thứ ba trong kinh giới của Phạm Võng Bồ tát giới qui định trên văn bản rõ ràng: "Mọi thứ thịt không được ăn, làm hư hại hạt giống của tính đại từ bi", không được ăn thịt của mọi thứ chúng sinh, ăn thịt chịu tội vô lượng. Điều 20 lại nói: "Giết mà ăn thịt, tức là giết bố mẹ ta". Phật giáo Tây Tạng không thế. Họ cho rằng người tu hành ăn thịt chúng sinh tức là kết duyên với chúng sinh bị ăn thịt, ăn thịt của chúng sinh mà lại tu trì Phật pháp, thịt của chúng sinh ấy tuy bị ăn, nhưng thần thức thì nhờ đó mà được siêu thoát. Vì vậy ăn thịt không phải là có tội. nhưng tự họ không sát sanh, giết thịt cừu, bò là việc riêng của tiện nhân và những tín đồ Hồi giáo sống ở Tây tạng, đồng thời họ có một lý do khác để làm đầy đủ lý do của thuyết họ, họ ăn thịt bò cừu mà không ăn thịt tôm cá. Họ nói rằng cùng là ăn thịt chúng sinh, một động vật to như bò hoặc cừu, thì có thể nhiều người cùng ăn, còn nếu ăn tôm, cá, sò, ốc thì phải nhiều chúng sinh mới đủ cho một người ăn no, cho nên bất luận tăng tục chỉ ăn thịt động vật to như bò như cừu chứ không ăn tôm cá, thủy sản. Thật ra thì, đây là do Tây tạng ở cao nguyên, tuy kinh doanh cả trồng trọt chăn nuôi, nhưng sản phẩm trồng trọt không đủ ăn,

cũng không đủ để chống rét, gia súc nuôi thì chủ yếu là bò, cừu. Đúng như Đạt lai đời thứ 14 đã nói: Ở Tây tạng, phần lớn là những vùng khí hậu giá lạnh, tuy có rất nhiều cái ăn, nhưng chúng loại rất có hạn, không ăn thịt, không hề giữ được sức khỏe, hơn nữa, trước khi Phật giáo truyền vào, từ lâu đã quen với tập quán này rồi. Người Tây Tạng cho rằng giết bất cứ một gia súc nào cũng là có tội, bất luận là vì lý do gì, nhưng họ không cho rằng ra chợ mua thịt bất cứ động vật đã chết nào là có tội. Còn người giết thịt giống thú để bán thì cho là người có tội và là kẻ vô lại". Lại nói ở Tây tạng của họ "Chim và dã thú đều đi lại thoải mái, không sợ người, bởi vì nhân dân ta đều là tín đồ Phật giáo, quyết không thể để ý làm hại bất cứ một sinh vật sống nào" ("Hải triều âm" số 45 - 11, bài "Sự chuyển thể của Phật sống" do cư sĩ Khả Hoa dịch).

Có thể thấy, từ bi giới sát cũng là tín ngưỡng của người Tây tạng. Vì vậy sau khi A Đề La vào Tây tạng thì Tây tạng bỏ tội tử hình. Đó là việc đã xảy vào thế kỷ 11 Công lịch. Trong những tầng lũy thì Tây tạng cũng có những người ăn chay, như Đạt Lai Lạt Ma đời 14 hiện nay là một. Vì thế, việc cày đất ở Tây tạng kiêng dùng đồ sắt, sợ làm chết côn trùng dưới đất, đến nỗi sản xuất chịu ảnh hưởng lớn. Sau giải phóng, CHND Trung Hoa tiến hành cải cách, gieo trồng bằng thâm canh, nghe nói nông sản phẩm tăng lên nhanh chóng".

Quyển "Sống hạnh phúc chết bình an" Chân Huyền dịch 1999, của tác giả Hisholiness The DALAILAMA, tựa The Joyofliving and Dying in Peaca, trang 97 có ghi rằng:

"Mỗi ngày, cho tới khi chết, ta ăn uống để nuôi dưỡng cái thân. Tôi đã ngoài lục tuần rồi. Suốt hơn 60 năm đó, tôi đã ăn bao nhiêu thực phẩm, ăn bao nhiêu THỊT? BAO NHIÊU SINH VẬT ĐÃ MẤT MẠNG VÌ TÔI? Chúng ta dùng bao sức lực để nuôi cái thân. Nếu mục đích cuộc đời chỉ có thể thôi thì có lẽ ta chỉ nên làm loài thú hay sâu bọ, ít nhất là ta không làm hại loài khác" [*]

[*] Đây là lời của Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 14 nói.

Đây là "Một số nước Phật giáo Đại thừa ... họ cũng không bảo thủ tục ăn chay, nhưng với họ thì "Quân tử ưu đạo bất ưu thực"

Phật giáo Đại thừa Mông Cổ cũng giống như Tây tạng, ai có đi dự Đại hội Phật tử Á Châu Vì Hòa Bình thì biết rõ (Phái đoàn Phật giáo Việt Nam đi dự

Đại hội ấy có H.T Trí Thủ, H.T Minh Châu, Ni sư Huỳnh Liên ... phải mang đồ chay theo để mà dùng).

Phật giáo Tây tạng cũng được truyền đến Cao ly, Nhật bản ...

---o0o---

8. HÒA THƯỢNG THIÊN HOA VÀ SỰ ĂN CHAY

Quyển "Phật học phổ thông" bài thứ chín, đề "Ăn chay" Hương Đạo xuất bản, Ban Hoằng pháp Phật giáo Nam Việt chủ trương, tái bản năm 1966, trang 153 ghi rằng:

"Những lợi ích của sự ăn chay đối với cá nhân rất lớn lao. Người ăn chay không những thu hoạch được những lợi ích trong hiện tiền mà cả trong đời sống tương lai nữa.

Trong hiện tại, người ăn chay được những lợi ích sau đây:

- Tiết kiệm được tài chánh, vì đồ ăn chay rẻ hơn đồ ăn mặn nhiều.
- Tiết kiệm được ngày giờ và công lao nấu nướng, vì mướp, dưa, bầu, bí, khoai ... cắt rửa mau và ít tốn nước, và khi kho, luộc, nấu nướng lại mau chín, ít hao củi.
- Thân thể được khỏe mạnh, tinh thần được nhẹ nhàng, trong sạch: Trí tuệ được minh mẫn để tu thiên quán ..."

Đây là "Không chê đồ chay" (Vì có lợi ích thiết thực).

Trang 151 ghi rằng:

"Những điều cần tránh:

a/ Không nên kiêu mạn. - Người có phúc duyên ăn chay được dễ dàng, không nên sanh lòng kiêu mạn, tự cho mình là hơn người, và khinh người ăn mặn. Làm như thế đã sanh ác cảm với người mà lại còn làm tổn âm đức của mình nữa.

b/ Không háo danh. - Có người mới bước vô đường đạo, họ đã ăn chay trường ngay, cốt để người khác khen ngợi. Ăn chay như thế là do lòng háo danh mà ra; hành động này không có lợi cho sự tu hành mà lại còn có hại: Khi không còn ai khen ngợi nữa, thì không thấy hứng thú để tiếp tục ăn chay nữa.

c/ Không nên ép xác. - Có người tưởng lầm rằng: Ăn chay là để hành hạ thân xác, nên cố ăn một cách cực khổ như chỉ ăn ròn rã tương rau, muối sã ... từ năm này sang năm khác. Ăn như thế sẽ hao mòn thân xác và chết yếu trước khi thành đạo.

d/ Không nên giả mặn. - Có nhiều bà nội trợ muốn trở tài khéo léo của mình bằng cách nấu chay mà giả mặn, rồi đặt tên món ăn mặn hay làm ra những hình thức giống như đồ mặn. Thí dụ như: Củ hủ cao, củ hủ dừa kho mà gọi là cá tra kho, bắp chuối luộc trộn giấm và rau răm lại đặt là thịt gà xé phay; bí đao xắt mỏng cặp gấp nướng ăn với bánh hời mà lại đặt tên là thịt bò lụi ...

Như thế, là đã vô tình xúi giục người ăn chay nghĩ đến món mặn, miệng ăn rau dưa, mà lòng nhớ đến thịt cá, làm trò cười cho thế gian.

Đây là "... nhưng không chấp nhận thành kiến ăn chay" và "Tuy không phải cá thịt nhưng là cá thịt (bởi khi ăn các món chay mà hình thức lẫn tên gọi đều la o món ăn mặn như thịt quay, cá kho ... món chay mà tâm mặn)".

---o0o---

BÁT NHÃ PHI BÁT NHÃ?

Bát Nhã Tâm Kinh đoạn đầu: "Quán Tự Tại Bồ tát, hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa, thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không nhưt thiết độ khổ ách. Xá Lợi Tử, Sắc tức thị không, không tức thị Sắc, Sắc bất dị không, không bất dị Sắc; thọ, tưởng, hành, thức, diệt phục như thị".

Vậy thảo mộc, thịt cá làm thực phẩm có phải là Sắc chăng? Nếu là Sắc, thì "Sắc tức thị không" chẳng phải sao?

- Chữ "không" ở đây, muốn hiểu là "Bát Nhã" cũng được, là "Khái niệm" cũng được.

- Cái tên gọi "là vật thực", "thực phẩm chay", "thực phẩm mặn" không phải là "giả danh, khái niệm, không (Sunnatà)" hay sao?

Đây là "Ảnh hưởng tinh thần Bát Nhã"!

---o0o---

LỜI BẠT

Sau khi kiểm tra lại các tài liệu kinh sách Phật giáo trong và ngoài nước thì thấy "Lời giới thiệu của TT Giác Chánh không có chỗ nào kích bác chay mặn, không hề bài bác Nam Tông, Bắc Tông, luôn cả Nho giáo, cũng không hề bôi bác các nước Phật giáo bạn, cũng không hề chỉ trích các tổ Thiên tông...

Những người lên mạng Internet ... phê bình TT Giác Chánh, nhưng họ cũng phải chấp nhận lời TT Giác Chánh là đúng, như cư sĩ Chơn Chánh viết: "Các Ngài hành đạo tùy duyên, không căn cứ vào bất kỳ một pháp nhất định nào để giáo hóa chúng sinh; gặp mặn thuyết mặn, gặp chay thuyết chay" và Liên Tâm cũng viết: "Truyền thống uyển chuyển ấy cũng vẫn còn được chư Tổ sư sau này noi theo". Đây là "Các vị Tổ sư cũng không quá cố chấp tập quán ăn chay" của TT Giác Chánh.

Chỉ có Cung Đình Hương thì phản đối thẳng thừng: "Kính thưa quý vị! Đang ăn những món "chay giả mặn" xin quý vị cứ việc "ăn chay mà tâm mặn đi" thì Hòa thượng Thích Thiện Hoa quở: "Không nên giả mặn. - Có nhiều bà nội trợ muốn trở tài khéo léo của mình bằng cách nấu chay mà giả mặn ... như thế, là đã vô tình xúi giục người ăn chay nghĩ đến món mặn, miệng ăn rau dưa, mà lòng nhớ đến thịt cá, làm trò cười cho thế gian" (Phật Học Phổ Thông, bài ăn chay, trang 152).

Mong rằng các Phật tử trên "Diễn đàn Phật pháp" hãy giữ "Tâm bình khí hòa" khi biện luận Phật pháp ...

MONG THAY

Nhóm Phật tử Phù Sa
tháng 9-2001

---o0o---

Hết